| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**<br>**TẬP ĐOÀN PC1**<br>***PC1 GROUP***<br>***JOINT STOCK COMPANY*** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom – Happiness** |
| Số: 0638/ CBTT-PC1<br>*No: 0638/ CBTT-PC1* | *Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026*<br>*Hanoi, April 20 , 2026* |

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**
***ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE***

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**
***To: The State Securities Commission***
***Hochiminh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ *PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *1st, 2nd and KT Floor CT2 Building, No. 583 Nguyen Trai Street, Thanh Liet Ward, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pc1group.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo thường niên 2025/ *Annual report 2025*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn: https://www.pc1group.vn /*This information was published on the company's website on 20/04/2026, as in the link https://www.pc1group.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

**Người được ủy quyền CBTT**

***Person authorised to disclose information***

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

**Hoàng Văn Sáng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**

Địa chỉ: Tòa CT2, Số 583 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt , TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 024 3845 6329

Fax: (+84) 024 3823 1997

Website: pc1group.vn

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

# NỘI DUNG
## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025


### 1 PC1 VÀ THÀNH TỰU 2025

Thông tin của Ban Lãnh đạo 06
Điểm nhấn năm 2025 10
Giải thưởng tiêu biểu năm 2025 12
Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi 14

### 2 TỔNG QUAN VỀ PC1

Thông tin chung 18
Quá trình hình thành và phát triển 20
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 22
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh 35
Định hướng phát triển 60
Quản trị rủi ro 66

### 3 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 74
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 80
Tình hình tài chính 88
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 91

### 4 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 96
Những kết quả đạt được trong công tác quản lý 102
Kế hoạch phát triển trong tương lai 103

### 5 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 106
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGĐ Công ty 118
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 118

### 6 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 126
Ban Kiểm soát 132
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát 133

### 7 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về báo cáo 154
Mô hình phát triển bền vững 156
Định hướng phát triển bền vững 158
Các chỉ tiêu phát triển bền vững 160

### 8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

# 1

# PC1 VÀ THÀNH TỰU 2025


[06] Thông tin của Ban Lãnh đạo

[10] Điểm nhấn năm 2025

[12] Giải thưởng tiêu biểu năm 2025

[14] Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

# THÔNG ĐIỆP
## CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa Quý nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý cổ đông cùng toàn thể CBNV PC1,**

Bước vào năm 2026 trong một bối cảnh kinh tế xã hội toàn cầu diễn biến phức tạp. Tăng trưởng kinh tế chậm lại, cạnh tranh thị trường gia tăng, tín dụng ngân hàng và thị trường vốn rất khó khăn. Bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn cải cách mạnh mẽ, thúc đẩy tăng trưởng cao, nhiều mục tiêu lớn với tầm nhìn dài hạn và quốc tế.
HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 nhận thức sâu sắc rằng, bối cảnh hiện nay vừa mở ra cơ hội lớn, nhưng đồng thời đặt ra những thách thức, yêu cầu rất cao về kỷ luật đầu tư, năng lực quản trị và khả năng thực thi. Để phát triển bền vững chúng ta cần phải đi đúng hướng, kiểm soát tốt rủi ro và tạo ra giá trị thực chất.

**Theo đó, PC1 xác định rõ định hướng năm 2026 là:**

> **"Tăng trưởng trong kiểm soát – Phát triển có chất lượng – Nâng cao năng lực toàn diện".**

Kiên định với mục tiêu tăng trưởng, mà không đánh đổi bằng mọi giá; kiên quyết giữ kỷ luật tài chính, kiểm soát dòng tiền và hiệu quả đầu tư;đồng thời nâng cấp năng lực tổ chức, công nghệ và quản trị để sẵn sàng thích ứng cơ hội và mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới.

**Phương châm hành động 2026 là** ***"Thích ứng nhanh – Đầu tư có kỷ luật – Quản trị chuẩn mực – Hành động quyết liệt."*** PC1 tập trung triển khai chiến lược 2026–2030: Phát triển thành Tập đoàn quốc tế trong lĩnh vực Năng lượng và Công nghiệp, xanh và thông minh với năng lực quản trị theo chuẩn quốc tế; đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Xuyên suốt với thời gian, PC1 kiên định gìn giữ và phát huy **truyền thống trách nhiệm xã hội,** coi việc đồng hành, đóng góp cho cộng đồng là một phần trong văn hóa và bản sắc của con người PC1.

Trọng tâm 2026 của PC1 là *"làm đúng – làm tốt – tạo giá trị thực"*, trên nền tảng hiệu quả, minh bạch và kỷ luật. Với nhà đầu tư và cổ đông, PC1 cam kết tăng trưởng gắn với hiệu quả và giá trị dài hạn. Với đội ngũ CBNV, năm 2026 là năm của hành động, trách nhiệm, khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo và động lực phát triển. Với đối tác và cộng đồng, PC1 luôn là doanh nghiệp tin cậy, hợp tác thành công và phát triển bền vững.

HĐQT cùng Ban lãnh đạo PC1 quyết tâm tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2026, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển 2026–2030.

Xin trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự đồng hành, tin tưởng của Quý vị.

Chủ tịch HĐQT

**Ông Trịnh Văn Tuấn**

# THÔNG ĐIỆP
## CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

**Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác và toàn thể CBNV,**

Hiện nay, Công nghệ số đang diễn ra với tốc độ nhanh hơn nhiều so với các dự báo; yêu cầu chuyển đổi xanh và trách nhiệm xã hội là yêu cầu tất yếu, là điều kiện sống còn để phát triển bền vững; đồng thời, môi trường kinh tế đang tạo ra những cơ hội mới và song hành với sự biến động khó lường, áp lực cạnh tranh ngày càng lớn.

Nhìn lại những năm gần đây, PC1 đã lựa chọn con đường không dễ: tái cấu trúc, nâng cấp hệ thống, đầu tư cho con người và công nghệ, từng bước chuẩn hóa năng lực quản trị. Những nỗ lực đó không chỉ giúp Tập đoàn vượt qua giai đoạn khó khăn, tạo giá trị thực chất, mà quan trọng hơn là tạo nền tảng để sẵn sàng bước vào một chu kỳ phát triển mới với tư thế chủ động hơn.

**Năm 2026, Ban điều hành xác định trọng tâm điều hành rõ ràng và nhất quán:**

- **Thứ nhất, nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát hệ thống**
  PC1 quyết tâm hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, dữ liệu hóa và ra quyết định dựa trên phân tích. Công nghệ và AI được đầu tư mạnh mẽ để nâng cao chất lượng điều hành, kiểm soát rủi ro và tối ưu hiệu quả, tạo năng lực cạnh tranh dài hạn.
- **Thứ hai, giữ vững kỷ luật tài chính và kiểm soát dòng tiền**
  Trong môi trường biến động, dòng tiền là yếu tố quyết định. PC1 duy trì nguyên tắc thận trọng, kiểm soát đòn bẩy và đảm bảo an toàn tài chính.
- **Thứ ba, nâng cao hiệu quả vận hành và năng suất lao động**
  Không chỉ tăng quy mô, mà phải tăng giá trị tạo ra trên mỗi đơn vị nguồn lực. PC1 tập trung tối ưu quy trình, nâng cao năng lực đội ngũ và chuẩn hóa hệ thống vận hành.
- **Thứ tư, phát triển bền vững**
  PC1 xác định ESG là trách nhiệm và là nền tảng cho phát triển dài hạn. Các hoạt động được định hướng xanh hóa và gắn liền trách nhiệm xã hội. Nhiều hoạt động phát triển cộng đồng, an sinh xã hội, trong đó trọng tâm ưu tiên đồng hành các dự án Nâng cao năng lực khám chữa bệnh của các bệnh viện TW và địa phương thực chất, hiệu quả. Xuyên suốt và nhất quán, Ban điều hành quán triệt thượng tôn pháp luật là tôn chỉ trong mọi hành động.

PC1 lựa chọn con đường phát triển bền vững, kiểm soát tốt rủi ro và tạo ra giá trị thực chất; chúng ta đang theo đuổi những gì đúng và có thể đi xa.

Trân trọng cảm ơn!

Tổng Giám đốc

**Ông Vũ Ánh Dương**

# ĐIỂM NHẤN NĂM 2025

**01**

Doanh thu toàn Tập đoàn vượt 13.000 tỉ; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.356 tỉ; các giá trị doanh thu, lợi nhuận, hợp đồng ký mới, back-log xây lắp, quỹ đất, sản lượng phát điện... đều ở mức cao nhất từ trước đến nay

**02**

Thi công hoàn thành vượt tiến độ và chất lượng các dự án trọng điểm ngành điện bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia: EPC DA Cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; DA Đz 500kv Lào Cai – Vĩnh Yên ...

**03**

"Go Global" - Đặt dấu ấn PC1 trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương: Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp (niken, cột thép) sang Úc, Lào, Trung Quốc; Tổng thầu EPC Nhà máy điện gió tại Philippines.

**04**

Triển khai đầu tư, kinh doanh, phát triển mới các Dự án Bất động sản khu công nghiệp và Nhà ở, Nhà máy sản xuất sản phẩm công nghiệp mới tạo nền tảng cho tăng trưởng doanh thu 2026-2030

**05**

Hoàn thành chiến lược PC1 Group giai đoạn 2026 - 2030 cùng tư vấn thuộc Big3 toàn cầu với tầm nhìn trở thành tập đoàn quốc tế chuyên nghiệp, uy tín trong lĩnh vực đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp xanh và công nghệ thông minh

# GIẢI THƯỞNG
## TIÊU BIỂU NĂM 2025

Với việc tiếp tục lọt vào Bảng xếp hạng Profit500 năm 2025, đây là năm thứ 9 liên tiếp, Tập đoàn PC1 được vinh danh tại Bảng xếp hạng này.

Danh hiệu là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Tập đoàn, đồng thời tạo động lực để PC1 hoàn thành các chỉ tiêu trong năm 2025, hướng tới năm 2026 với nhiều thành tích ấn tượng hơn.

VIETNAM PROFIT 500 – TOP 500 MOST PROFITABLE COMPANIES

TOP 500 DOANH NGHIỆP
LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM

VIETNAM PROFIT 500 – TOP 500 MOST PROFITABLE PRIVATE COMPANIES

TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM

TOP 50 VIETNAM BEST PROFITABLE

TOP 50 DOANH NGHIỆP
LỢI NHUẬN XUẤT SẮC VIỆT NAM

VNR 500 TOP 500 COMPANY

TOP 500 DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT VIỆT NAM

VNR 500 PRIVATE COMPANY

TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
LỚN NHẤT VIỆT NAM

Với những nỗ lực trong thời gian qua, PC1 tiếp tục được vinh danh trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Đây là năm thứ 11 liên tiếp PC1 nằm trong Bảng xếp hạng này.

Trên hành trình hơn 6 thập kỷ hình thành và phát triển, PC1 luôn tự hào là đơn vị dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực xây lắp điện của Quốc gia với năng lực vượt trội; tiên phong trong các lĩnh vực đầu tư năng lượng tái tạo; khu công nghiệp xanh, thông minh, chất lượng cao, từng bước khẳng định uy tín, thương hiệu của Tập đoàn ở trong nước và quốc tế.

### Giải thưởng
### Nhà phát triển Bất động sản công nghiệp có chiến lược chuyển đổi xanh

"Nhà phát triển Bất động sản Công nghiệp có chiến lược chuyển đổi xanh 2024" là một hạng mục của chương trình bình chọn "Vì tương lai xanh" trong khuôn khổ Diễn đàn Bất động sản Công nghiệp Việt Nam, do Báo Đầu tư phối hợp với Liên Chi hội Bất động sản công nghiệp Việt Nam (VIREA) tổ chức.

Giải thưởng nhằm vinh danh những chủ đầu tư có chiến lược phát triển các khu công nghiệp (KCN) sinh thái, KCN xanh, cũng như các nhà đầu tư thứ cấp thuê đất trong các KCN có chiến lược phát triển xanh, sử dụng năng lượng sạch, hạ tầng cơ sở bền vững, quản lý nguồn nước thông minh và tài nguyên trong hệ sinh thái, góp phần thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững. Với tầm nhìn chiến lược và nhạy bén với xu hướng phát triển bền vững, PC1 đã khẳng định vị thế và uy tín trên thị trường, kiến tạo thương hiệu, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

### TOP 10
### Tập đoàn đa ngành tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2025

Danh hiệu TOP 10 Tập đoàn đa ngành tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2025 thuộc bảng xếp hạng PRIVATE 100, được xây dựng trên cơ sở số liệu nộp ngân sách thực tế của doanh nghiệp trong năm tài chính . Giải thưởng ghi nhận quy mô hoạt động, hiệu quả kinh doanh và năng lực tài chính của Tập đoàn, đồng thời thể hiện cam kết tuân thủ nghĩa vụ với Nhà nước và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội.

### TOP đầu các giải thưởng lớn do Viet Research & báo VIR vinh danh

- Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam
- Top 100 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh
- Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam
- Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam

## TẦM NHÌN

Tập đoàn quốc tế chuyên nghiệp, uy tín trong lĩnh vực đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp xanh và công nghệ thông minh.

## SỨ MỆNH

PC1 kiến tạo hệ sinh thái xanh và bền vững, mang lại giá trị trường tồn cho khách hàng, nhà đầu tư và xã hội.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### Sáng tạo

Là nền tảng của sự phát triển.

### Tốc độ

Hành động tốc độ, tư duy hệ thống dẫn dắt mọi hoạt động.

### Tin cậy

Là linh hồn, là sức mạnh tạo nên sự phát triển bền vững.

# 2 TỔNG QUAN VỀ PC1


[18] Thông tin chung

[20] Quá trình hình thành và phát triển

[22] Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

[35] Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh

[60] Định hướng phát triển

[66] Quản trị rủi ro

# THÔNG TIN CHUNG

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Tên giao dịch**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

**Tên viết tắt**

PC1 Group

**Tên tiếng Anh**

PC1 Group Joint Stock Company

| | |
|---|---|
| **Giấy chứng nhận ĐKDN** | 0100100745 |
| **Địa chỉ ĐKDN** | Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, Số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nội |
| **Trụ sở chính** | Tòa CT2, Số 583 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt , TP Hà Nội, Việt Nam |

**VỐN ĐIỀU LỆ**

**4.112.853.430.000 đồng**

| | |
|---|---|
| **Điện thoại** | 024.3845 6329 |
| **Email** | info@pc1group.vn |
| **Website** | http://pc1group.vn |
| **Mã chứng khoán** | PC1 |
| **Nơi niêm yết** | Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh |

- **"Được thành lập vào ngày 2/3/1963, trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, từ nhiệm vụ trọng tâm ban đầu là xây lắp các công trình truyền tải điện quốc gia, Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1 Group) hiện nay đã chứng tỏ năng lực của mình không chỉ trong lĩnh vực xây lắp điện mà còn mở rộng sang lĩnh vực đầu tư năng lượng, đầu tư bất động sản, sản xuất và thương mại vật liệu mới, sản xuất công nghiệp, tư vấn và dịch vụ.**
- **PC1 hiện nằm trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Top 50 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với quy mô hơn 20 đơn vị thành viên và đạt doanh thu hơn 10.000 tỷ đồng."**

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH
## VÀ PHÁT TRIỂN

### 02/03/1963

Thành lập Công ty Xây lắp Mỏ và Đường dây (Bộ Công nghiệp nặng)

### 1967

Trở thành Công ty Xây lắp Đường dây & Trạm (Cục Điện lực)

### 1988

Công ty Xây lắp Điện 1 (PCC1) trực thuộc Bộ Năng lượng

### 2005

Cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 (PCC1)

### 2009

PCC1 mua lại Công ty Chế tạo cột thép Đông Anh (DAST) từ Tập đoàn Huyndai Hàn Quốc; Vượt mốc doanh thu 1.000 tỉ VNĐ

### 2010

PCC1 phát triển lĩnh vực kinh doanh Bất động sản - Khánh thành Dự án Bất động sản đầu tiên

### 2016

PCC1 đầu tư & phát điện 2 nhà máy thủy điện đầu tiên; IPO trên sàn HOSE

### 2021

PCC1 mở rộng đầu tư & phát điện thành công các Nhà máy Điện gió tại Quảng Trị

### 2022

Chuyển đổi mô hình Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, thay đổi nhận diện thương hiệu PC1 mua Công ty Nomura từ Tập đoàn Nomura Nhật Bản – Sở hữu KCN Nomura Hải Phòng

### 2023

PC1 phát triển lĩnh vực khoáng sản – Khánh thành Nhà máy tuyển quặng Niken

### 2025

- Doanh thu vượt 13.000 tỷ, Lợi nhuận sau thuế 1.356 tỷ; các chỉ tiêu đạt mức cao nhất từ trước đến nay.
- Hoàn thành vượt tiến độ các dự án điện trọng điểm.
- Mở rộng quốc tế, triển khai EPC điện gió tại Philippines.
- Đẩy mạnh đầu tư khu công nghiệp và sản xuất công nghiệp mới, tạo động lực tăng trưởng.
- Hoạch định chiến lược 2026–2030 với tư vấn quốc tế, định hướng trở thành tập đoàn năng lượng tái tạo, công nghiệp xanh và công nghệ thông minh.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

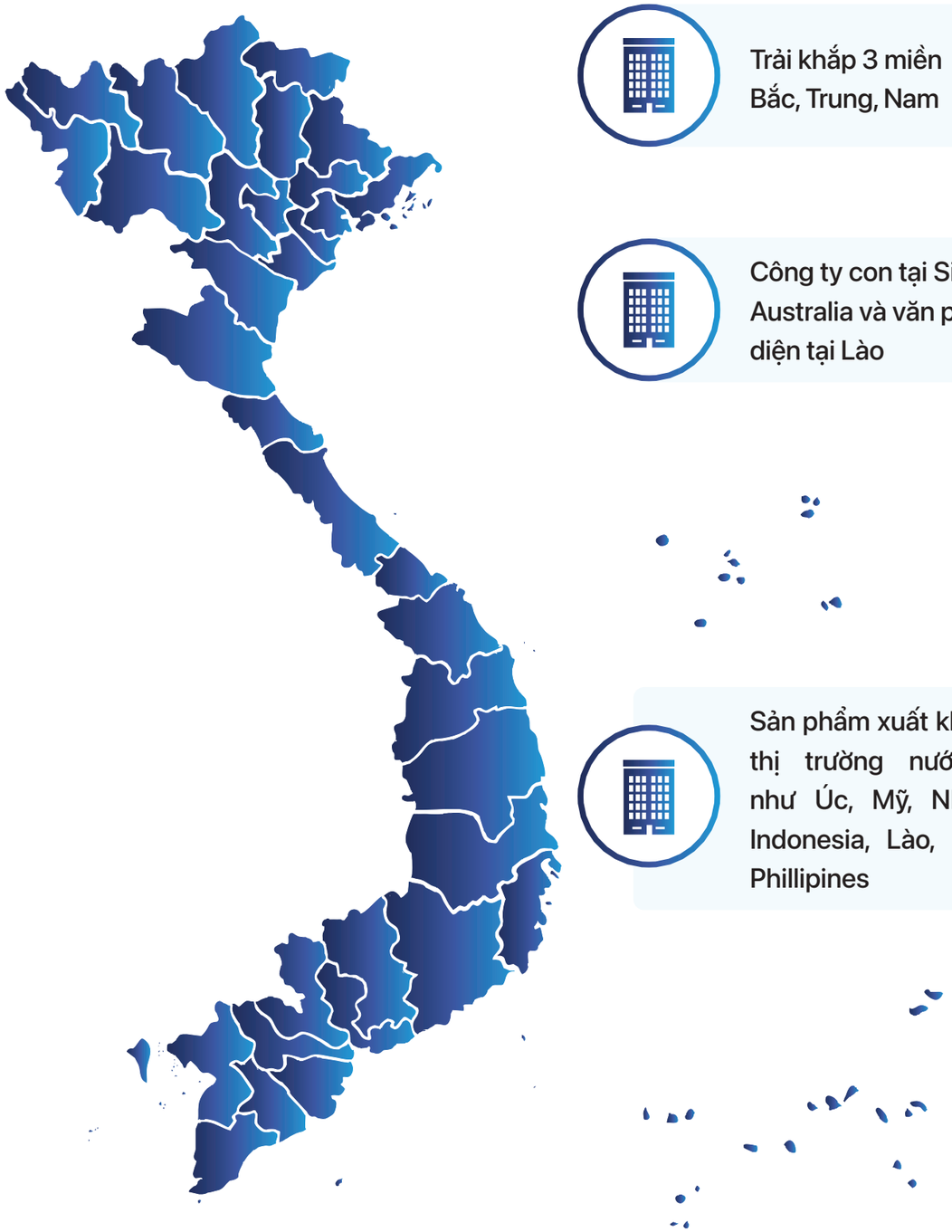

Trải khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam

Công ty con tại Singapore, Australia và văn phòng đại diện tại Lào

Sản phẩm xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Úc, Mỹ, Nhật Bản, Indonesia, Lào, Myanma, Phillipines

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### TỔNG CỘNG DOANH THU 2025

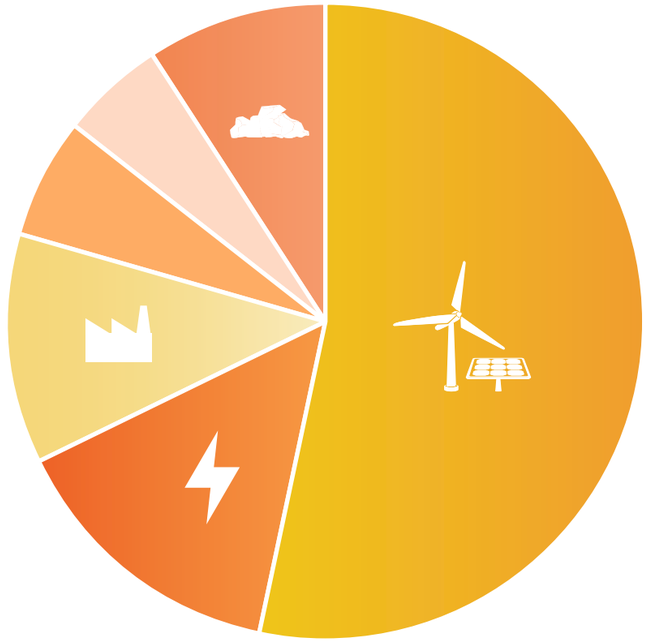

- Tổng thầu công trình, nhà máy điện và hạ tầng khu công nghiệp **51,2%**
- BĐS dân dụng **6,1%**
- Năng lượng **13,8%**
- BĐS KCN **4,9%**
- Sản xuất công nghiệp **11,2%**
- Khoáng sản **8,7%**

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Tổng thầu công trình, nhà máy điện và hạ tầng khu công nghiệp

Với hơn 60 năm kinh nghiệm, hiện PC1 đang dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực xây lắp điện với kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án truyền tải điện quốc gia, đặc biệt là các dự án tổng thầu EPC, PC tới cấp điện áp 500 KV và các dự án có tính đặc thù cao (trạm Gis, dự án cấp điện ra đảo, dự án cáp ngầm...) bằng đội ngũ nhân sự trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề cứng, kết hợp với việc sử dụng công nghệ thiết bị hiện đại, điển hình là công nghệ Navifly.

Tập đoàn cũng đã phát triển trở thành nhà tổng thầu chuyên nghiệp, trình cấp quốc tế với các nhà máy điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

### Đầu tư năng lượng

#### Thủy điện

Trong lĩnh vực đầu tư năng lượng, PC1 khẳng định năng lực đầu tư chuyên nghiệp với nguồn lực sẵn sàng, quy trình quản lý chuyên nghiệp, công nghệ tiên tiến, luôn luôn kiểm soát chất lượng và tiến độ. Đến nay, PC1 Group đã vận hành thành công 7 nhà máy thủy điện và đang thi công xây dựng 2 nhà máy, tổng công suất thủy điện là 212 MW tương ứng tổng mức đầu tư hơn 6.800 tỷ đồng.

| Dự án | Địa điểm | Thời gian triển khai | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Công suất (MW) | Sản lượng thiết kế (Triệu kWh) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Đã hoàn thành và đi vào hoạt động** | | | | | |
| Trung Thu | Điện Biên | 2013-2016 | 910 | 30 | 113 |
| Bảo Lâm 1 | Cao Bằng | 2014-2017 | 767 | 30 | 104 |
| Bảo Lâm 3 | Cao Bằng | 2015-2017 | 890 | 46 | 173 |
| Bảo Lâm 3A | Cao Bằng | 2016-2017 | 330 | 8 | 30 |
| Mông Ân | Cao Bằng | 2017-2020 | 916 | 30 | 104 |
| Bảo Lạc B | Cao Bằng | 2018-2020 | 559 | 18 | 72 |
| Sông nhiệm 4 | Hà Giang | 2018-2020 | 228 | 7 | 24 |
| **Đang thi công xây dựng** | | | | | |
| Bảo Lạc A | Cao Bằng | 2024-2026 | 1.166 | 30 | 116 |
| Thượng Hà | Cao Bằng | 2024-2026 | 524 | 13 | 44 |

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Đầu tư năng lượng

**Điện gió**

Cùng với các nhà máy thủy điện đã và đang đầu tư, đến nay PC1 tiếp tục phát triển các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió tại các khu vực có lợi thế, góp phần tích cực vào việc bảo đảm an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch của quốc gia. Tháng 10/2021, PC1 chính thức vận hành thương mại cụm nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên tại Quảng Trị với tổng công suất 144 MW, đủ điều kiện được bán điện giá FiT.

| Dự án | Địa điểm | Thời gian triển khai | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Công suất (MW) | Sản lượng thiết kế |
|---|---|---|---|---|---|
| **Đã hoàn thành và đang hoạt động** | | | | | |
| Liên Lập | Quảng Trị | 2019-2021 | 1.921 | 48 | 145 |
| Phong Huy | Quảng Trị | 2020-2021 | 1.921 | 48 | 177 |
| Phong Nguyên | Quảng Trị | 2020-2021 | 1.921 | 48 | 173 |

### Đầu tư năng lượng

**Điện mặt trời**

Ngoài thủy điện và điện gió, PC1 cũng nghiên cứu và chuẩn bị đầu tư các dự án điện mặt trời tích hợp hệ thống lưu trữ BESS lòng hồ, khu công nghiệp và các khu vực có tiềm năng hiệu quả kinh tế cao. Kế hoạch năm 2026, PC1 sẽ khởi công dự án Điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu 72MW.

## MỤC TIÊU

*"PC1 định hướng tiếp tục đầu tư mạnh vào mảng năng lượng. Mục tiêu đạt công suất 1000MW vào 2030, tương ứng giai đoạn 2026-2030 sẽ tiếp tục phát triển 600MW năng lượng tái tạo"*

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Sản xuất công nghiệp

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, PC1 là đơn vị có quy mô lớn nhất, dẫn đầu tại Việt Nam về cung cấp các sản phẩm cột thép mạ kẽm nhúng nóng cho đường dây truyền tải cao áp, siêu cao áp với tổng công suất 70.000 tấn/năm đối với 2 nhà máy hiện tại và sẽ nâng lên 110.000 tấn/năm sau khi nhà máy thứ 3 đi vào hoạt động từ Quý III năm 2026. Không chỉ cung cấp sản phẩm cột thanh góc truyền thống, PC1 luôn tiên phong trong việc nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến để đưa các sản phẩm cột đơn thân và gần đây là cột thanh ống vào lưới điện truyền tải tại Việt Nam. Ưu thế vượt trội của PC1 trong mảng sản xuất công nghiệp là có thể cung cấp giải pháp đồng bộ cho khách hàng từ thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết, sản xuất và vận chuyển tới công trường. Ngoài ra, khi được đặt trong hệ sinh thái chung của Tập đoàn, cùng với mảng Xây lắp và EPC, Khối sản xuất công nghiệp góp phần mang đến cho khách hàng một giải pháp toàn diện mà ít đơn vị nào trong ngành có thể làm được tại Việt Nam ngoài PC1.

Năng lực thiết kế, sản xuất của PC1 được thể hiện qua hàng loạt các dự án trọng điểm Quốc gia, trong đó bao gồm nhiều dự án đòi hỏi yêu cầu cao mà ít đơn vị trong nước có thể đáp ứng như dự án đường dây vượt biển, vượt sông có cột cao 175m, ĐZ 6 mạch, các ĐZ 500kV đòi hỏi cung cấp KL cột rất lớn trong thời gian ngắn ... Các sản phẩm cột thép của PC1 luôn được lãnh đạo EVN và nhiều khách hàng khác đánh giá cao về chất lượng và tiến độ cung cấp, đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn, yêu cầu ngày càng cao của Lưới điện truyền tải.

Không chỉ dẫn đầu tại thị trường Việt Nam, PC1 còn xác định tầm nhìn thuộc Top 3 nhà cung cấp cột thép mạ kẽm hàng đầu khu vực ĐNÁ năm 2030. Tính đến nay, sản phẩm của PC1 đã được xuất khẩu đi 16 Quốc gia và Vũng lãnh thổ, trong đó có những thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Nam Mỹ ... Không chỉ trong lĩnh vực truyền tải, sản phẩm của PC1 còn đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu của hạ tầng viễn thông, giao thông của nước bạn, thể hiện sự linh hoạt, khả năng thích nghi nhanh chóng của dây chuyền sản xuất cột thép trong sản xuất kinh doanh.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Đầu tư và kinh doanh bất động sản

**Bất động sản nhà ở**

Tính đến nay, PC1 đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng nhiều dự án bất động sản nhà ở được thị trường và khách hàng đánh giá cao, qua đó nâng cao uy tín và hình ảnh PC1. Có thể kể đến như các dự án PCC1 Nàng Hương, PCC1 Complex Hà Đông, Mỹ Đình Plaza 2, PCC1 Thanh Xuân...

PCC1 Nàng Hương tại Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội với 2 tháp cao 21 tầng; biệt thự và nhà liền kề. Mỹ Đình Plaza 1 tại 140 Trần Bình, Cầu Giấy, Hà Nội với quy mô gồm Tháp căn hộ cao cấp 25 tầng nổi trong đó có 3 tầng thương mại; 352 căn hộ.

PCC1 Complex Hà Đông tại Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội với 04 tháp cao 15 tầng, 03 tầng cho thuê; 540 căn hộ.

Mỹ Đình Plaza 2 tại số 2 Nguyễn Hoàng, Nam Từ Liêm, Hà Nội với 2 tháp chung cư cao cấp 28 tầng, 4 tầng thương mại; 472 căn hộ.

PCC1 Thanh Xuân tại Số 44 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội với 2 tháp chung cư 27 tầng, 3 tầng hầm, trường mầm non và 480 căn chung cư.

Năm 2024, PC1 đã đấu giá thành công và triển khai đầu tư dự án khu nhà ở Tháp Vàng tại xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội với diện tích 5,2 ha, Tổng mức đầu tư hơn 1.500 tỷ đồng bao gồm 182 căn liền kề.

**Quỹ dự án của PC1 đang có kế hoạch đầu tư còn bao gồm các dự án:**

- **Gia Lâm (Yên Thường)**
- **Định Công**
- **Bắc Thăng Long**

** Các dự án đang phát triển, dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030*

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Đầu tư và kinh doanh bất động sản

**Bất động sản công nghiệp**

PC1 ưu tiên nguồn lực để phát triển khu công nghiệp sinh thái, tích hợp năng lượng xanh, có lợi thế khác biệt về logictics, cảng sông, cảng biển.

PC1 là chủ đầu tư Khu công nghiệp Nomura 2 Hải Phòng diện tích gần 200ha; đồng thời là đối tác liên doanh chiếm 70% vốn tại Công ty Phát triển khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (NHIZ), sở hữu KCN Nomura Hải Phòng 153 ha (NHIZ); và 30% vốn Công ty CTCP Western Pacific - chủ sở hữu các Khu công nghiệp Yên Phong II-A Bắc Ninh 159ha, Đồng Văn V 237ha, Đồng Văn VI 250 ha, Yên Lư 119 ha.

### Sản xuất và kinh doanh khoáng sản, vật liệu mới

PC1 đang sở hữu 57,27% vốn của Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát – chủ đầu tư Dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken – Đồng tại xã Quang Trung huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng với Tổng mức đầu tư hơn 1.700 tỷ đồng; quy mô công suất thiết kế là 600.000 tấn/năm. Dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng lắp đặt, chạy thử và đi vào sản xuất chính thức từ tháng 2/2023.

Kinh doanh thương mại: chủ yếu kinh doanh các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng và than cốc. Bên cạnh đó, PC1 đang tiếp tục nghiên cứu đầu tư các vật liệu mới có tính ứng dụng và hiệu quả cao.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Tư vấn và dịch vụ

Với vai trò đồng bộ với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trên, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung và nâng cao uy tín của PC1, Tập đoàn đã phát triển mạnh hoạt động:

- Tư vấn thiết kế các công trình điện; Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng; đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình.
- Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện
- Dịch vụ quản lý toà nhà

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Năm 2025, PC1 hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, PC1 hiện có các khối nghiệp vụ (Khối Quản trị vận hành, Khối năng lượng, Khối Bất động sản Khu công nghiệp, Khối Bất động sản Dân dụng, Khối khoáng sản và vật liệu mới, Khối Tổng thầu EPC, Khối Điện và Công nghiệp, Khối Sản xuất Công nghiệp, Khối Công ty thành viên). Công ty hiện có 28 công ty con cấp 1, 03 công ty con cấp 2 và 05 công ty liên kết.

**28**
CÔNG TY CON CẤP 1

**03**
CÔNG TY CON CẤP 2

**05**
CÔNG TY LIÊN KẾT

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

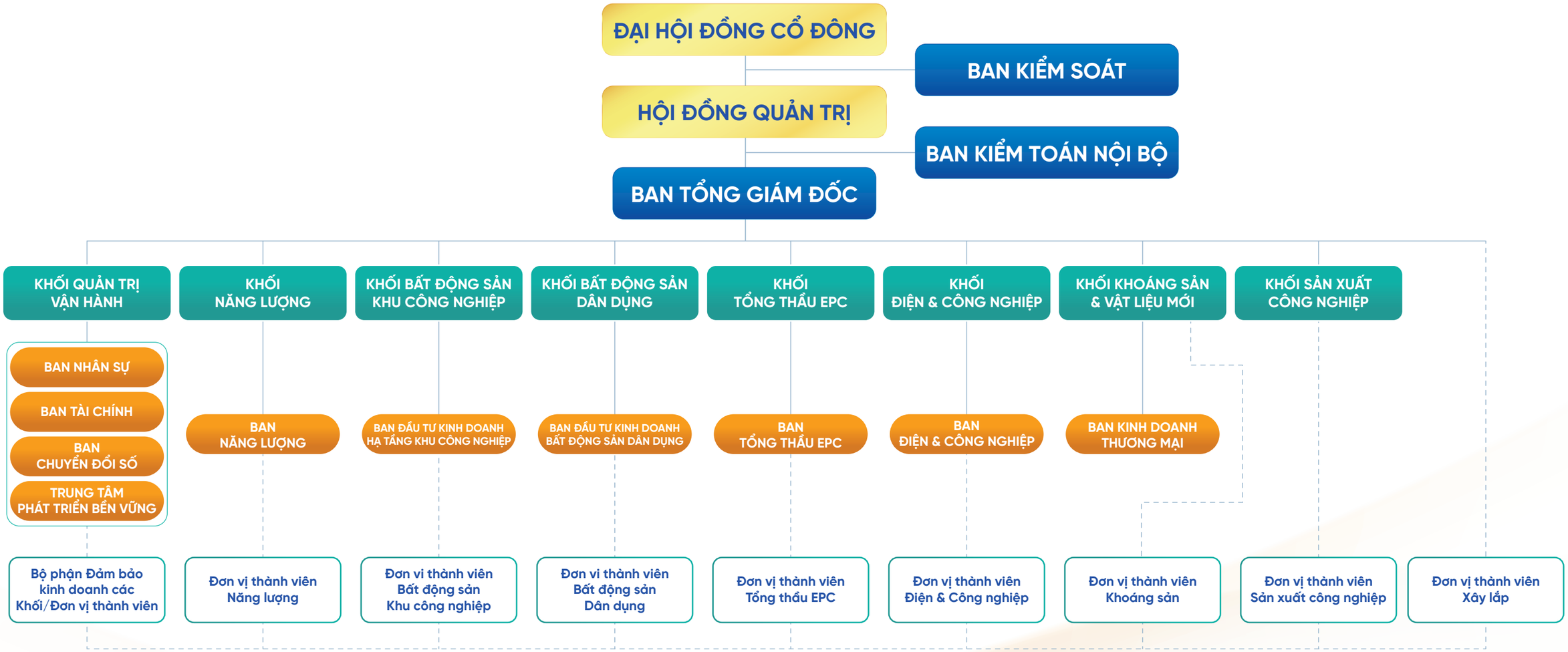


**Ghi chú:**

Cập nhật: 01/2026

Chỉ đạo trực tiếp: ———————

Phối hợp chuyên môn: - - - - - - - -

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
# TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 31/12/2025, Danh sách các công ty con và công ty liên kết của PC1 như sau:

### CÔNG TY CON CẤP 1

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ PC1 thực góp tại ngày 31/12/2025 | Tỷ lệ sở hữu của PC1 tại Công ty con | Vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội | Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội | Xây lắp điện | 9.900.000.000 | 66,00% | 15.000.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam | Cao ốc An Khang, số 28, đường 19, khu phố 5, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh | Xây lắp điện | 24.000.000.000 | 80,00% | 30.000.000.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình | Số 138 Trần Bình, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội | Xây lắp điện | 24.000.000.000 | 80,00% | 30.000.000.000 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông | Phố Văn La, Phường Kiến Hưng, TP. Hà Nội | Xây lắp điện | 5.942.874.315 | 100,00% | 5.942.874.315 |
| 5 | Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương | Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội | Dịch vụ | 725.509.851 | 100,00% | 725.509.851 |
| 6 | Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long | Số 471, đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội | Xây lắp điện | 9.900.000.000 | 66,00% | 15.000.000.000 |
| 7 | Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình | Ngõ 2, đường Xuân Thành, phố Khánh Thành, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình | Xây lắp điện | 6.600.000.000 | 66,00% | 10.000.000.000 |

### CÔNG TY CON CẤP 1

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ PC1 thực góp tại ngày 31/12/2025 | Tỷ lệ sở hữu của PC1 tại Công ty con | Vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | Tổ 14, xã Tư Lâm, TP. Hà Nội | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ về mạ. mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép. mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện | 103.500.000.000 | 90,00% | 115.000.000.000 |
| 9 | Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu | Số nhà 157, tổ dân phố 10, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên | Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ. Sản xuất và kinh doanh điện năng | 174.106.800.000 | 60,00% | 290.178.000.000 |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | Tầng 1, Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, phường Từ Liêm, Hà Nội | Đầu tư, kinh doanh bất động sản | 99.388.000.000 | 99,39% | 100.000.000.000 |
| 11 | Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | Số 138 Trần Bình, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 2.550.000.000 | 51,00% | 5.000.000.000 |
| 12 | Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình | 44 phố Triều Khúc, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội | Đầu tư kinh doanh bất động sản | 118.797.500.000 | 99,83% | 119.000.000.000 |
| 13 | Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | Thôn Nà Pồng, Xã Lý Bôn, tỉnh Cao Bằng | Quản lý sau đầu tư thủy điện vè điện gió | 33.966.000.000 | 99,90% | 34.000.000.000 |
| 14 | Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Miền Bắc | Thôn Nà Pồng, xã Lý Bôn, tỉnh Cao Bằng | Sản xuất và kinh doanh điện năng. | 146.798.590.000 | 51,00% | 287.840.970.000 |

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
# TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CON CẤP 1

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ PC1 thực góp tại ngày 31/12/2025 | Tỷ lệ sở hữu của PC1 tại Công ty con | Vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | Km5, Thôn Của, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị | Sản xuất điện từ năng lượng gió | 328.868.350.000 | 55,54% | 592.150.150.000 |
| 16 | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy | Km5, Thôn Của, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị | Sản xuất điện từ năng lượng gió | 313.896.880.000 | 54,73% | 573.567.320.000 |
| 17 | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | Km5, Thôn Của, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị | Sản xuất điện từ năng lượng gió | 313.903.720.000 | 54,70% | 573.915.380.000 |
| 18 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | Tầng 2, Tòa nhà PCC1 Thanh Xuân, số 44 phố Triều Khúc , Phường Thịnh Liệt, TP. Hà Nội | Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện | 7.650.000.000 | 51,00% | 15.000.000.000 |
| 19 | Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | Thôn Hát Thín, Xã Nguyễn Huệ, Tỉnh Cao Bằng | Thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản. Khai thác quặng sắt, Bán buôn kim loại và quặng kim loại. | 273.750.600.000 | 57,27% | 478.000.000.000 |
| 20 | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Gâm | Thôn Nà Ròa, xã Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng | Sản xuất và kinh doanh điện năng. | 184.800.000.000 | 60,00% | 284.800.000.000 |
| 21 | Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại | Số 1 ngõ 120 phố Định Công, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội/ | Đầu tư kinh doanh bất động sản | 149.629.300.000 | 99,75% | 150.000.000.000 |

### CÔNG TY CON CẤP 1

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ PC1 thực góp tại ngày 31/12/2025 | Tỷ lệ sở hữu của PC1 tại Công ty con | Vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Asia Dragon Trading Pte. Tld | 10 COLLYER QUAY, #10-01 OCEAN FINAN-CIAL CENTRE, SINGAPORE (049315) | Quản lý bất động sản nhà ở (ngoài hội đồng thành phố), khu dân cư, thương mại và công nghiệp | 184.846.916 | 100,00% | 184.846.916 |
| 23 | Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường Hồng An, TP. Hải Phòng | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp | 616.146.814.080 | 70,00% | 880.209.734.400 |
| 24 | CTCP KCN Quốc tế Hải Phòng | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường An Dương, TP. Hải Phòng | Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp | 424.800.000.000 | 99,96% | 425.000.000.000 |
| 25 | PC1 Australia Pty Ltd | Level 20&21, 201 Sussex Street, Sydney, New South Wales 2000, Australia | Kinh doanh sản phẩm thép | 5.015.597.087 | 100,00% | 5.015.597.087 |
| 26 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp PC1 - Hải Phòng | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường An Dương, TP. Hải Phòng | Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp | 4.900.000.000 | 98,00% | 5.000.000.000 |
| 27 | PC1 Philip-pines Inc | Highway 54 Plaza, 986 EDSA, Wack-Wack, Greenhills, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines | Cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng nhà máy điện năng lương tái tạo | 48.932.003.976 | 99,98% | 49.744.459.058 |
| 28 | Công ty Cổ phần PC1 Năng lượng xanh | Tầng KT, Tòa CT1 Chung cư Nàng Hương, số 583 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nộ | Xây dựng công trình điện | | 60,00% | 10.000.000.000 |

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
# TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CON CẤP 2 (*)

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ PC1 thực góp tại ngày 31/12/2025 | Tỷ lệ sở hữu của PC1 tại Công ty con | Vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên | Lô CN2-1 và CN2-2 Khu công nghiệp Điềm Thụy B, Xã Điềm Thụy, Thái Nguyên | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép | 32.400.000.000 | 81,00% | 40.000.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghệ Kết cấu thép Quốc tế | Cụm Công nghiệp Tân Phú 1, Phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 74.250.000.000 | 49,50% | 150.000.000.000 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm | Số 32 Đường Phương Canh, Tổ 2, Phường Xuân Phương, TP. Hà Nội | Xây lắp điện | 8.439.655.538 | 80,00% | 10.549.569.422 |

*(*) Đã chuyển nhượng toàn bộ trong Quý 1/2026*

### CÔNG TY CON LIÊN KẾT

| STT | Công ty con | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính | Vốn điều lệ PC1 thực góp tại ngày 31/12/2025 | Tỷ lệ sở hữu của PC1 tại Công ty con | Vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | Số 52, phố Kim Đồng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng | Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản. | 107.882.260.000 | 25,09% | 430.063.660.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 (*) | Tầng 21, Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | Đầu tư kinh doanh bất động sản | 300.000.000.000 | 49,00% | 612.245.000.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Western Pacific | Số 13, đường số 12, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh | Đầu tư Bất động sản khu công nghiệp | 275.243.900.000 | 30,08% | 915.000.000.000 |
| 4 | Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Vũng Tàu (trước đây là Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình) | B04, Khu Đô Thị Barya Citi, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh | Cho thuê kho, nhà xưởng, lưu giữ hàng | 18.000.000.000 | 36,00% | 50.000.000.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Tân Thanh | Thôn Tân Hưng, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình | Khai thác đá, cát, sỏi, đất; chế biến đá các loại | 12.000.000.000 | 40,00% | 30.000.000.000 |

*(*) Đã chuyển nhượng toàn bộ trong Quý 1/2026*

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ♦ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG TRỊNH VĂN TUẤN**
**CHỦ TỊCH HĐQT**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1962 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **87.942.639 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 21,382% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 02/2002 đến 08/2005 | Phòng Kế hoạch – Tổng hợp; Giám đốc Xí nghiệp Lắp trạm và Xây dựng dân dụng – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 (PCC1) |
| Từ 09/2005 đến 09/2007 | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc – Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long |
| Từ 10/2007 đến 03/2010 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 04/2010 đến 11/2021 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 12/2021 đến nay | Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh
Chủ tịch HĐTV Công ty phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Western Pacific
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng
Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

**ÔNG PHAN NGỌC HIẾU**
**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1975 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư cơ khí |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **9.200.000 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 2,237% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 1997 đến 2015 | Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Cơ khí Kết cấu thép Sóc Sơn |
| Từ 2010 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16 |
| Từ 2010 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Đại Dũng |
| Từ 05/2016 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần LICOGI 16 (nay là Công ty cổ phần Lizen – Mã CK: LCG) |
| Từ 04/2017 đến nay | Thành viên HĐQT – CTCP Dây cáp điện Việt Nam (Mã CK: CAV) |
| Từ 04/2018 đến 2023 | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 |
| Từ 05/2023 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung |
| Từ 04/2024 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khi và Xây lắp Đại Dũng
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lizen (Mã CK: LCG)
Thành viên HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam (M& CK: CAV)
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### ♦ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG VŨ ÁNH DƯƠNG**

**THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1979 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **1.187.220 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,289% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 2009 đến 2012 | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 2012 đến 2013 | Trưởng phòng Phát triển Thị trường – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 2013 đến 2018 | Trưởng Ban Quản lý Dự án Năng lượng – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 01/2019 đến 11/2021 | Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 06/2020 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |
| Từ 12/2021 đến nay | Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch HĐQT Công ty CP thủy điện Sông Gâm

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần điện gió Liên Lập

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần điện gió Phong Huy

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần điện gió Phong Nguyên

**ÔNG VÕ HỒNG QUANG**

**THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1975 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **7.747.613 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 1,884% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 07/2001 đến 05/2002 | Phó phòng Marketing – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 06/2002 đến 06/2007 | Trưởng Ban đại diện Miền Nam – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 05/2006 đến 03/2008 | Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 04/2008 đến nay | Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1- Từ Liêm

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1- Hà Đông

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ♦ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG NGUYỄN MINH ĐỆ**
**THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1975 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **3.795.538 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,923% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 10/2006 đến 07/2008 | Giám đốc – Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long |
| Từ 07/2008 đến 04/2009 | Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ – Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 04/2009 đến nay | Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh |
| Từ 04/2014 đến nay | Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |
| Từ 04/2015 đến nay | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần cột thép mạ kẽm Thái Nguyên
Tổng giám đốc Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ Kết cấu thép Quốc tế

### ♦ BAN KIỂM SOÁT

**BÀ NGUYỄN THỊ HẢI HÀ**
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1975 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kế toán |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **186.171 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,045% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 02/2003 đến 5/2004 | Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Xây lắp Điện 1 |
| Từ 6/2004 đến 10/2005 | Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Công ty Xây lắp Điện 1 |
| Từ 11/2005 đến 4/2008 | Chuyên viên phòng Hành chính Tổng hợp – Trung tâm đào tạo Bưu chính viễn thông, Học viện Bưu chính viễn thông |
| Từ 5/2008 đến 12/2009 | Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ba La |
| Từ 01/2010 đến 3/2010 | Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán – Công ty cổ phần Xây lắp điện 1 |
| Từ 4/2010 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thiết bị Thương mại

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ♦ BAN KIỂM SOÁT

**ÔNG HOÀNG VĂN SÁNG**
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1991 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kiểm toán; Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **12.398 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,003% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 07/2013 đến 03/2017 | Kiểm toán viên – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC |
| Từ 03/2017 đến 11/2021 | Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1 |
| Từ 06/2020 đến nay | Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |
| Từ 12/2021 đến nay | Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần năng lượng Bảo Lâm
Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng
Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Mỹ Đình
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cơ khí ô tô Hòa Bình

**ÔNG HOÀNG VĂN CƯỜNG**
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1990 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kế toán; Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **0 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 07/2013 đến 03/2017 | Kiểm toán viên – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC |
| Từ 03/2017 đến 11/2021 | Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1 |
| Từ 6/2020 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |
| Từ 12/2021 đến nay | Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

♦ **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ÔNG VŨ ÁNH DƯƠNG**
**TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM THÀNH VIÊN HĐQT**

Đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

**ÔNG VÕ HỒNG QUANG**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM THÀNH VIÊN HĐQT**

Đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

**ÔNG NGUYỄN MINH ĐỆ**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM THÀNH VIÊN HĐQT**

Đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ♦ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

**ÔNG ĐẶNG QUỐC TƯỞNG**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1981 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **818.709 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,199% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 07/2004 - 6/2008 | Kỹ sư Ban đại diện Miền Nam - CTCP Xây lắp điện I |
| Từ 07/2008 - 8/2008 | Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I |
| Từ 09/2008 - 10/2009 | Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I |
| Từ 11/2009 - 6/2018 | Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I |
| Từ 11/2018 - 9/2019 | Trưởng phòng QLDA EPC - CTCP Xây lắp điện I |
| Từ 10/2019 - nay | Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần PC1 Thăng Long
Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần PC1 Mỹ Đình
Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ
Chủ tịch HĐQT - Công ty CP năng lượng Bảo Lâm
Chủ tịch HĐQT - Công ty CP PC1 Năng lượng xanh

**ÔNG NGUYỄN NHẬT TÂN**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1967 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **1.857.106 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,452% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 05/1995 - 04/1997 | Trưởng chi nhánh điện Chiêm Hóa, điện lực Tuyên Quang |
| Từ 05/1997 - 09/1998 | Trưởng phòng kinh doanh điện năng, điện lực Tuyên Quang |
| Từ 10/1998 - 06/2003 | Phó giám đốc Điện lực Tuyên Quang |
| Từ 07/2003 - 12/2003 | Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang |
| Từ 01/2004 - 03/2004 | Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang |
| Từ 04/2004 - 04/2009 | Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |
| Từ 05/2009 - 03/2010 | Phó giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang |
| Từ 04/2010 - 05/2011 | Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang |
| Từ 06/2011 - nay | Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần đầu tư BĐS CT2

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ♦ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

**ÔNG TRỊNH QUANG THÀNH**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1963 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Luật, cử nhân Hành chính |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **0 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 02/2017 - 8/2024 | Chánh Thanh tra Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội |
| Từ 01/2011 - 01/2017 | Chánh Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội |
| Từ 8/2010 - 12/2010 | Phó Chánh Văn phòng, phụ trách điều hành Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội |
| Từ 3/2005 - 7/2010 | Phó phòng Tổ chức Hành chính Tài vụ (nay là Văn phòng Sở) - Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội |
| Từ 12/2002 - 2/2005 | Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội |
| Từ 8/1996 - 11/2002 | Cán bộ Đội Quản lý trật tự Xây dựng - Đô thị quận Tây Hồ |
| Từ 7/1987 - 8/1996 | Quản đốc Công ty Sản xuất, Xuất nhập khẩu Thanh Niên Hà Nội – Thành đoàn Hà Nội |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP đầu tư địa ốc Mỹ Đình

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP cơ khí ô tô Hòa Bình

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP thiết bị Thương mại

**ÔNG TRỊNH NGỌC ANH**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1991 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân quản trị kinh doanh |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **20.987 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,005% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ 12/2015 - 07/2017 | Trưởng phòng kinh doanh khối doanh nghiệp, Công ty HP Việt Nam |
| Từ 09/2018 - 07/2020 | Phó phòng Kinh tế kế hoạch, Công ty CP khoáng sản Tấn Phát |
| Từ 01/2020 - 07/2020 | Quản lý đầu thầu, hợp đồng kinh tế, Công ty CP Hoàng Gia Cao Bằng |
| Từ 08/2020 - 10/2020 | Trợ lý Tổng Giám đốc PCC1 |
| Từ 11/2020 - | Chuyên viên quản lý kinh tế, Ban Quản lý dự án Năng lượng - PCC1 |
| Từ 15/7/2024 - Nay | Phó Tổng giám đốc PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP khoáng sản Tấn Phát

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty CP đầu tư năng lượng Miền Bắc

Chủ tịch HĐQT, Giám đốc - Công ty CP thủy điện Trung Thu

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
## TỔ CHỨC KINH DOANH (tiếp theo)

### BỘ MÁY QUẢN LÝ

### ♦ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

**ÔNG NGUYỄN THẾ VŨ**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1974 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Luật |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **0 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Trước 04/2002 | Phóng viên và biên dịch viên; Thời báo kinh tế Sài Gòn |
| Từ 04/2002 - 2012 | Phó/Trưởng phòng Marketing quốc tế |
| Từ 2012 | Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Phát triển Dự án; Giám đốc Đối ngoại & Phát triển Dự án Mới |
| Từ 2012- 7/2025 | Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) Phó Tổng Giám đốc các công ty Thành viên của VSIP |
| Từ 01/8/2025 - Nay | Phó TGĐ PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng

Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng

**BÀ TRẦN THỊ MINH VIỆT**
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

| | |
|---|---|
| Sinh năm | 1976 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kế toán |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | **517.594 cổ phiếu** |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,126% |
| Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Không có |

**Quá trình công tác**

| | |
|---|---|
| Từ năm 2000 - 4/2003 | Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp điện |
| Từ 04/2003 - 10/2006 | Phó phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Dịch vụ và xây lắp điện |
| Từ 05/2006 - 09/2007 | Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây lắp điện I |
| Từ 10/2007 - 03/2014 | Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây lắp điện I |
| Từ 04/2014 - nay | Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán CTCP Tập đoàn PC1 |

**Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác**

Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

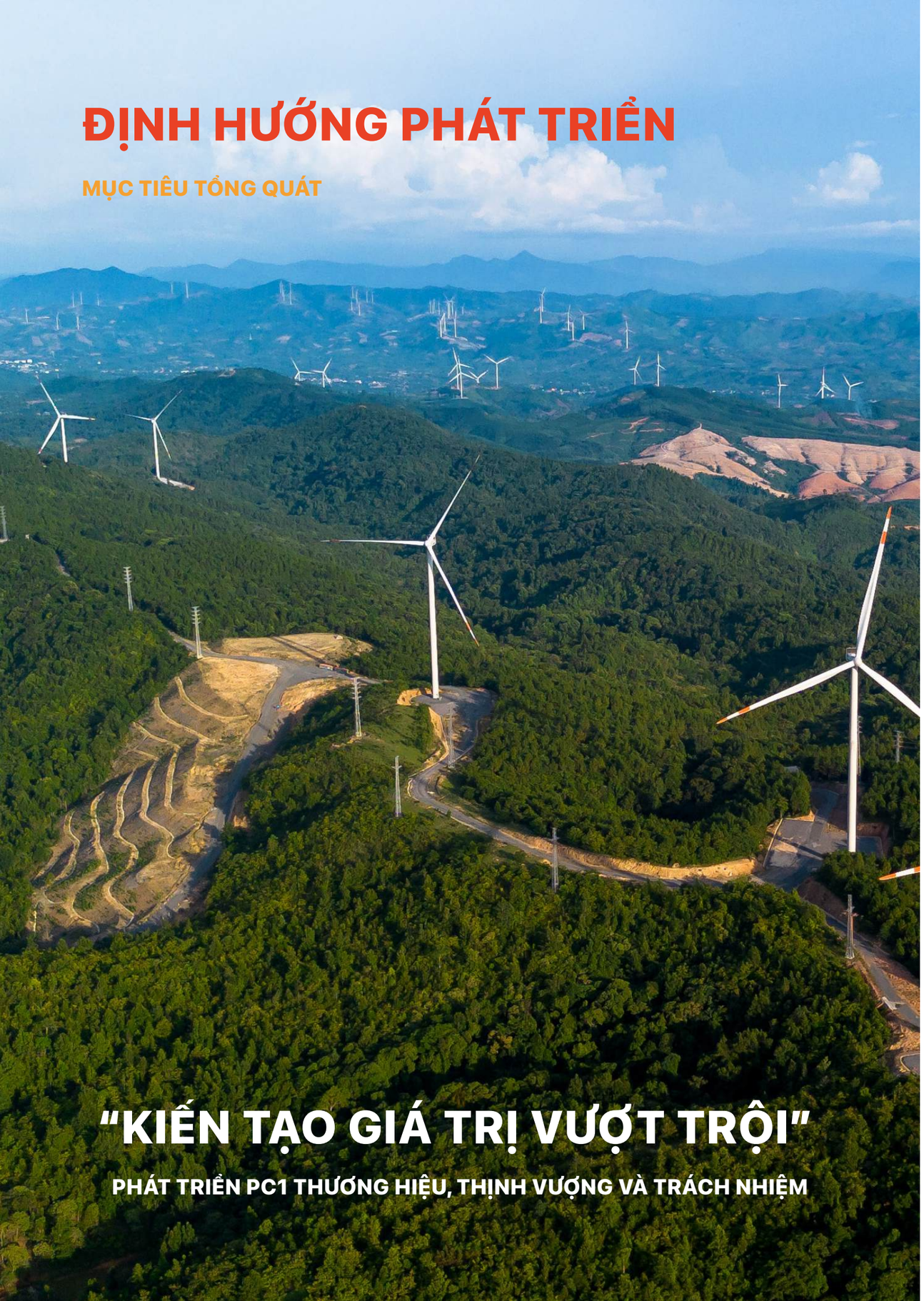

## "KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VƯỢT TRỘI"

**PHÁT TRIỂN PC1 THƯƠNG HIỆU, THỊNH VƯỢNG VÀ TRÁCH NHIỆM**

Doanh thu tăng bình quân ..... **15-18%/năm**

Tỷ suất lợi nhuận duy trì ..... **>10%**

Mốc năm 2028 giá trị công ty đạt ..... **1 tỷ USD**

Năm 2030 giá trị công ty đạt ..... **1,5 tỷ USD**

### TĂNG TRƯỞNG

Xuất khẩu + doanh thu kinh doanh thị trường quốc tế bình quân đạt >200 triệu USD/năm, đạt chuẩn xanh & công nghệ cao

### CÔNG NGHIỆP

Phát triển Bất động sản sinh thái, tích hợp năng lượng, thông minh, tăng trưởng bền vững.

### BẤT ĐỘNG SẢN

Sở hữu > 800 MW, phát triển dịch vụ và giải pháp thông minh, tiết kiệm năng lượng.

### NĂNG LƯỢNG

Chuẩn hóa ESG, chuyển đổi số toàn diện, tổ chức tinh gọn - hiệu quả.

### QUẢN TRỊ

# **ĐỊNH HƯỚNG** PHÁT TRIỂN

(tiếp theo)

## CÁC TRỤ CỘT KINH DOANH

### ♦ TRỤ CỘT KINH DOANH CỐT LÕI

Là trụ cột xây dựng nền tảng có tính bền vững, ổn định; Tạo giá trị gia tăng cao và sức mạnh dài hạn cho Tập đoàn, gồm:

Đầu tư Năng lượng

Đầu tư Hạ tầng KCN

Đầu tư lĩnh vực chế biến khoáng sản

Giải pháp công nghệ riêng, chuyên ngành

### ♦ TRỤ CỘT KINH DOANH CHIẾN LƯỢC

Là trụ cột thực hiện các mục tiêu kinh doanh cụ thể trong trung - dài hạn; Dễ linh hoạt, dễ thay đổi theo bối cảnh thị trường; Đáp ứng mục tiêu mở rộng thị trường; Đổi mới sản phẩm và vận hành tinh gọn, gồm:

Đầu tư kinh doanh Bất động sản nhà ở

Tổng thầu EPC

Xây lắp điện và Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) CỦA CÔNG TY

### Khách hàng – Đối tác

Đối với khách hàng:
PC1 đặt uy tín và chất lượng lên hàng đầu, nhằm mang đến những giá trị và sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.
Đối với các đối tác:
PC1 hướng tới sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi và đồng hành cùng mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội.

### Người lao động

Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh
Xây dựng môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực của mình.
Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động và tạo dựng văn hóa doanh nghiệp.

### Cổ đông

Gắn kết sự phát triển bền vững của PC1 với lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư thông qua
Công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời;
Quản trị công ty minh bạch và hiệu quả;
Xây dựng chính sách cổ tức ổn định, hướng tới phát triển bền vững;
Xây dựng và củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào thương hiệu và mã cổ phiếu PC1.

### Cộng đồng

Gắn kết sự phát triển của PC1 với sự phát triển của các địa phương nơi Tập đoàn có hoạt động sản xuất kinh doanh
Hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình thiện nguyện.

### Nhà Nước

PC1 đảm bảo tuân thủ nghiêm các chính sách của Nhà nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
Chung tay góp sức vào quá trình xây dựng các hạ tầng cơ sở phục vụ cho sự phát triển của đất nước.
Đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thuế và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

### Môi trường

Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường
Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên
Nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO

**01**

Quản trị rủi ro là quá trình xuyên suốt, là một phần không thể thiếu trong tất cả các quy trình của Tập đoàn. Đặc biệt, quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Tập đoàn, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Tập đoàn.

**02**

Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán.

**03**

Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tập đoàn, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Tập đoàn.

**04**

Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của Tập đoàn và bối cảnh thị trường.

## QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

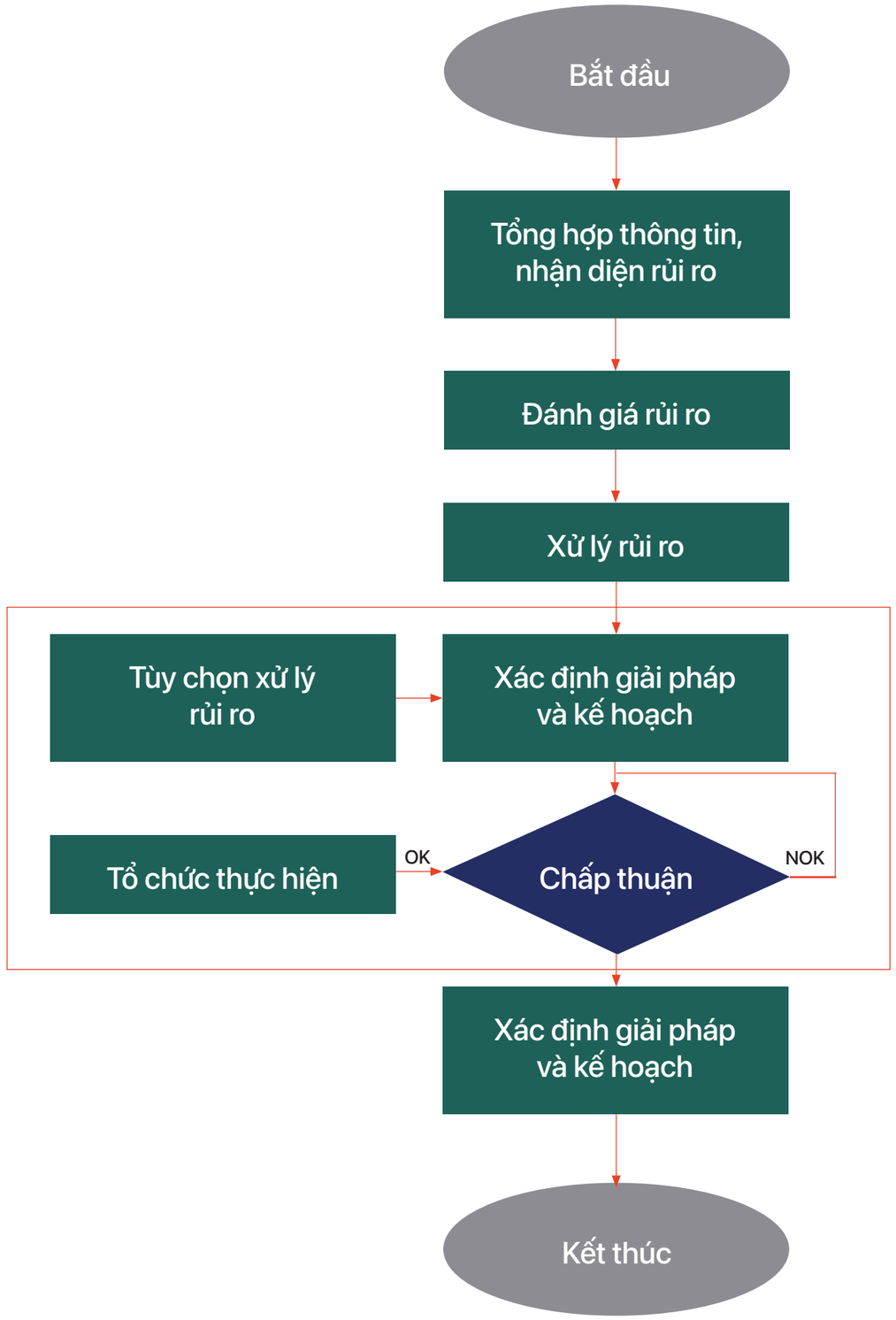

# QUẢN TRỊ RỦI RO

(tiếp theo)

## RỦI RO

### 01 Rủi ro chiến lược

Sự biến động khó lường của kinh tế thế giới cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, các yếu tố lạm phát, lãi suất... cùng với sự những vướng mắc trong chính sách và thủ tục pháp lý có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn nói riêng.

**Cách quản trị**

PC1 luôn chủ động cập nhật, theo dõi sát sao và phân tích, dự báo tình hình biến động của điều kiện môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế, thường xuyên cập nhật các biến động về lãi suất, tỷ giá, lạm phát... chủ động xây dựng các kịch bản rủi ro và biện pháp sẵn sàng ứng phó đối với các nguy cơ, diễn biến xấu của nền kinh tế - xã hội. Đồng thời bám sát Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035, PC1 tập trung vào các trụ cột kinh doanh đồng thời nghiên cứu, mở rộng thị trường, kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.

### 02 Rủi ro môi trường – xã hội

Trong lĩnh vực tổng thầu EPC và xây lắp công trình điện, hoạt động chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại các khu vực có địa hình phức tạp do đó điều kiện thời tiết và địa hình ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả và mức độ an toàn trong lĩnh vực này. Việc phụ thuộc vào thời tiết và địa hình thi công trong ngành xây lắp điện như thi công ngầm dưới mặt đất, thi công trên vùng đồi núi hiểm trở, thi công ngoài khơi gây rất nhiều khó khăn và phát sinh rủi ro bởi nguy cơ xảy ra tai nạn lao động. Thời tiết và địa hình tự nhiên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thi công nhà máy điện mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy. Với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trường hợp hạn hán kéo dài dẫn đến giảm lượng mưa và mực nước trên các sông hồ, đập gần nhà máy thủy điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lượng điện sản xuất của các nhà máy thủy điện. Tương tự, đầu tư và sản xuất điện gió, điện mặt trời cũng chịu rủi ro về mức nắng, tốc độ gió, hướng gió...

**Cách quản trị**

PC1 luôn chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho cả Tập đoàn và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Tập đoàn.

Đồng thời, PC1 luôn chủ động khảo sát đo đạc, theo sát dự báo khí hậu và thủy văn, thiên văn để có phương án kịp thời nhằm vận hành hiệu quả các nhà máy điện, quản trị việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

# QUẢN TRỊ RỦI RO

(tiếp theo)

## RỦI RO

### 03 Rủi ro hoạt động

Tập đoàn phải đối mặt với rủi ro nguyên vật liệu, vật tư thiết bị nhập khẩu biến động về giá cả; tình trạng khan hiếm nhân lực, máy móc thiết bị đặc chủng vào những thời điểm nhất định. Đối với lĩnh vực tổng thầu công trình điện, đơn giá xây dựng công trình thấp, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, khó khăn dẫn đến công trình thi công chậm kéo dài, không hoàn thành theo kế hoạch cũng là những nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

**Cách quản trị**

Để hạn chế ảnh hưởng của giá vật tư, nguyên vật liệu đầu vào, Tập đoàn luôn cập nhật tình hình thị trường, thông tin giá cả trên thế giới, đồng thời mã hóa toàn bộ các nguyên vật liệu, so sánh và đa dạng nhà cung cấp - lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu cạnh tranh nhất và lập kế hoạch mua/bán kịp thời. Đồng thời, PC1 luôn sẵn sàng, chủ động dự báo nguy cơ và xây dựng các kịch bản rủi ro, phương án ứng phó với các biến động về nguồn lực đối với thi công các công trình điện, giảm thiểu tối đa tác động của sự thay đổi tới hiệu quả hoạt động kinh doanh Tập đoàn.

### 04 Rủi ro pháp lý

Lĩnh vực bất động sản các chính sách đầu tư, Luật quy hoạch đều thắt chặt, quĩ đất khan hiếm là thách thức lớn để triển khai kế hoạch phát triển của lĩnh vực bất động sản trong dài hạn. Đối với đất quy hoạch cho các dự án bất động sản đang được sử dụng, khai thác bởi dân cư, công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp, kéo dài và tiềm ẩn nhiều tranh chấp pháp lý. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định và có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp.

**Cách quản trị**

Với chủ trương chỉ thực hiện các dự án bất động sản trên quỹ đất của Tập đoàn quản lý hoặc khu đất có mặt bằng sạch, Tập đoàn có thể chủ động hạn chế được tối đa rủi ro về đền bù giải phóng mặt bằng. Đồng thời, Tập đoàn cũng chủ động nghiên cứu, tìm hiểu các quy định pháp lý về đầu tư, đất đai, bất động sản, để giảm thiểu các rủi ro do chính sách mang lại.

### 05 Rủi ro tài chính

Hiện nay, PC1 có mô hình hoạt động gồm nhiều công ty con, công ty liên kết bên cạnh việc đầu tư phát triển dự án năng lượng, bất động sản, sản xuất thương mại vật liệu mới đặt ra nhu cầu cao về quản trị tài chính kế hoạch và thu xếp nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh đó, bối cảnh thị trường tài chính, tiền tệ và tín dụng biến động mạnh trong năm 2025 cũng làm gia tăng các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị dòng tiền phát sinh trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Cách quản trị**

PC1 luôn chủ động xây dựng kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, đồng thời chủ động tiếp cận thị trường đối tác để lựa chọn và thu xếp thành công các nguồn vốn với chi phí hợp lý, tối ưu chi phí tài chính để quản trị rủi ro tài chính.

### 06 Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Là Công ty niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu PC1, các cổ đông của Tập đoàn và Tập đoàn sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu PC1. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố thuộc về kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật...

**Cách quản trị**

PC1 luôn tuân thủ nghiêm Quy chế Công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, đồng thời hàng quý Tập đoàn luôn cung cấp Bản tin Nhà đầu tư cập nhật tình hình SXKD, đầu tư hàng quý một cách đầy đủ và kịp thời tới quý vị cổ đông, tổ chức Hội nghị tiếp xúc nhà đầu tư, ...

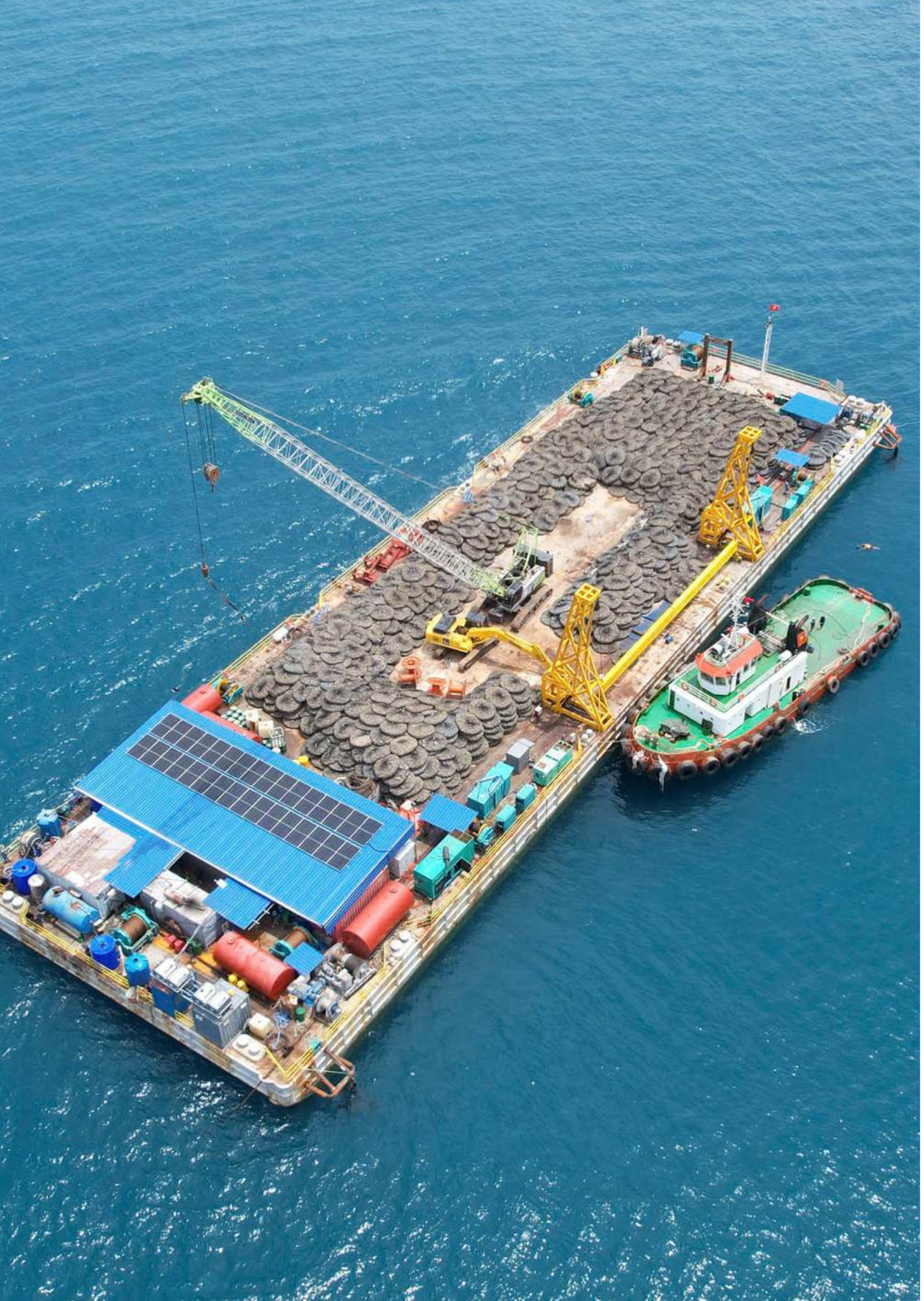

# 3

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025


[74] Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

[80] Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

[88] Tình hình tài chính

[91] Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
## KINH DOANH NĂM 2025

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2025

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch | Thực hiện | Kết quả % (TH/KH) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 13.395 | 13.085 | 98% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 836 | 1.356 | 162% |

### Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2019-2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | Tỷ trọng 2025 (%) | 2025 /2024 (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu | 5.891 | 6.744 | 10.175 | 8.473 | 7.887 | 10.246 | 13.364 | 100 | 130 |
| Doanh thu | 5.845 | 6.679 | 9.828 | 8.358 | 7.694 | 10.089 | 13.085 | 97,91 | 130 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 38 | 37 | 319 | 95 | 183 | 138 | 248 | 1,86 | 180 |
| Doanh thu khác | 8 | 28 | 28 | 20 | 11 | 19 | 31 | 0,23 | 162 |
| Tổng chi phí | 5.402 | 6.040 | 9.364 | 7.807 | 7.633 | 9.453 | 11.860 | 100 | 125 |
| Giá vốn hàng bán | 5.026 | 5.517 | 8.673 | 6.763 | 6.246 | 7.997 | 10.366 | 87,40 | 130 |
| Chi phí tài chính | 172 | 244 | 359 | 767 | 967 | 882 | 816 | 6,88 | 93 |
| Chi phí hoạt động | 202 | 268 | 296 | 277 | 391 | 566 | 661 | 5,58 | 117 |
| Chi phí khác | 2 | 11 | 36 | 61 | 29 | 9 | 17 | 0,14 | 190 |
| Lợi nhuận trước thuế | 433 | 652 | 896 | 605 | 256 | 839 | 1.559 | 100 | 186 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 427 | 635 | 905 | 647 | 274 | 828 | 1.545 | 99,12 | 187 |
| Lợi nhuận khác | 6 | 17 | -8 | -42 | -18 | 11 | 14 | 0,88 | 124 |
| Lợi nhuận sau thuế | 376 | 544 | 764 | 537 | 182 | 710 | 1.356 | 86,99 | 191 |

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 13.364 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2024 (10.246 tỷ đồng) - mức cao nhất trong giai đoạn 2019–2025, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp PC1 duy trì tăng trưởng doanh thu hai chữ số. Kết quả này được đóng góp bởi sự tăng trưởng tích cực trên hầu hết các lĩnh vực kinh doanh, bao gồm tổng thầu công trình điện (tăng trưởng 3.001 tỷ đồng), Bất động sản (tăng trưởng 795 tỷ đồng), Sản xuất công nghiệp (tăng trưởng 12 tỷ đồng), Năng lượng (tăng trưởng 96 tỷ đồng) và Khoáng sản (tăng trưởng 429 tỷ đồng),

Tổng chi phí năm 2025 ở mức 11.860 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2024 (9.453 tỷ đồng). Đáng chú ý, tốc độ tăng chi phí (25%) thấp hơn tốc độ tăng doanh thu (30%), cho thấy hiệu quả kiểm soát chi phí được cải thiện rõ rệt. Kết quả này phản ánh nỗ lực tối ưu hóa cơ cấu chi phí của Ban lãnh đạo, đặc biệt trong bối cảnh quy mô hoạt động mở rộng đáng kể.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.559 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.356 tỷ đồng, lần lượt tăng 86% và 91% so với năm 2024 - vượt xa tốc độ tăng doanh thu, cho thấy đòn bẩy hoạt động tích cực và chất lượng lợi nhuận được nâng cao. Đây là mức lợi nhuận kỷ lục trong lịch sử hoạt động của PC1.

Nhìn chung, năm 2025 là năm kinh doanh thành công toàn diện của PC1 trên cả ba chiều doanh thu, chi phí và lợi nhuận, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

### Chi tiết Doanh thu các lĩnh vực (Tỷ đồng)

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 (tiếp theo)

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

### Tổng thầu công trình điện

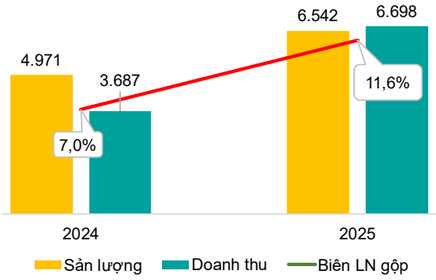


Doanh thu năm 2025 đạt 6.698 tỷ đồng, tăng 81,7% so với năm 2024 và vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm. Đây là mức tăng trưởng mạnh nhất từ trước đến nay của mảng tổng thầu, phản ánh sự bứt phá rõ nét cả về quy mô lẫn năng lực triển khai của Công ty trong bối cảnh đầu tư hạ tầng điện quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh.

Điểm nổi bật trong năm là biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể, đạt 11,6% so với mức 7% của năm trước. Kết quả này đến từ việc Công ty hoàn tất quyết toán nhiều dự án thi công xây lắp tỷ trọng lớn trong quý IV/2025, đồng thời phản ánh hiệu quả kiểm soát chi phí và điều hành dự án ngày càng chuyên nghiệp để đáp ứng tiến độ dự án.

Về thực hiện dự án, năm 2025 ghi nhận nhiều cột mốc quan trọng:

- Dự án cáp ngầm biển Côn Đảo (giá trị 1.800 tỷ đồng) được hoàn thành vượt tiến độ — một công trình đòi hỏi kỹ thuật phức tạp bậc nhất trong lĩnh vực truyền tải điện, qua đó khẳng định PC1 là một trong số rất ít đơn vị trong nước đủ năng lực làm chủ loại hình dự án đặc thù này.
- Đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên cũng được khánh thành trong quý IV/2025, tiếp nối thành công sau dự án 500kV mạch 3 của năm 2024 và củng cố vị thế của PC1 trong các công trình điện trọng điểm quốc gia.
- Bên cạnh thị trường trong nước, PC1 tiếp tục triển khai dự án EPC điện gió Camarines Sur tại Philippines (công suất 58,5 MW, giá trị hợp đồng 1.200 tỷ đồng) — dấu mốc đánh dấu PC1 chính thức hiện diện trong mảng EPC năng lượng tái tạo tại thị trường quốc tế. Công ty đồng thời tiếp tục đàm phán các hợp đồng EPC mới tại Philippines, hướng tới mục tiêu mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực ASEAN trong thời gian tới.

Nhìn về triển vọng, nền tảng tăng trưởng cho năm 2026 đã được thiết lập vững chắc khi backlog cuối năm 2025 đạt 8.250 tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với mức 6.892 tỷ đồng tại cùng thời điểm năm 2024.

### Năng lượng

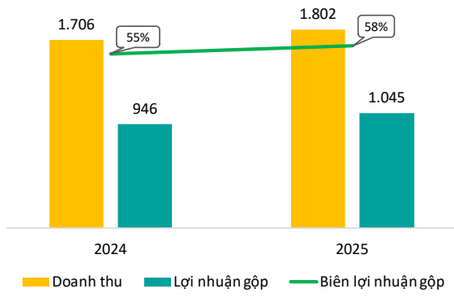


Doanh thu năm 2025 đạt 1.802 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2024 và tiếp tục vượt kế hoạch đề ra. Kết quả này tiếp tục khẳng định mảng Năng lượng là trụ cột tạo dòng tiền ổn định của Công ty, với biên lợi nhuận gộp thuộc nhóm cao nhất trong các lĩnh vực kinh doanh.

Lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 1.045 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp 58% - cải thiện so với mức 55% của năm trước. Kết quả này phản ánh hiệu quả vận hành được duy trì xuyên suốt trong năm, với các nhà máy thủy điện và điện gió đảm bảo tính sẵn sàng phát điện ở mức cao, góp phần tối ưu hóa sản lượng điện thương phẩm.

Về phát triển dự án, Công ty đang tích cực đẩy nhanh tiến độ xây dựng hai dự án thủy điện trọng điểm nhằm sớm đưa vào vận hành trong năm 2026. Thủy điện Bảo Lạc A (30 MW) dự kiến phát điện vào tháng 12/2026, Thủy điện Thượng Hà (13 MW) dự kiến phát điện vào tháng 6/2026. Khi cả hai dự án đi vào vận hành, tổng công suất lắp đặt của mảng Năng lượng sẽ được mở rộng đáng kể, tạo thêm nền tảng doanh thu ổn định cho giai đoạn tiếp theo.

Song song với thủy điện, Công ty đang tích cực nghiên cứu và mở rộng sang các phân khúc năng lượng mới. Dự án điện mặt trời nổi Điện Biên dự kiến khởi công trong Quý III/2026, trong khi mảng điện gió ngoài khơi đang được triển khai khảo sát và thiết kế — định hướng chiến lược quan trọng nhằm đa dạng hóa danh mục năng lượng và nắm bắt cơ hội từ làn sóng chuyển dịch năng lượng tái tạo đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 (tiếp theo)

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

### Sản xuất công nghiệp

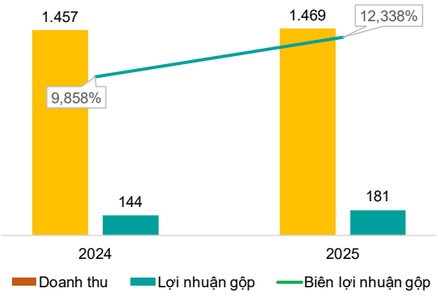


Doanh thu năm 2025 đạt 1.469 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024 trong bối cảnh Công ty chủ động tái cơ cấu danh mục đơn hàng theo hướng ưu tiên các dự án quy mô lớn, tiến độ nhanh và hiệu quả cao.

Kết quả đáng chú ý nhất trong năm là biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh từ 10% lên 12%, tương ứng lợi nhuận gộp đạt 181 tỷ đồng. Sự cải thiện này đến từ nhiều yếu tố cộng hưởng: giá đầu vào nguyên vật liệu ổn định hơn, quá trình tinh gọn sản xuất phát huy hiệu quả rõ rệt, cùng với cơ cấu đơn hàng dịch chuyển sang các dự án quy mô lớn vốn có biên lợi nhuận tốt hơn.

Tại thị trường xuất khẩu, Công ty ghi nhận hai kết quả nổi bật trong năm. Hợp đồng xuất khẩu cột điện viễn thông sang Úc được hoàn thành vượt tiến độ, củng cố uy tín của PC1 với đối tác tại thị trường có tiêu chuẩn kỹ thuật cao này. Tại thị trường Lào, Công ty hoàn thành 03 dự án xuất khẩu với khối lượng lớn, tiếp tục khẳng định vị thế trong khu vực ASEAN.

Nhìn về trung hạn, Công ty đang đầu tư xây dựng thêm một nhà máy mới diện tích 10 ha tại Thái Nguyên, nâng tổng công suất thêm 40.000 tấn/năm, dự kiến bắt đầu sản xuất từ tháng 7/2026. Đây là bước đầu tư chiến lược quan trọng, tạo nền tảng để PC1 đáp ứng các đơn hàng quy mô lớn hơn trong nước lẫn xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu hạ tầng điện và viễn thông tại Việt Nam và khu vực tiếp tục tăng mạnh giai đoạn 2026–2030.

### Bất động sản

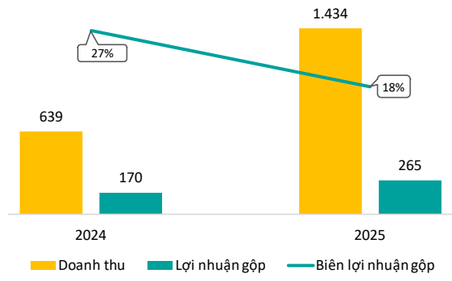


***Bất động sản công nghiệp***

- Doanh thu đến từ hoạt động khai thác, vận hành khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (NHIZ) trong năm 2025 đạt 642 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp duy trì ổn định.
- Dự án KCN Nomura giai đoạn 2 (200 ha) đã được cấp chủ trương đầu tư vào 31/12/2024; Đang thi công xây dựng phân khu 1, mục tiêu bắt đầu bàn giao cho khách hàng từ năm 2027.
- Dự án KCN tại Vũng Tàu đang thực hiện các bước phát triển dự án để xin cấp chủ trương đầu tư.
- Công ty liên kết WPG (trong đó PC1 sở hữu 30%) đang bán hàng tại KCN Yên Phong 2A Bắc Ninh, cụm công nghiệp Yên Lệnh và triển khai GPMB, thi công tại các KCN Đồng Văn 5,6, Yên Lư. Doanh thu năm 2025 của WPG đạt 1.393 tỷ; Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ 568 tỷ đồng.

***Bất động sản dân dụng***

- Dự án Tháp Vàng – Gia Lâm hoàn thành thi công, hoàn thiện và bàn giao ½ trong Quý IV/2025, doanh thu 791,7 Tỷ VNĐ, sẽ bàn giao và ghi nhận nốt phần còn lại trong năm 2026.
- Năm 2026: Bàn giao nốt dự án Tháp Vàng, triển khai 2 dự án tại Hà Nội với kế hoạch doanh thu dự kiến 2.000 tỷ đồng.

### Khoáng sản và vật liệu mới

Trong năm công ty xuất khẩu hơn 65 nghìn tấn tinh quặng, ghi nhận doanh thu lĩnh vực khai thác khoáng sản đạt hơn 1.140 tỷ đồng giảm so với thực hiện năm 2024. Kế hoạch năm 2026 Công ty xuất khẩu 53,5 nghìn tấn; doanh thu đạt hơn 1.300 tỉ đồng; đồng thời hoàn thành các thủ tục pháp lý và chuẩn bị đầu tư mở rộng giai đoạn 2 để nâng quy mô sản xuất.

Công tác vận hành sản xuất luôn đảm bảo an toàn – chất lượng – hiệu quả thông qua các giải pháp nghiên cứu, cải tiến quy trình nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, đảm bảo vận hành ổn định, gia tăng giá trị khoáng sản và phát triển giai đoạn 2 của dự án đúng tiến độ.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

### Đầu tư Bất động sản công nghiệp

| 1 | Tên dự án | Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Nomura - Hải Phòng (giai đoạn 2) |
|---|---|---|
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công ty CP KCN Quốc tế Hải Phòng |
| 3 | Hình thức đầu tư | Công ty con trực tiếp đầu tư |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN |
| 5 | Quy mô dự án | 197,16 ha |
| 6 | Năng lực sản xuất | 138 ha đất xây dựng nhà máy, 8ha đất thương mai dịch vụ |
| 7 | Địa điểm thực hiện dự án | phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng |
| 8 | Tổng mức đầu tư dự án | 4400 tỷ |
| 9 | Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại | • GPMB: Quý I/2025 đến Quý IV/2027<br>• Đầu tư xây dựng quý I/2026 đến quý II/2028<br>• Thu hút đầu tư (bán hàng): từ quý IV/2025<br>• Bàn giao & vận hành: từ quý II/2027 |
| 10 | Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Trong năm 2026:<br>• GPMB: 180/197ha<br>• Đầu tư xây dựng hạ tầng phân khu 1: ~65ha<br>• Thu hút đầu tư: ~30ha |

### Đầu tư Năng lượng tái tạo

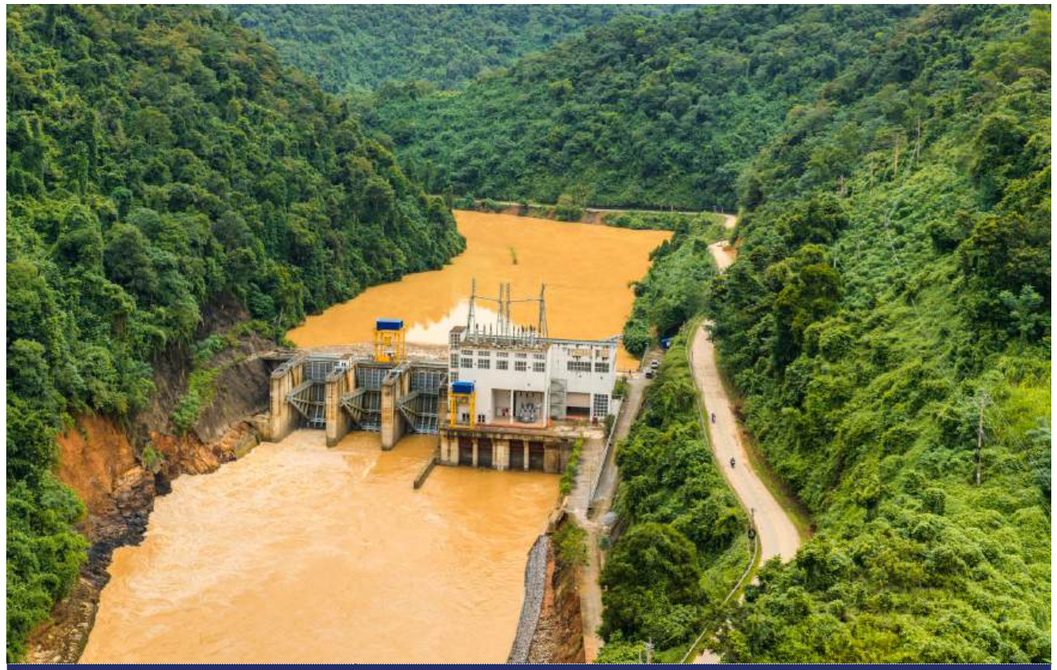

| 1 | Tên dự án | Thủy điện Bảo Lạc A |
|---|---|---|
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công ty CP Thủy điện Sông Gâm |
| 3 | Hình thức đầu tư | Thực hiện dự án đầu tư |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Sản xuất điện năng và truyền tải điện năng |
| 5 | Quy mô dự án | Công suất 30MW |
| 6 | Năng lực sản xuất | Điện lượng bình quân năm khoảng 116,581 triệu kWh |
| 7 | Địa điểm thực hiện dự án | xã Thượng Hà, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng |
| 8 | Tổng mức đầu tư dự án | 1166,282 tỷ đồng |
| 9 | Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại | Dự kiến phát điện trong tháng 12/2026, |
| 10 | Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Dự án đã thi công đạt 80% khối lượng. |

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

### Đầu tư Năng lượng tái tạo

| 1 | Tên dự án | Thủy điện Thượng Hà |
|---|---|---|
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công ty CP Thủy điện Sông Gâm |
| 3 | Hình thức đầu tư | Thực hiện dự án đầu tư |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Sản xuất điện năng và truyền tải điện năng |
| 5 | Quy mô dự án | Công suất 13MW |
| 6 | Năng lực sản xuất | Điện lượng bình quân năm khoảng 44,375 triệu kWh |
| 7 | Địa điểm thực hiện dự án | xã Thượng Hà, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng |
| 8 | Tổng mức đầu tư dự án | 524,194 tỷ đồng |
| 9 | Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại | Dự kiến phát điện trong tháng 06/2026, |
| 10 | Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Dự án đã thi công đạt 90% khối lượng. |

### Đầu tư Năng lượng tái tạo

| 1 | Tên dự án | Điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu |
|---|---|---|
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công ty CP Điện mặt trời Điện Biên |
| 3 | Hình thức đầu tư | Thực hiện dự án đầu tư |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Sản xuất điện năng và truyền tải điện năng |
| 5 | Quy mô dự án | Công suất 72MW |
| 6 | Năng lực sản xuất | Điện lượng bình quân năm khoảng 106 triệu kWh |
| 7 | Địa điểm thực hiện dự án | phường Mường Lay, xã Pa Ham, xã Sính Phình, xã Nậm Nèn tỉnh Điện Biên |
| 8 | Tổng mức đầu tư dự án | 1454 tỷ đồng |
| 9 | Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại | Dự kiến phát điện trong Quý III/2027 |
| 10 | Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Đang thực hiện thủ tục cấp chủ trương đầu tư dự án |

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

### Sản xuất công nghiệp

| 1 | Tên dự án | Dự án nhà máy sản xuất kết cấu thép Quốc Tế |
|---|---|---|
| 2 | Tên nhà đầu tư | Công ty Cổ phần Công nghệ kết cấu thép Quốc Tế |
| 3 | Hình thức đầu tư | Thành lập Công ty cổ phần |
| 4 | Mục tiêu đầu tư | Nâng cao năng lực của khối SXCN |
| 5 | Quy mô dự án | Diện tích: 100.000 m2<br>Chia làm 2 giai đoạn:<br>• Giai đoạn 1: Đầu tư toàn bộ hạ tầng nhà máy và chỉ đầu tư 1 số nhà xưởng, thiết bị sản xuất, thiết bị phụ trợ sản xuất sản phẩm cột thanh cái ống (giai đoạn này chưa đầu tư mạ, sản phẩm chế tạo sẽ được mạ tại nhà máy hiện tại ở Đông Anh). Thời gian đầu tư giai đoạn 1: Từ tháng 5-2025 đến tháng 6-2026 và dự kiến đi vào sản xuất từ quý 3/2026 với công suất 40.000 tấn/năm.<br>• Giai đoạn 2: Bắt đầu đầu tư sau khi giai đoạn 1 vận hành được 3 năm: Từ tháng 6/2029 bắt đầu triển khai thực hiện và dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành giai đoạn 2 là quý 3/2030. Các công việc được đầu tư ở giai đoạn này bao gồm: Các nhà xưởng sản xuất cột thép hình, nhà xưởng sản xuất cột đơn thân, nâng cao khối lượng sản xuất cột thanh cái ống và đặc biệt là đầu tư bể mạ với công suất mạ 100.000 tấn/năm. Các nhà xưởng bổ sung sau khi đưa vào sử dụng sẽ đưa tổng công suất chế tạo cột thép các loại lên mức 100.000 tấn/năm |
| 6 | Năng lực sản xuất | Tối đa 100.000 tấn/năm |
| 7 | Địa điểm thực hiện dự án | Cụm Công nghiệp Tân Phú 1, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên |
| 8 | Tổng mức đầu tư dự án | 750 tỷ đồng (trong đó 150 tỷ vốn góp của các cổ đông đã góp đủ trong quý 3/2025, 600 tỷ là vốn vay), chia làm 2 giai đoạn:<br>• Giai đoạn 1: Tổng mức đầu tư khoảng 500 tỷ<br>• Giai đoạn 2: Tổng mức đầu tư khoảng 250 tỷ |
| 9 | Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại | Dự kiến đi vào sản xuất từ quý 3/2026 với công suất 40.000 tấn/năm. |
| 10 | Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Trong năm 2025, công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý cơ bản phục vụ triển khai dự án:<br>• Thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh: Hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4601639246, đăng ký lần đầu ngày 24/06/2025, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16/09/2025 (thay đổi địa giới hành chính khi chuyển đổi mô hình địa phương 2 cấp)<br>• Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty, gồm:<br>» Đại hội đồng cổ đông<br>» Hội đồng quản trị<br>» Ban kiểm soát<br>Ngoài ra Công ty đã hoàn thành và được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2450587240 chứng nhận lần đầu ngày 13/10/2025.<br>Đang hoàn thiện phê duyệt ĐTM. Sau khi có phê duyệt ĐTM tiếp tục hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi. |

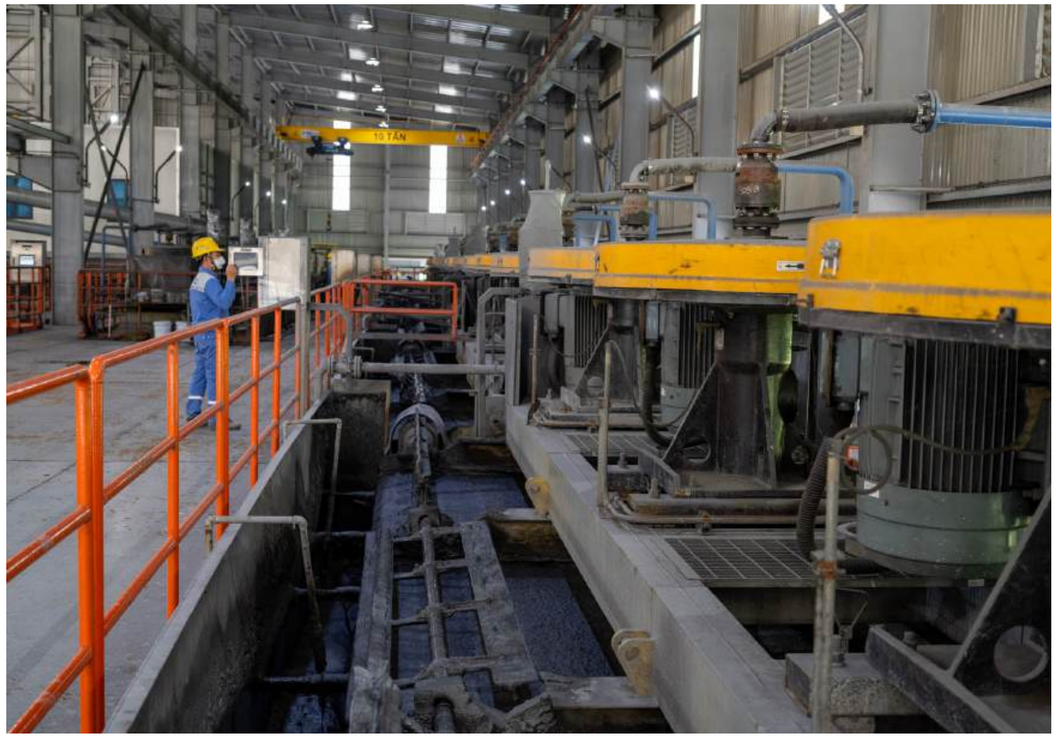

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| TT | Công ty con | Thực hiện năm 2024 | | | Thực hiện năm 2025 | | | TH2025/TH2024 (lần) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng tài sản | Doanh thu | Lợi nhuận | Tổng tài sản | Doanh thu | Lợi nhuận | Tổng tài sản | Doanh thu | Lợi nhuận |
| 1 | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội | 204 | 514 | 5 | 181 | 342 | 3 | 0,9 | 0,7 | 0,6 |
| 2 | Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam | 349 | 443 | 5 | 271 | 531 | 5 | 0,8 | 1,2 | 0,9 |
| 3 | Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình | 371 | 903 | 9 | 546 | 710 | 6 | 1,5 | 0,8 | 0,7 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hà Đông | 8 | - | 0 | 8 | 0 | 0 | 1,0 | N/A | N/A |
| 5 | Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương | 7 | 32 | 1 | 9 | 34 | 1 | 1,2 | 1,1 | 0,9 |
| 6 | Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long | 168 | 371 | 5 | 206 | 366 | 3 | 1,2 | 1,0 | 0,6 |
| 7 | Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình | 97 | 207 | 3 | 147 | 266 | 4 | 1,5 | 1,3 | 1,5 |
| 8 | Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | 784 | 1600 | 50 | 1.168 | 1750 | 60 | 1,5 | 1,1 | 1,2 |
| 9 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm | 571 | 141 | 54 | 548 | 145 | 54 | 1,0 | 1,0 | 1,0 |
| 10 | Công ty CP Thủy điện Trung Thu | 139 | 1 | 4 | 144 | 1 | 4 | 1,0 | 1,0 | 0,9 |
| 11 | Công ty CP Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | 27 | 65 | 1 | 46 | 37 | 0 | 1,7 | 0,6 | 0,0 |
| 12 | Công ty CP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | 129 | 4 | 4 | 127 | 3 | 3 | 1,0 | 0,8 | 0,7 |
| 13 | Công ty CP Cơ khí Ô tô Hòa Bình | 105 | 95 | 4 | 95 | 122 | 2 | 0,9 | 1,3 | 0,5 |
| 14 | Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | 686 | 134 | 32 | 657 | 145 | 38 | 1,0 | 1,1 | 1,2 |
| 15 | Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc | 1788 | 281 | 15 | 1.646 | 301 | 76 | 0,9 | 1,1 | 5,1 |
| 16 | Công ty CP Điện gió Liên Lập | 1824 | 319 | 51 | 1.675 | 339 | 108 | 0,9 | 1,1 | 2,1 |
| 17 | Công ty CP Điện gió Phong Huy | 1828 | 322 | 55 | 1.678 | 332 | 98 | 0,9 | 1,0 | 1,8 |
| 18 | Công ty CP Điện gió Phong Nguyên | 59 | 71 | 2 | 92 | 220 | 9 | 1,6 | 3,1 | 4,3 |
| 19 | Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ công nghệ | 2139 | 1267 | 259 | 1.891 | 1140 | 261 | 0,9 | 0,9 | 32,7 |
| 20 | Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát | 355 | - | - | 918 | 0 | 0 | 2,6 | N/A | N/A |
| 21 | Công ty CP Thủy điện Sông Gâm | 156 | 0 | 1 | 159 | 3 | 3 | 1,0 | N/A | N/A |
| 22 | Công ty CP Thiết bị Thương mại | 32 | 1711 | 100 | 28 | 0 | 0 | 0,9 | N/A | N/A |
| 23 | Asean Dragon Trading Pte.Tld | 974 | 600 | 139 | 991 | 643 | 122 | 1,0 | 1,1 | 0,9 |
| 24 | Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | 446 | - | - | 717 | 0 | 0 | 1,6 | N/A | N/A |
| 25 | CTCP KCN Quốc tế Hải Phòng | 17 | - | -3 | 8 | 21 | 1 | 0,5 | N/A | (0,3) |
| 26 | PC1 Australia Pty Ltd | | | | 5 | 0 | 0 | N/A | N/A | N/A |
| 27 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp PC1 - Hải Phòng | | | | 92 | 0 | -2 | N/A | N/A | N/A |
| 28 | PC1 Philippines Inc | | | | | | | | | |

# TÌNH HÌNH
# TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2025/ 2024 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | Tỷ đồng | 8.315 | 10.722 | 18.687 | 21.754 | 20.175 | 20.988 | **24.563** | 117% |
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 5.845 | 6.679 | 9.828 | 8.358 | 7.694 | 10.089 | **13.085** | 130% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 427 | 635 | 905 | 647 | 274 | 828 | **1.545** | 187% |
| Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | 6 | 17 | -8 | -42 | -18 | 11 | **14** | 124% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 433 | 652 | 896 | 605 | 256 | 839 | **1.559** | 186% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 376 | 544 | 764 | 537 | 182 | 710 | **1.356** | 191% |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ | % | 20 | 20 | 20 | 15 | 15 | 15 | **15** | |

Tổng tài sản năm 2025 đạt 24.563 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2024, là mức tăng cao nhất kể từ giai đoạn 2020–2021. Sự mở rộng quy mô tài sản phản ánh nhu cầu vốn lưu động tăng mạnh tương ứng với đà tăng trưởng doanh thu, đặc biệt trong lĩnh vực tổng thầu xây lắp và sản xuất công nghiệp.

Doanh thu thuần năm 2025 đạt 13.085 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2024 - tiếp nối đà tăng trưởng mạnh của năm trước và khẳng định đây không phải hiệu ứng nhất thời từ mức nền thấp. Động lực tăng trưởng đến từ sự bứt phá của mảng tổng thầu công trình điện khi doanh thu tăng gần gấp đôi, trong khi các mảng Năng lượng và Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì ổn định. Đây là lần đầu tiên doanh thu thuần hợp nhất của PC1 vượt ngưỡng 13.000 tỷ đồng.

Chất lượng lợi nhuận năm 2025 được cải thiện rõ rệt. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 1.545 tỷ đồng, tăng 87% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.559 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.356 tỷ đồng, tăng lần lượt 86% và 91% so với năm trước - mức tăng trưởng lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty. Đáng chú ý, tốc độ tăng của lợi nhuận vượt xa tốc độ tăng doanh thu, cho thấy hiệu quả kinh doanh được nâng lên rõ rệt nhờ cải thiện biên lợi nhuận tại hầu hết các mảng, đặc biệt là tổng thầu xây lắp và sản xuất công nghiệp khi các dự án lớn được quyết toán và tối ưu chi phí được phát huy hiệu quả.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khả năng thanh toán hiện hành | 1,66 | 1,53 | 1,14 | 1,33 | 1,40 | 1,59 | **1,45** |
| Khả năng thanh toán nhanh | 1,04 | 1,32 | 0,96 | 1,14 | 1,20 | 1,20 | **1,26** |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 3,53 | 3,69 | 3,84 | 2 | 1,30 | 2,20 | **3,29** |

Khả năng thanh toán của PC1 tiếp tục được đảm bảo an toàn trong năm 2025, với tất cả các chỉ số duy trì ở mức lớn hơn 1, cho thấy Công ty hoàn toàn đủ năng lực thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn.

Khả năng thanh toán nhanh tăng từ 1,20 lên 1,26, phản ánh cơ cấu tài sản thanh khoản cao được củng cố tương ứng với quy mô hoạt động mở rộng. Khả năng thanh toán lãi vay phục hồi mạnh từ 2,20 lên 3,29 - mức cao nhất kể từ năm 2021 - nhờ lợi nhuận trước thuế và lãi vay tăng đột biến trong năm 2025, trong khi chi phí lãi vay được kiểm soát hiệu quả. Đây là chỉ số phản ánh rõ nét nhất sức khỏe tài chính được cải thiện vượt bậc của Công ty trong kỳ báo cáo.

Khả năng thanh toán hiện hành giảm nhẹ từ 1,59 xuống 1,45, chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng tương ứng với quy mô hợp đồng và hoạt động thi công mở rộng đáng kể trong năm, đặc biệt tại mảng tổng thầu. Mức 1,45 vẫn nằm trong ngưỡng an toàn và hoàn toàn phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất có chu kỳ vốn lưu động lớn.

Nhìn tổng thể, cấu trúc tài chính của PC1 năm 2025 cho thấy sự cân bằng hợp lý giữa tăng trưởng quy mô và đảm bảo an toàn thanh khoản, tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch đầu tư và mở rộng trong giai đoạn tiếp theo.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,56 | 0,56 | 0,66 | 0,67 | 0,65 | 0,63 | **0,64** |
| Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | 1,25 | 1,25 | 1,98 | 2,03 | 1,82 | 1,82 | **1,77** |

Tại 31/12/2025, cơ cấu vốn của PC1 tiếp tục được duy trì ổn định và an toàn. Hệ số Nợ/Tổng tài sản ở mức 0,64, gần như không thay đổi so với năm trước, trong khi Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cải thiện nhẹ từ 1,82 xuống 1,77 nhờ vốn chủ sở hữu được củng cố từ lợi nhuận tích lũy tăng mạnh trong năm. Trong bối cảnh quy mô hoạt động mở rộng đáng kể, việc giữ được hệ số đòn bẩy ổn định là kết quả tích cực, cho thấy Công ty đang bước vào giai đoạn thu hoạch từ các khoản đầu tư trước đó với khả năng tự tài trợ ngày càng được nâng cao.

# TÌNH HÌNH
# TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Vòng quay hàng tồn kho | 4,58 | 5,1 | 10,62 | 7,54 | 6,76 | 6,28 | **6,75** |
| Vòng quay tổng tài sản | 0,78 | 0,7 | 0,67 | 0,41 | 0,37 | 0,49 | **0,57** |

Năm 2025, vòng quay hàng tồn kho cải thiện trở lại lên mức 6,75, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho được đẩy nhanh hơn nhờ doanh thu tăng mạnh, đặc biệt tại mảng tổng thầu và sản xuất công nghiệp. Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh hiệu quả quản lý vật tư và tiến độ thực hiện các dự án lớn được cải thiện.

Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,49 lên 0,57, tiếp tục xu hướng phục, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty ngày càng được nâng cao. Trong bối cảnh tổng tài sản tăng 17%, doanh thu thuần tăng tới 30%, tốc độ sinh lời trên tài sản rõ ràng đang được cải thiện thực chất. Nhìn lại chuỗi dữ liệu từ 2019 đến nay, đây là mức vòng quay tổng tài sản cao nhất kể từ năm 2020, phản ánh giai đoạn đầu tư mở rộng đã bắt đầu phát huy hiệu quả rõ nét.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ suất lợi nhuận ròng | 6,4% | 8,1% | 7,8% | 6,4% | 2,4% | 7,0% | **10%** |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 14,0% | 17,4% | 11,8% | 19,1% | 18,8% | 20,7% | **20,8%** |
| Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) | 5,0% | 5,7% | 5,2% | 2,7% | 0,9% | 3,4% | **5,5%** |
| Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE) | 10,8% | 12,9% | 13,8% | 8,0% | 2,5% | 9,2% | **15,3%** |

Năm 2025, các chỉ tiêu sinh lời của PC1 tiếp tục đà phục hồi và đạt mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, khẳng định bước chuyển thực chất từ giai đoạn tái cơ cấu sang giai đoạn tăng trưởng hiệu quả.
Tỷ suất lợi nhuận ròng đạt 10%, tăng mạnh so với mức 7% của năm 2024 và là mức cao nhất trong chuỗi 7 năm quan sát. Tỷ suất lợi nhuận gộp duy trì ổn định ở mức 20,8%, tiếp tục neo ở vùng đỉnh, phản ánh khả năng kiểm soát giá vốn hiệu quả và cơ cấu doanh thu dịch chuyển tích cực sang các mảng có biên lợi nhuận cao hơn.

ROA tăng từ 3,4% lên 5,5% và ROE tăng mạnh từ 9,2% lên 15,3% - lần lượt là mức cao nhất kể từ năm 2021 và 2020. Sự cải thiện đồng thời của cả hai chỉ số cho thấy PC1 không chỉ sử dụng tài sản hiệu quả hơn mà còn tạo ra giá trị vượt trội hơn cho cổ đông, đặc biệt trong bối cảnh quy mô vốn chủ sở hữu cũng được mở rộng đáng kể.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
# THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

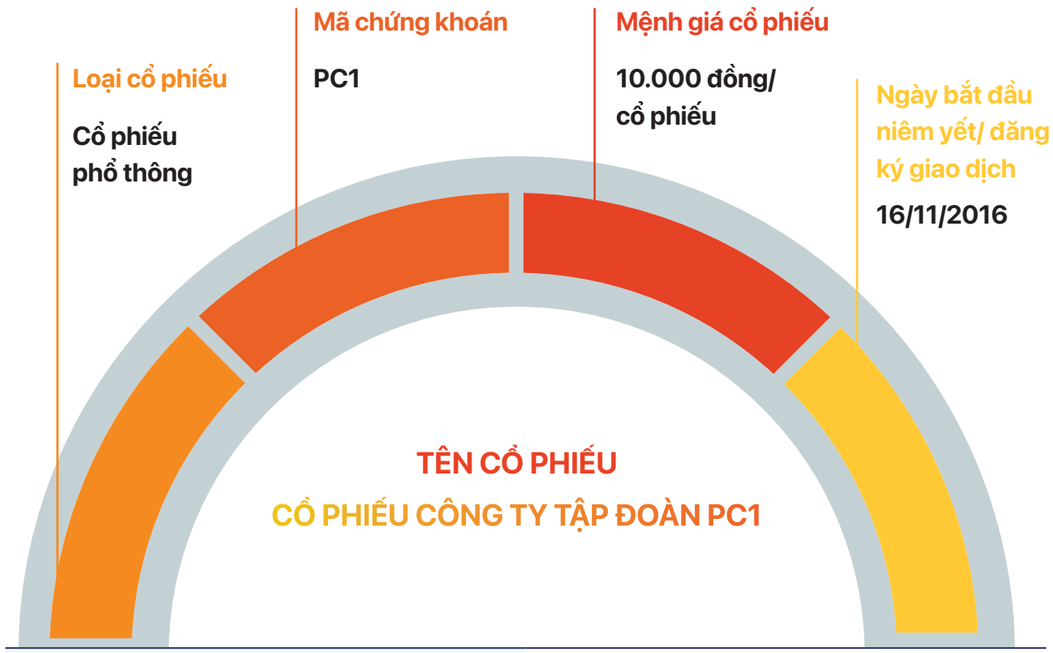


| | |
|---|---|
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành | **411.285.343 cổ phiếu** |
| Tổng số cổ phiếu quỹ | 0 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do | **411.285.343 cổ phiếu** |
| Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng | 0 cổ phiếu |

### Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Theo công văn số 4473/UBCK-PTTT ngày 11/08/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 ở mức 50%.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(tiếp theo)

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/ VĐL | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | | 0,00% | | | |
| 2 | Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI | | 0,00% | | | |
| | *- Trong nước* | | *0,00%* | | | |
| | *- Nước ngoài* | | *0,00%* | | | |
| 3 | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên) | 87.942.639 | 21,38% | 1 | 0 | 1 |
| | *- Trong nước* | *87.942.639* | *21,38%* | *1* | *0* | *1* |
| | *- Nước ngoài* | | *0,00%* | | | |
| 4 | Công đoàn công ty | | 0,00% | | | |
| | *- Trong nước* | | *0,00%* | | | |
| | *- Nước ngoài* | | *0,00%* | | | |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | | 0,00% | | | |
| 6 | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | | 0,00% | | | |
| 7 | Cổ đông khác | 323.342.704 | 78,62% | 29.051 | 143 | 28.908 |
| | *- Trong nước* | *256.663.494* | *62,41%* | *28.817* | *73* | *28.744* |
| | *- Nước ngoài* | *66.679.210* | *16,21%* | *234* | *70* | *164* |
| | **TỔNG CỘNG** | **411.285.343** | **100%** | **29.052** | **144** | **28.909** |
| *Trong đó:* | *- Trong nước* | *344.606.133* | *83,79%* | *28.818* | *73* | *28.745* |
| | *- Nước ngoài* | *66.679.210* | *16,21%* | *234* | *70* | *164* |

## SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Tên | GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư | Ngày cấp | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL tại 31/12/2025(%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trịnh Văn Tuấn | 038062002196 | 10/11/2023 | 87.942.639 | 21,38% |

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

| Thời điểm | Vốn điều lệ (VNĐ) | Nội dung thay đổi | Đơn vị cấp |
|---|---|---|---|
| 2005 | 50.000.000.000 | Cổ phần hóa | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2009 | 66.670.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu để đầu tư dự án Khu nhà ở và Dịch vụ thương mại Nàng Hương | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2010 | 100.000.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ để Đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương và bổ sung vốn lưu động cho Công ty. | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2011 | 140.000.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu để Huy động vốn đầu tư cho dự án Mỹ Đình và các dự án đầu tư khác | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2013 | 180.000.000.000 | Phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2014 | 201.000.000.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2015 | 341.694.850.000 | Phát hành và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T7/2016 | 637.821.960.000 | Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T10/2016 | 752.629.140.000 | Phát hành riêng lẻ để huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T8/2017 | 978.413.200.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T12/2017 | 1.154.528.420.000 | Phát hành riêng lẻ để bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Mông Ân (Bảo Lâm 4), Thủy điện Bảo Lạc B (Bảo Lâm 2A) và dự án Bất động sản Thanh Xuân | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2018 | 1.327.702.940.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2019 | 1.593.239.290.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T01/2020 | 1.911.811.590.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T12/2021 | 2.351.596.490.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| T12/2022 | 2.704.330.020.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2023 | 3.109.955.580.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2024 | 3.576.421.210.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 | Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội |
| 2025 | 4.112.853.430.000 | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | Sở Tài Chính thành phố Hà Nội |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

**Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.**

Trong năm 2025, Tập đoàn không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

## CHỨNG KHOÁN KHÁC

Tập đoàn có thực hiện phát hành trái phiếu thường cho đầu tư dài hạn vào lĩnh vực Khu công nghiệp.

# 4

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


[96] Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

[102] Những kết quả đạt được trong công tác quản lý

[103] Kế hoạch phát triển trong tương lai

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
# HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với GDP ước tăng khoảng 3,2%, song tốc độ phục hồi chậm và không đồng đều giữa các khu vực. Lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt, giảm xuống còn 3,4% so với năm trước, tuy nhiên tỷ giá vẫn duy trì ở mức cao. Thương mại toàn cầu chịu nhiều biến động dưới tác động của chính sách thuế quan từ Mỹ, tạo ra áp lực lên chuỗi cung ứng và dòng chảy thương mại quốc tế. Căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực tiếp tục là yếu tố rủi ro thường trực đối với triển vọng tăng trưởng.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam tiếp tục là điểm sáng trong khu vực với GDP cả năm ước tăng 8,02%, thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất khu vực và phản ánh sức chống chịu tương đối tốt của nền kinh tế trước những biến động bên ngoài. Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì vững chắc với lạm phát ở mức thấp 3,21% và CPI ở mức 3,31%. Mặt bằng lãi suất VND hạ nhiệt tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tích cực cho môi trường đầu tư và tiêu dùng. Nhu cầu đầu tư hạ tầng điện, công nghiệp và năng lượng tái tạo tiếp tục tăng mạnh, tạo ra dư địa tăng trưởng thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này như PC1.

Trên nền vĩ mô tích cực đó, năm 2025 là năm Tập đoàn PC1 ghi nhận kết quả kinh doanh tốt nhất trong lịch sử hoạt động. Với sự bứt phá mạnh mẽ của mảng tổng thầu công trình điện, sự ổn định của mảng Năng lượng và Sản xuất công nghiệp, Tập đoàn đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra. Tổng doanh thu đạt 13.085 tỷ đồng, tương đương 98% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.356 tỷ đồng, vượt kế hoạch 162% - mức vượt kế hoạch lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay, phản ánh hiệu quả kinh doanh được cải thiện vượt bậc trên toàn bộ các lĩnh vực. Cổ tức thực hiện đạt 15%, hoàn thành đúng kế hoạch đã cam kết với cổ đông.

Kết quả này là minh chứng rõ nét cho chiến lược phát triển đúng hướng của Tập đoàn - tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi có lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát chi phí, đồng thời chủ động mở rộng thị trường cả trong nước lẫn quốc tế. Những nền tảng được xây dựng trong năm 2025 đặt PC1 vào vị thế thuận lợi để tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong giai đoạn tới.

### Một số chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất Tập đoàn 2025 đạt được như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch | Thực hiện | Kết quả % (TH/KH) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 13.395 | 13.085 | 98% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 836 | 1.356 | 162% |
| 3 | Cổ tức | % | 15 | 15% | 100% |

## MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC ĐẾN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

**01**

Sự định hướng sát sao của HĐQT và điều hành quyết liệt của Ban điều hành, cùng với nỗ lực của toàn hệ thống, giúp Tập đoàn chủ động nắm bắt cơ hội thị trường và tập trung nguồn lực vào các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

**02**

Công tác tái cơ cấu danh mục đầu tư được triển khai chủ động, linh hoạt — tập trung vào các dự án và thị trường có lợi thế, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và củng cố thương hiệu Tập đoàn.

**03**

Các giải pháp quản trị tài chính phát huy hiệu quả thông qua chuyển nhượng và thu hồi vốn hợp lý, cơ cấu lại khoản vay ngoại tệ kết hợp với diễn biến tỷ giá thuận lợi, từ đó giảm chi phí tài chính và cải thiện lợi nhuận hợp nhất.

**04**

Các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi đều tăng trưởng tích cực: Năng lượng vận hành ổn định và khai thác tối ưu; Tổng thầu EPC bứt phá mạnh mẽ; Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng; Bất động sản dân dụng bắt đầu ghi nhận doanh thu và lợi nhuận, tạo thêm nguồn đóng góp vào kết quả hợp nhất.

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(tiếp theo)

### NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

#### Về đầu tư

- Tiếp tục vận hành tin cậy, tối ưu các nguồn lực đối với: Các nhà máy điện, Công ty khoáng sản Tấn phát; Khu công nghiệp NHIZ, Dự án Bất động sản khởi công 2025.
- Tập trung thực hiện tháo gỡ các thủ tục pháp lý các Dự án bất động sản nhà ở, hạ tầng Khu công nghiệp.
- Nghiên cứu, phát triển các Dự án năng lượng tái tạo, khởi công xây dựng 2 nhà máy thủy điện Bảo Lạc A và Thượng Hà.

#### Về EPC, xây lắp, sản xuất và kinh doanh

- Tập trung vào các sản phẩm, thị trường và nhóm khách hàng mục tiêu có lợi thế cạnh tranh; ưu tiên các hợp đồng trọng điểm, có hiệu quả và phù hợp năng lực thực hiện của PC1.
- Nâng cao năng lực tổng thầu, năng lực thiết kế - chế tạo các thiết bị chuyên dùng, các giải pháp thi công đồng bộ; phát triển các giải pháp công nghệ và thiết bị chuyên dùng nhằm tạo ra năng lực cạnh tranh khác biệt và gia tăng giá trị cho khách hàng.
- Ưu tiên và thực hiện thành công các Dự án EPC trong và nước ngoài, xuất khẩu sản phẩm cột thép tại một số thị trường quốc tế có chọn lọc, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo lợi thế cho hoạt động hệ sinh thái của Tập đoàn.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất của Tập đoàn đạt 24.563 tỷ đồng, tăng 3.575 tỷ đồng, tương ứng tăng 17% so với đầu năm - mức tăng cao nhất kể từ giai đoạn 2020–2021, phản ánh quy mô hoạt động được mở rộng đáng kể trong năm. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn đạt 11.299 tỷ đồng, tăng 3.213 tỷ đồng, tương ứng tăng 40% so với đầu năm và chiếm khoảng 46% tổng tài sản. Sự tăng trưởng mạnh của tài sản ngắn hạn đến từ hầu hết các khoản mục chủ yếu. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 67% lên 3.811 tỷ đồng, phản ánh dòng tiền thu về từ các dự án lớn được quyết toán trong năm. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 42% lên 4.414 tỷ đồng, tương ứng với quy mô hợp đồng tổng thầu mở rộng mạnh - trong đó phần lớn là công nợ từ các Ban Quản lý dự án điện lực, vốn có chu kỳ thanh toán dài. Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 44% lên 1.459 tỷ đồng. Hàng tồn kho giảm nhẹ 6,6% xuống còn 1.483 tỷ đồng, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho được cải thiện so với năm trước khi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được thanh lý và quyết toán.

**TÀI SẢN NGẮN HẠN**

**40%**

tăng 3.213 tỷ đồng, tương ứng tăng 40% so với đầu năm và chiếm khoảng 46% tổng tài sản

Tài sản dài hạn đạt 13.264 tỷ đồng, tăng 362 tỷ đồng, tương ứng tăng 2,8% so với đầu năm và chiếm khoảng 54% tổng tài sản. Tài sản cố định giảm 6,5% xuống còn 9.489 tỷ đồng do khấu hao trong kỳ. Bất động sản đầu tư giảm 16,3% xuống còn 94 tỷ đồng. Điểm đáng chú ý là tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh 263% lên 1.352 tỷ đồng, phản ánh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án thủy điện Bảo Lạc A và Thượng Hà đang được đẩy nhanh để chuẩn bị đưa vào vận hành trong năm 2026. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng nhẹ 4,2% lên 1.782 tỷ đồng.

**TÀI SẢN DÀI HẠN**

**2,8%**

tăng 362 tỷ đồng, tương ứng tăng 2,8% so với đầu năm và chiếm khoảng 54% tổng tài sản

Hiệu quả sử dụng tài sản tiếp tục được cải thiện với vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,49 lên 0,57 lần - trong bối cảnh tổng tài sản tăng 17% nhưng doanh thu thuần tăng tới 30%, cho thấy tài sản đang được khai thác ngày càng hiệu quả hơn.

Về chất lượng công nợ, Tập đoàn cần tiếp tục sát sao công tác quyết toán và tích cực thu hồi các khoản phải thu từ các dự án xây lắp, đặc biệt trong bối cảnh phải thu ngắn hạn tăng mạnh, nhằm đảm bảo dòng tiền và giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi trong giai đoạn tiếp theo.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

**18%**

tăng 2.413 tỷ đồng, tương đương tăng 18% so với đầu năm; chiếm 64% tổng nguồn vốn

Tính đến ngày 31/12/2025, nợ phải trả của Tập đoàn đạt 15.685 tỷ đồng, tăng 2.413 tỷ đồng, tương đương tăng 18% so với đầu năm; chiếm 64% tổng nguồn vốn. Trong đó, nợ ngắn hạn là 7.788 tỷ đồng, chiếm 50% tổng nợ phải trả; nợ dài hạn là 7.898 tỷ đồng, chiếm 50% còn lại. Sự gia tăng của nợ phải trả chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn, tăng 53% so với đầu năm, phản ánh nhu cầu vốn lưu động tăng mạnh tương ứng với quy mô triển khai hợp đồng tổng thầu và sản xuất công nghiệp được mở rộng đáng kể trong năm. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 44% lên 4.263 tỷ đồng. Trong khi đó, nợ dài hạn giảm nhẹ 4% xuống còn 7.898 tỷ đồng, trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 5% xuống 7.443 tỷ đồng, cho thấy Tập đoàn tiếp tục lộ trình trả dần các khoản vay dài hạn đúng kế hoạch.

Về chi phí tài chính, trong năm 2025 mặt bằng lãi suất VND hạ nhiệt tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động huy động vốn, góp phần kiểm soát chi phí lãi vay và hỗ trợ tích cực cho lợi nhuận hợp nhất. Đối với rủi ro tỷ giá, Tập đoàn hiện có các khoản vay bằng USD từ Ngân hàng Phát triển Châu Á và Export Finance Australia, tuy nhiên các khoản nợ này sẽ được trả dần và đáo hạn vào năm 2036 nên không ảnh hưởng đáng kể đến dòng tiền hiện tại. Ngoài ra, cơ chế giá bán điện được tính theo USD cũng đóng vai trò là hàng rào tự nhiên giúp giảm thiểu rủi ro tỷ giá cho Tập đoàn.

Nhìn tổng thể, cơ cấu nợ của PC1 năm 2025 phản ánh đúng đặc thù của giai đoạt tăng trưởng mạnh — gia tăng vốn vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh trong khi tiếp tục giảm dần nợ dài hạn, qua đó từng bước cải thiện cơ cấu nguồn vốn theo hướng bền vững hơn.

# NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
## TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Tập đoàn tập trung các nhiệm vụ quản trị trong tâm: xây dựng chiến lược; tuyển dụng và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng cường Chuyển đổi số (CĐS), ứng dụng Lean AI; phát triển văn hóa doanh nghiệp góp phần nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động Tập đoàn. Một số kết quả chủ yếu như sau:

**Chiến lược**

Hoàn thành cơ bản Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2026–2030 với sự tư vấn của BCG — đơn vị tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới, tạo nền tảng định hướng dài hạn cho toàn hệ thống.

**Nhân sự & đào tạo**

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự; chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kế cận. Đào tạo thường xuyên từng bước trở thành văn hóa của một tổ chức học tập trong PC1.

**Văn hóa doanh nghiệp**

Đẩy mạnh xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp gắn với triết lý "Nhân – Tín – Khách – Sáng – Hiệu" và chuẩn mực hành vi "Chuyên – Chính – Hợp – Mới – Bền", tăng cường tính gắn kết và đồng thuận trong toàn hệ thống.

**Đổi mới sáng tạo**

Nhiều sáng kiến, cải tiến có giá trị được ứng dụng hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo lợi thế cạnh tranh và mang lại lợi ích kinh tế thiết thực cho Tập đoàn.

**Chuyển đổi số & Lean AI**

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo và quản trị tinh gọn Lean AI trong quản lý vận hành; hướng tới xây dựng nền tảng dữ liệu và AI quy mô lớn, vận hành xanh và thông minh, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả thực thi.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
## TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

- Bám sát các mục tiêu chiến lược 2026-2030, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, tích lũy cơ hội đầu tư và cấu trúc lại các lĩnh vực kinh doanh.
- Kiên định phát triển thương hiệu PC1, sự tin cậy cao của đối tác, khách hàng, nhà đầu tư.
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh với mỗi Khối, các Công ty thành viên, chỉ tiêu thách thức nhưng khả thi và hiệu quả.
- Kiến tạo nguồn lực nền tảng chung của hệ thống về: Tầm nhìn lãnh đạo, chiến lược, văn hóa tổ chức, quan hệ chiến lược, đội ngũ ưu tú, công nghệ - bằng sáng chế - bản quyền, tài chính - tài sản.
- Tiếp tục cải tiến Cơ chế, quy chế, quy trình nội bộ đảm bảo quản lý mọi hoạt động và thông thoáng, tinh gọn - tạo động lực phát triển.
- Luôn đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, năng lực cạnh tranh.
- Cải thiện môi trường làm việc hấp dẫn, văn minh tạo động lực.
- Khả năng thích ứng, linh hoạt, đi trước các xu thế, các biến động đảm bảo hiệu quả, an toàn.
- Quản trị rủi ro và phát triển bền vững.

### CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ KINH DOANH 2026

Năm 2026, được xác định là năm tiếp tục đan xen giữa cơ hội và thách thức, PC1 xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo nguyên tắc thận trọng, khả thi và bám sát định hướng phát triển dài hạn, các chỉ tiêu kế hoạch:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch | Tỷ lệ với TH 2025 (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 15.618 | 117% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1.056 | 78% |
| 3 | Cổ tức | % | 15% | 100% |

# 5

# ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN


[106] Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

[118] Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGĐ công ty

[118] Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

# ĐÁNH GIÁ CỦA
# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

## CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ CHUNG

Trong năm 2025, Tập đoàn tập trung các nhiệm vụ quản trị trong tâm: xây dựng chiến lược; tuyển dụng và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng cường Chuyển đổi số (CĐS), ứng dụng Lean AI; phát triển văn hóa doanh nghiệp góp phần nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động Tập đoàn. Một số kết quả chủ yếu như sau:

### 01 Xây dựng chiến lược

Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành, với tư vấn chiến lược Top 1 thế giới - BCG đã cơ bản hoàn thành Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2026 - 2030

### 02 Nhân sự và năng lực đội ngũ lãnh đạo

Tập đoàn tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự; thực hiện tuyển dụng phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng quản lý, năng lực điều hành và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế cận, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực lãnh đạo trong toàn hệ thống. Đào tạo thường xuyên trong PC1 trở thành văn hóa của một tổ chức học tập.

### 03 Văn hóa doanh nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, lan tỏa và thực thi văn hóa doanh nghiệp theo Sổ tay Văn hóa doanh nghiệp PC1, gắn với triết lý "Nhân - Tín - Khách - Sáng - Hiệu" và chuẩn mực hành vi "Chuyên - Chính - Hợp - Mới - Bền"; đồng thời tăng cường truyền thông nội bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, sự gắn kết và đồng thuận trong toàn hệ thống.

### 04 Đổi mới sáng tạo

Khuyến khích các đơn vị chủ động nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, cải tiến phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực, từng bước hình thành tư duy đổi mới sáng tạo trong toàn Tập đoàn. Năm 2025, nhiều sáng kiến, cải tiến có giá trị đã được ứng dụng hiệu quả vào hoạt động SXKD tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt và mạng lại lợi ích về kinh tế cho Tập đoàn.

### 05 Chuyển đổi số, Lean

PC1 hướng đến doanh nghiệp số hóa, vận hành xanh và thông minh, xây dựng nền tảng Dữ liệu và AI quy mô lớn. Tập đoàn đã ưu tiên, quan tâm và thúc đẩy cho hoạt động CĐS, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nâng cấp quản trị tinh gọn Lean AI trong quản lý, vận hành nhằm rà soát, chuẩn hóa quy trình, giảm lãng phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng phối hợp và hiệu quả thực thi công việc.

Trong năm 2025 Tập đoàn đã nhận được các giải thưởng vinh danh ghi nhận trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội, trách nhiệm cộng đồng như:

**TOP 50**

Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam

**TOP 10**

Tập đoàn đa ngành tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2025

**TOP 500**

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Lần thứ 11 liên tiếp)

Năm thứ 2 liên tiếp nhận giải thưởng Nhà phát triển BĐS Công nghiệp có chiến lược chuyển đổi xanh

**TOP 500**

Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Lần thứ 9 liên tiếp)

**TOP 10**

Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam - Ngành xây dựng

**TOP 100**

Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

## CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC QUỐC TẾ

Chiến lược xuyên suốt của PC1 là chủ động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản trị và SXKD, năm 2025 đạt được nhiều kết quả:

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong quản trị, vận hành và hoạt động chuyên môn; sử dụng nhiều phần mềm tiên tiến, kết hợp với AI trong đầu tư, thi công, sản xuất và tổng hợp thông tin, phân tích, xử lý và chuẩn hóa tài liệu, hồ sơ nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro.
- Về nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và ứng dụng công nghệ: Tiếp tục nâng cấp trung tâm vận hành IOC do PC1 cấu hình và lắp đặt. Thiết kế chế tạo và vận hành thành công, hiệu quả hệ thống máy móc thiết bị thi công cáp ngầm cao áp dưới biển: Robot thi công cáp ngầm cao áp dưới biển, hệ thống xà lan trọng tải lớn đồng bộ với các thiết bị chuyên dùng bao gồm hệ động cơ kéo dải cáp công suất lớn, máy phát điện, hệ thống lọc nước biển, hệ thống Pin mặt trời kết hợp với BESS.v.v..
- Kiên định với mục tiêu phát triển hợp tác quốc tế với các Tập đoàn, tổ chức uy tín về đầu tư năng lượng, vật liệu và giải pháp xây dựng công trình, tổng thầu EPC nhà máy điện, xuất khẩu hàng hóa tại nước ngoài, tài chính và nguồn vốn; nghiên cứu ứng dụng về công nghệ thiết bị công nghệ chuyên dùng, CĐS và hệ thống thông minh. Trong năm 2025 các hoạt động hợp tác đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

## CÔNG TÁC ĐẢM BẢO KINH DOANH

Không chỉ đảm nhận vai trò tham mưu, tối ưu hóa hiệu quả vận hành, mà còn là bệ phóng cho những chiến lược tăng trưởng dài hạn.

### Nhân sự

- Phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu của các dự án trọng điểm và hội nhập quốc tế.
- Xây dựng chương trình đào tạo bài bản, nâng cao kỹ năng quản trị, kỹ năng công nghệ, và tư duy chiến lược.
- Chiến lược Nhân sự 2026 -2030 đã được định hình rõ nét với mục tiêu tổ chức tinh gọn, nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy phát triển Văn hóa cấp tiến, kiến tạo môi trường hạnh phúc, tương lại thịnh vượng.

### Tài chính

- Tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án trọng điểm.
- Đa dạng hóa nguồn vốn từ các đối tác chiến lược tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước.
- Quản lý tài chính hiệu quả, tối ưu hóa chi phí và gia tăng giá trị cho cổ đông
- Hệ thống tài chính của PC1 luôn sẵn sàng, đáp ứng cho chiến lược đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2026 -2030 trong bối cảnh nhu cầu vốn và tốc độ tăng trưởng đầu tư quy mô lớn. Nâng cao năng lực huy động vốn và siết chặt quản trị rủi ro toàn diện, tạo nền móng tài chính vững chắc cho những bứt phá vươn tầm quốc tế.

### Chuyển đổi số

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) triển khai các giải pháp công nghệ số trong quản lý, vận hành hướng đến hệ sinh thái số toàn diện.
- Đảm bảo an ninh mạng và quản lý dữ liệu thông minh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong kỷ nguyên số.
- Xác định Chuyển đổi số là một trong những chiến lược trọng tâm , PC1 triển khai kiến trúc số đồng bộ và hiện đại. Tích hợp trí tuệ nhân tạo cùng quản trị tinh gọn (LEAN AI) vào mọi hoạt động từ Quản trị vận hành đến sản xuất kinh doanh.
- Chiến lược 2026 -2030 thành lập Trung tâm xuất sắc về chuyển đổi số (COE), kiến tạo mô hình quản trị thông minh, bảo đảm giá trị kinh doanh được triển khai nhất quán trên toàn hệ thống, sẵn sàng bứt phá, khẳng định vị thế doanh nghiệp tiên phong ứng dụng AI hiệu quả trong kỷ nguyên công nghệ.

### Truyền thông

- Năm 2025, hoạt động Truyền thông và Phát triển Văn hóa PC1 đã khẳng định vai trò là sức mạnh nội sinh, thúc đẩy sự gắn kết, chuyển hóa niềm tự hào của mỗi PConer thành nguồn năng lượng bứt phá.
- Giai đoạn 2026 -2030, PC1 không chỉ tăng tốc bằng những dự án kỷ lục hay kết quả kinh doanh đột phá, mà còn khẳng định uy tín, tầm vóc thông qua Chiến lược Thương hiệu bài bản và chuyên nghiệp; Chuẩn hóa Nhân diện thương hiệu, thông điệp, trải nghiệm thương hiệu trên các điểm chạm trọng yếu; khẳng định sự tin cậy và phát triển bền vững, cùng nhau kiến tạo nên một PC1 Thương hiệu & Thịnh vượng

# ĐÁNH GIÁ CỦA
# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI KINH DOANH

### Khối năng lượng

Năm 2025, Khối Năng lượng của PC1 tiếp tục vận hành ổn định và đạt kết quả kinh doanh vượt kế hoạch. Toàn bộ 10 nhà máy năng lượng tái tạo của Tập đoàn duy trì hiệu suất cao, lũy kế đến nay đã cung cấp hơn 6 tỷ kWh điện sạch cho hệ thống điện quốc gia, góp phần cắt giảm gần 5 triệu tấn CO2 — con số minh chứng rõ nét cho cam kết phát triển bền vững của PC1. Việc ứng dụng Lean AI vào quản lý và vận hành nhà máy tiếp tục phát huy hiệu quả, nâng cao năng suất và giảm thiểu chi phí vận hành trên toàn danh mục.

Về đầu tư phát triển, Tập đoàn đang tập trung triển khai thần tốc Cụm dự án thủy điện Bảo Lạc A và Thượng Hà, đảm bảo tiến độ đóng điện trong năm 2026 — bổ sung thêm 43 MW công suất vào danh mục năng lượng hiện hữu. Song song đó, PC1 tích cực nghiên cứu và phát triển các dự án năng lượng mới tại Việt Nam và tìm kiếm cơ hội đầu tư năng lượng sạch ở nước ngoài, bắt nhịp xu thế chuyển dịch năng lượng xanh đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.

Hướng tới năm 2030, PC1 định vị là nhà phát triển năng lượng tái tạo chuyên nghiệp, hiệu quả và uy tín tại Việt Nam với mục tiêu tổng công suất khoảng 1.000 MW. Danh mục đầu tư sẽ được mở rộng sang điện gió ngoài khơi, điện gió trên bờ, điện mặt trời và hệ thống lưu trữ năng lượng BESS. Tập đoàn tiếp tục duy trì hợp đồng mua bán điện với EVN, đồng thời chủ động đón đầu cơ chế DPPA và tận dụng lợi thế hệ sinh thái PC1 — từ tổng thầu EPC, sản xuất cột điện đến vận hành nhà máy — để tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt trong hành trình xây dựng danh mục năng lượng Xanh – Thông minh thế hệ mới.

### Khối tổng thầu EPC

Năm 2025, Khối Tổng thầu EPC của PC1 ghi dấu ấn bằng những thành tích vượt trội, đánh dấu một năm bứt phá ngoạn mục nhờ sức mạnh công nghệ kết hợp với đội ngũ nhân sự ưu tú.

Nổi bật nhất là dự án cấp điện lưới Quốc gia ra Côn Đảo — tuyến cáp ngầm xuyên biển dài nhất Đông Nam Á — được hoàn thành vượt tiến độ, khẳng định năng lực tự chủ công nghệ thi công vượt biển của PC1. Đặc biệt, các thiết bị thi công chủ lực phục vụ dự án đều do chính đội ngũ kỹ sư PC1 nghiên cứu, thiết kế và chế tạo, gồm hệ thống robot và tàu rải cáp quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam được đăng kiểm theo chuẩn quốc tế, và hệ thống rải và định vị rọ đá dưới đáy biển đã được đăng ký sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ. Thành công này không chỉ nâng tầm năng lực quản trị các dự án đặc biệt khó mà còn minh chứng khả năng làm chủ kỹ thuật độ chính xác cao, tạo niềm tin tuyệt đối với khách hàng và đối tác trong và ngoài nước về năng lực triển khai các giải pháp thi công phức tạp, quy mô lớn.

Trên nền tảng đó, PC1 đang từng bước hiện thực hóa chiến lược vươn tầm quốc tế với tầm nhìn đến năm 2035 trở thành Top 5 nhà tổng thầu EPC khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Tập đoàn tập trung mở rộng quy mô sang các dự án nhà máy điện và truyền tải, với trọng tâm là điện gió ngoài khơi và cáp biển — phân khúc đang có nhu cầu đầu tư rất lớn trong khu vực. Song song đó, PC1 đẩy mạnh cung cấp thiết bị công nghệ cao và giải pháp trọn gói EPC và O&M cho các dự án năng lượng tái tạo, đồng thời chủ động xây dựng các liên minh hợp tác chiến lược với đối tác EPC, OEM và O&M toàn cầu, kết nối với nguồn vốn xanh bền vững để tài trợ cho các dự án quy mô lớn trong giai đoạn tới.

# ĐÁNH GIÁ CỦA
# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI KINH DOANH

### Khối điện và công nghiệp

Kế thừa sứ mệnh truyền thống trong lĩnh vực xây lắp điện qua nhiều thập kỷ, năm 2025 PC1 E&C tiếp tục giữ vai trò nòng cốt, dẫn dắt các đơn vị xây lắp trong hệ sinh thái PC1 chinh phục những dự án quy mô lớn và phát triển năng lực thi công chuyên sâu. Năm 2025 ghi dấu hành trình rực rỡ khi Khối hoàn thành xuất sắc nhiều công trình trọng điểm quốc gia, được Chính phủ và các bộ ngành biểu dương, đánh giá cao — tiêu biểu là các dự án đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên, 500kV Hải Phòng – Thái Bình và 220kV Tân Sơn Nhất – Thuận An. Bên cạnh lĩnh vực truyền tải điện, PC1 E&C tiếp tục mở rộng vị thế vượt trội trong tổng thầu hạ tầng khu công nghiệp, triển khai thành công các gói thầu hạ tầng kỹ thuật lớn tại KCN Yên Phong IIA, Cụm Công nghiệp Yên Lệnh, Trung tâm Logistics Chân Mây — đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về tiến độ và chất lượng. Việc triển khai hiệu quả các sáng kiến đổi mới trong năm cũng góp phần quan trọng giúp Khối hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

Bước vào giai đoạn 2026–2030, PC1 E&C đặt mục tiêu khẳng định thương hiệu số 1 Việt Nam trong lĩnh vực tổng thầu hạ tầng lưới điện cao thế và khu công nghiệp, tiên phong ứng dụng công nghệ thông minh và thân thiện môi trường. Khối tập trung tối ưu hóa giải pháp kỹ thuật tại các dự án truyền tải điện và trạm biến áp từ 220kV đến 500kV; đẩy mạnh phát triển kinh doanh chiến lược các dự án cáp ngầm, cáp công nghiệp và đô thị từ 110kV trở lên. Đặc biệt, PC1 E&C tiên phong nghiên cứu và phát triển hệ thống điện đường sắt tốc độ cao, đồng thời nghiên cứu khả thi công nghệ truyền tải điện một chiều HVDC — định hướng đón đầu xu thế hạ tầng điện thế hệ mới của Việt Nam trong thập kỷ tới.

### Khối bất động sản

***Bất động sản Khu công nghiệp***

Nâng cao chất lượng vận hành các KCN xanh – thông minh – bền vững, nâng cấp hạ tầng/ hệ thống IOC; ứng dụng công nghệ mới trong quản lý, vận hành: hệ thống BIM, GIS, IOT, tăng cường giám sát môi trường và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.

- Xuyên suốt mục tiêu dài hạn về phát triển KCN mới, đầu tư các dự án theo mô hình sinh thái, ít phát thải, ứng dụng công nghệ cao tại các địa bàn có lợi thế vượt trội về thu hút FDI thế hệ mới, hạ tầng công nghiệp, logistics và chuỗi cung ứng tại các vùng kinh tế trọng điểm như Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội...
- Tầm nhìn trở thành nhà phát triển Khu công nghiệp chất lượng cao, xanh và thông minh. Mục tiêu đến năm 2035 PC1Industrial Park đầu tư thành công 2.000 ha KCN sinh thái chất lượng cao.
  - Tập trung nhóm khách hàng sản xuất công nghệ cao, công nghiệp nặng, mở rộng sang các nhà đầu tư quan tâm ESG.
  - Phát triển danh mục cốt lõi: hạ tầng khu công nghiệp hiện đại và linh hoạt cho nhiều nhóm doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn vận hành tin cậy, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững
  - Kết hợp bất động sản công nghiệp và nhà ở nhằm tạo hệ sinh thái hoàn chỉnh và gia tăng giá trị bền vững cho Tập đoàn và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng.

# ĐÁNH GIÁ CỦA
# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI KINH DOANH

### Khối bất động sản (tiếp)

***Bất động sản Nhà ở***

PC1 khẳng định vị thế nhà phát triển bất động sản tiên phong với hệ sinh thái Xanh – Thông minh – Bền vững. Mỗi công trình là sự kết tinh giữa quy hoạch đồng bộ và tư duy sản phẩm khác biệt, được giới chuyên môn cùng chính quyền đánh giá cao. Tiêu biểu là dự án Phú Thị Riverside, một điểm sáng đô thị mới phía Đông Hà Nội, nơi chuẩn mực sống được nâng tầm bằng dịch vụ, chất lượng.

- Năm 2025, PC1 tạo bước đệm vững chắc khi khởi thông thành công hành lang pháp lý cho các dự án trọng điểm, đây là tiền đề cho năm 2026 bùng nổ với các công trình mới hội tụ các yếu tố: vị trí đắc địa, tiện ích tinh gọn, pháp lý minh bạch và không gian sống an toàn, hiện thực hóa cam kết đồng hành, hỗ trợ an cư cho đội ngũ CBNV Tập đoàn.
- Điểm khác biệt trong chiến lược của PC1 nằm ở sự linh hoạt với hai mũi nhọn: mô hình đô thị phức hợp, ứng dụng công nghệ xây dựng tiên tiến và quản trị vận hành AI tối ưu chi phí; mô hình nhà ở hỗn hợp dành cho Chuyên gia và công nhân tại các Khu công nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội trong việc thu hút dòng vốn FDI và các doanh nghiệp Quốc tế.
- Hướng tới giai đoạn 2030, PC1 kiên định mục tiêu kiến tạo những cộng đồng văn minh, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào thay đổi diện mạo quốc gia.
- Kết hợp bất động sản công nghiệp và nhà ở nhằm tạo hệ sinh thái hoàn chỉnh và gia tăng giá trị bền vững cho Tập đoàn và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng.

### Khối sản xuất công nghiệp

Với vị thế dẫn đầu Việt Nam về thiết kế, chế tạo kết cấu thép mạ kẽm cho ngành Điện, Viễn thông. PC1 là đơn vị chủ lực cung cấp cột thép siêu cao áp cho các công trình trọng điểm quốc gia như: ĐZ 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên, Hải Phòng – Thái Bình; ĐZ 220kV Hồng Ngự – Châu Đốc, ĐZ 110kV Cấp điện cho Côn Đảo ... thành công xuất khẩu các sản phẩm cột đơn thân, cột anten sang Úc; cột thép hình cho các Dự án điện gió tại Lào, hoàn thành vượt kế hoạch năm.

Năm 2025, PC1 đánh dấu bước ngoặt chiến lược khi được HĐQT phê duyệt đầu tư và chính thức khởi công Nhà máy sản xuất kết cấu thép quốc tế tại Thái Nguyên với quy mô lớn. Đây là biểu tượng cho tầm nhìn khát vọng với thiết kế công nghệ hiện đại, dây chuyền sản xuất tích hợp Robot và AI, sẵn sàng tạo ra những sản phẩm chất lượng vượt trội, thẩm mỹ cao và thân thiện môi trường.

Khẳng định vị thế số 1 Việt Nam và Top 3 Đông Nam Á trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất cột thép truyền tải cao áp - siêu cao áp và mở rộng đầu tư sản xuất các loại kết cấu thép khác. PC1 duy trì thị phần dẫn đầu tại thị trường EPC và truyền tải điện Việt Nam; phát triển quan hệ đối tác khách hàng tại Úc, Nhật Bản và ASEAN; đẩy mạnh các sản phẩm cốt lõi và phát triển các sản phẩm kết cấu thép mạ kẽm mới; quản trị thông minh ứng dụng mô hình tồn kho dự báo và cơ chế điều chỉnh giá linh hoạt đảm ổn định sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững.

### Khối Chế biến và khai thác khoáng sản

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn và thị trường khoáng sản diễn biến phức tạp, Khối chế biến và khai thác khoáng sản đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, liên tục nhờ ứng dụng hiệu quả các sáng kiến đổi mới sáng tạo; đồng thời mang lại nhiều giá trị thiết thực cho địa phương thông qua đóng góp ngân sách và các chương trình an sinh xã hội.

- Kết quả kinh doanh của Khối tiếp tục vượt kế hoạch, khẳng định năng lực vận hành tin cậy, hiệu quả
- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng tầm chất lượng sản phẩm, Khối tập trung tối ưu công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kim loại màu và chế biến sâu, mở rộng quy mô nhà máy, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, ứng dụng công nghệ chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường. Những định hướng này góp phần củng cố vai trò của Khối trong hệ sinh thái công nghiệp của Tập đoàn và đóng góp tích cực vào kinh tế địa phương.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (CSR) VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ESG

Thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững được PC1 xác định là định hướng chiến lược phát triển dài hạn, đây không chỉ là lựa chọn mà từng bước sẽ trở thành chuẩn mực, văn hóa của PC1, trong đó:

***Xây dựng chiến lược kinh doanh được tích hợp với phát triển bền vững***

- Đặt mục tiêu tăng trưởng, tài chính cần song hành với các yếu tố phát triển bền vững.
- Gắn kết chuỗi giá trị cốt lõi của Tập đoàn: sản phẩm, vận hành, nhân sự, khách hàng..với các hoạt động CSR.

***Hoạt động quản trị hướng đến tiêu chuẩn ESG***

- Về môi trường: PC1 xuyên suốt các hoạt động kinh doanh đều gắn với trách nhiệm: giảm phát thải $CO_2$, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu xanh, xử lý chất thải theo quy chuẩn.
- Về xã hội: Chăm lo nâng cao đời sống người lao động, an toàn lao động, bình đẳng giới và phát triển cộng đồng.
- Về quản trị: Vận hành HĐQT, Ban điều hành trách nhiệm, tuân thủ, hiệu quả và minh bạch.

***Tương tác với các bên liên quan và báo cáo minh bạch***

- Đối thoại cởi mở với người lao động, khách hàng, chính quyền, cộng đồng và các cơ quan quản lý.
- Cập nhật và truyền thông thường xuyên đến cổ đông, đối tác, công chúng.
- Công bố báo cáo PTBV định kỳ, minh bạch.

***Đổi mới sáng tạo hướng tới bền vững***

- Trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình kinh doanh và trong Đổi mới sáng tạo đầu tư công nghệ - PC1 luôn ưu tiên chọn mô hình và công nghệ xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng và giải pháp bảo vệ môi trường tiên tiến.

***Xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững***

Hiện nay PC1 đang ưu tiên phát triển văn hóa cấp tiến PC1, truyền cảm hứng cho nhân viên sống có trách nhiệm xã hội và cộng đồng. Các hoạt động đào tạo nội bộ, triển khai chiến lược, phát triển kinh doanh, sản phẩm mới, thị trường mới đều tính toán, lồng ghép giá trị phát triển bền vững trong từng hoạt động.



Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tiếp tục định hướng Ban điều hành lồng ghép các mục tiêu trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững vào hoạt động quản trị, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Định hướng này được triển khai theo hướng hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, hiệu quả sử dụng vốn với trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng, địa phương nơi Tập đoàn hoạt động và yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường ngày càng quan tâm đến các tiêu chí ESG. Việc triển khai các hoạt động CSR và ESG trong năm không chỉ mang tính hỗ trợ cộng đồng mà còn từng bước thể hiện định hướng phát triển dài hạn, bền vững và có trách nhiệm của PC1. Trung tâm phát triển bền vững - PC1 là đơn vị chủ trì các hoạt động CSR và ESG trong năm 2025:

**01 Hỗ trợ bệnh viện tuyến TW và địa phương để nâng cao năng lực điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng và hiệu quả làm việc của đội ngũ y bác sỹ**

- Dự án đào tạo nâng cao năng lực quản lý bệnh viện và áp dung lean six sigma để cải tiến chất lượng tại bệnh viện Bà Rịa thuộc TP Hồ Chí Minh.
- Huấn luyện và thực hành tinh gọn dự án tại Bệnh viện Bạch Mai giai đoạn 2
- Đề án Đào tạo và hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị tinh gọn (Lean) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng.

**02 Hỗ trợ các địa phương, vùng cao, vùng đồng bào khó khăn**

- Ủng hộ chương trình xóa nhà tạm, dột nát trên địa bàn huyện Bảo Lạc
- Hỗ trợ xây nhà văn hóa xóm Xà Phìn, xã Xuân Trường huyện Bảo Lạc
- Trao quà Quỹ Bảo trợ trẻ em và duy tu di tích Đặc khu Côn Đảo
- Thông qua Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng ủng hộ số tiền 2 tỷ đồng nhằm hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả sau thiên tai cơn bão số 10 và 11.
- Tài trợ chương trình "Tết vì người nghèo" huyện Thọ Xuân -Tỉnh Thanh Hóa

**03 Hỗ trợ các địa phương, vùng cao, vùng đồng bào khó khăn**

- PC1 tiếp tục khai thác hiệu quả 10 nhà máy Năng lượng tái tạo và tiếp tục đầu tư các nhà máy năng lượng tái tạo mới góp phần giảm phát thải.
- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp xanh và sinh thái cho các Dự án PC1 làm Chủ đầu tư, thi công:
  - Năm 2025 PC1 tiếp tục nhận được Chứng nhận là Nhà đầu tư KCN xanh; tại các nhà máy SXCN của PC1 luôn tuân thủ các giải pháp tiên tiến về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.
  - Tổng thầu EPC - Dự án cấp điện từ lưới điện quốc gia cho đặc khu Côn Đảo. Dự án đã góp phần tích cực giảm phát thải, bảo vệ môi trường.

**04 Nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên**

Tập đoàn tiếp tục quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động; chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn lao động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho cán bộ công nhân viên; đồng thời duy trì các hoạt động đào tạo, văn hóa, thể thao và gắn kết nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và củng cố nền tảng phát triển bền vững của Tập đoàn: tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; các chương trình đào tạo định kỳ nghiệp vụ, kỹ năng; du lịch, ngày hội thể thao, thăm hỏi động viên các gia đình có hoàn cảnh khó khăn v.v..

Nhìn chung, các hoạt động CSR và ESG trong năm 2025 đang từng bước chuyển từ cách tiếp cận trách nhiệm xã hội theo từng hoạt động riêng lẻ sang định hướng phát triển bền vững có gắn kết hơn với năng lực cốt lõi của Tập đoàn, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị tinh gọn, hạ tầng năng lượng và hợp tác phát triển.

# ĐÁNH GIÁ CỦA
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGĐ CÔNG TY

(tiếp theo)

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao Ban Điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 một cách quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả, qua đó góp phần giúp Tập đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, với nhiều chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Bên cạnh kết quả kinh doanh tích cực, Ban Điều hành cũng đã quan tâm triển khai đồng bộ các giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phát triển văn hóa PC1, hoàn thiện các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đồng thời duy trì các phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, thể thao và chăm sóc sức khỏe, góp phần nâng cao sự gắn kết, động lực làm việc và tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

# CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG
## CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TÌNH HÌNH NĂM KẾ HOẠCH 2026

Bối cảnh thế giới hiện nay tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường và tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư, thương mại và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**BỐI CẢNH THẾ GIỚI**

- Các cuộc chiến tranh, cạnh tranh chiến lược và xung đột địa chính trị tiếp tục xảy ra tại nhiều khu vực, kéo dài và ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu cũng như hiệu quả hoạt động của các cơ chế hợp tác quốc tế.
- Chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục biến động, gián đoạn, thậm chí đứt gãy cục bộ trong một số thời điểm, làm gia tăng rủi ro về chi phí đầu vào, tiến độ sản xuất, lưu chuyển hàng hóa và hoạt động đầu tư.
- Sự phát triển và ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), đang diễn ra với tốc độ rất nhanh, tác động sâu rộng đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản trị doanh nghiệp, an ninh và quốc phòng, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực đổi mới và thích ứng của doanh nghiệp.
- Triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn; theo các dự báo cập nhật, tăng trưởng GDP toàn cầu đến tháng 4/2026 có xu hướng bị điều chỉnh giảm so với tháng 1/2026 xuống mức 2,9%, phản ánh áp lực suy giảm tăng trưởng và rủi ro kéo dài của kinh tế thế giới.

**BỐI CẢNH VIỆT NAM**

- Việt Nam đang bước vào giai đoạn có nhiều cải cách mạnh mẽ, toàn diện và mang tính đột phá về mô hình quản lý nhà nước, tổ chức bộ máy, hệ thống pháp luật và thể chế phát triển.
- Quy mô, phạm vi và tốc độ cải cách đang được triển khai rộng khắp, thể hiện quyết tâm chính trị rất cao trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới.
- Chính phủ và các bộ, ngành tiếp tục thúc đẩy quản lý xã hội và quản trị quốc gia trên nền tảng số, thông qua việc hoàn thiện hệ thống định danh điện tử, cơ sở dữ liệu, giao dịch số, thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý qua tài khoản, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi số quốc gia.
- Các thay đổi lớn về thể chế, pháp luật và phương thức quản lý vừa mở ra nhiều cơ hội phát triển mới, vừa đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực quản trị, khả năng thích ứng, tuân thủ pháp luật và tận dụng hiệu quả các cơ hội từ quá trình chuyển đổi của nền kinh tế.

# CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG
# CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## NHẬN ĐỊNH CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

### Cơ hội đối với PC1 trong năm 2026

- Môi trường chính sách 2026 thuận hơn cho doanh nghiệp có năng lực thực thi. Chính phủ đang đẩy rất mạnh mục tiêu tăng trưởng 2026, gắn với giải ngân đầu tư công, huy động PPP cho hạ tầng, thúc cải cách thủ tục, và tạo dư địa cho khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn vào các dự án lớn.
- Phát triển hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng điện, đang và sẽ tiếp tục là một trong những lĩnh vực được ưu tiên trong năm 2026 và các năm tiếp theo. Xu hướng phát triển và nhu cầu sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch tiếp tục gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh các khu công nghiệp ngày càng chú trọng yêu cầu về nguồn điện ổn định, xanh và bền vững.
- Nhà ở và bất động sản gắn nhu cầu thật có cơ hội hồi phục tốt hơn, thủ tục cho dự án nhà ở xã hội được yêu cầu cắt giảm mạnh. Điều này mở ra cơ hội cho các chủ đầu tư có năng lực pháp lý, vốn và triển khai bài bản.
- Chiến lược tăng trưởng xanh, chiến lược công nghiệp, định hướng thu hút FDI chất lượng cao và xu hướng đô thị bền vững đều đang đẩy nhu cầu về KCN có hạ tầng xanh, năng lượng sạch, số hóa quản lý và tích hợp logistics.
- Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, dịch chuyển đầu tư đến Châu Á, trong đó có Việt Nam.
- Chuyển đổi số, AI, công nghệ cao, chuyển đổi xanh tiếp tục là các dư địa tăng trưởng quan trọng.

### Thách thức lớn PC1 phải đối mặt

- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và GDP của Việt Nam dự báo giảm, ảnh hưởng xấu dẫn đến một số hoạt động chính của PC1 chịu tác động trực tiếp: Đầu tư năng lượng, Hạ tầng khu công nghiệp.
- Chính sách tín dụng ngân hàng thắt chặt, lãi suất tăng, tiếp cận vốn và dòng tiền đầu tư khó khăn.
- Tỷ giá tăng, chi phí nguyên vật liệu, logictics, chi phí đầu vào tăng.
- Thủ tục pháp lý vẫn chậm, đặc biệt với năng lượng và Bất động sản.
- Cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực tổng thầu và đầu tư năng lượng.
- Áp lực chuyển đổi ESG và minh bạch trong hoạt động.
- Yêu cầu chuẩn mực quản trị với công ty niêm yết ngày càng cao.
- Cạnh tranh nhân lực chất lượng cao
- Rủi ro an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai bất thường có xu hướng tăng cấp độ và tần suất.

## MỤC TIÊU CHÍNH NĂM KẾ HOẠCH 2026

Trong bối cảnh dự báo tiếp tục đan xen giữa cơ hội và thách thức, đặc biệt là những biến động của kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, chi phí vốn, yêu cầu hoàn thiện thủ tục đầu tư và áp lực nâng cao hiệu quả quản trị, PC1 xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo nguyên tắc thận trọng, khả thi và bám sát định hướng phát triển dài hạn, thích ứng thông minh, chủ động nắm bắt cơ hội và bứt phá. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026 được xác định như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch | Tỷ lệ với TH 2025 (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 15.618 | 117% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1.056 | 78% |
| 3 | Cổ tức | % | 15% | 100% |

## ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ HĐQT NĂM 2026

HĐQT trách nhiệm Quản trị hiệu quả, dẫn dắt Tập đoàn phát triển bền vững, minh bạch và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.
HĐQT hoạch định chiến lược, định hướng tầm nhìn, kiểm soát rủi ro, tạo dựng niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng, hỗ trợ và thúc đẩy Ban điều hành chủ động, sáng tạo, minh bạch và hiệu quả.

### PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

**Ưu tiên đúng - Đầu tư chắc - Giám sát - Quản trị chuẩn - Ứng biến nhanh.**

- Ưu tiên đúng mảng và dự án
- Đầu tư chắc về pháp lý, vốn, IRR và dòng tiền
- Giám sát sát tiến độ và hiệu quả
- Quản trị chuẩn theo chuẩn công ty niêm yết
- Ứng biến nhanh trước thay đổi chính sách, thị trường, vốn và nhân sự

# CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG
## CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026**

**01** Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển PC1 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**02** Kỷ luật đầu tư và phân bổ vốn. Xây dựng được bản đồ ưu tiên trong hoạt động đầu tư và kinh doanh năm 2026 và thực hiện phân bổ vốn hợp lý, hiệu quả.

**03** Giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính và các chỉ tiêu hiệu quả của Tập đoàn. Trong đó tập trung giám sát chất lượng lợi nhuận và dòng tiền.

**04** Giám sát các dự án trọng điểm theo cơ chế "dashboard HĐQT" với các báo cáo định kỳ, chú trọng đến các chỉ số ra quyết định: pháp lý, tiến độ, giải ngân, IRR cập nhật, vốn còn thiếu, vướng mắc cần HĐQT, hệ thống hỗ trợ.

**05** Tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, quản trị pháp lý và tuân thủ; kịp thời cảnh báo, xử lý các rủi ro trọng yếu phát sinh: rủi ro pháp lý dự án; rủi ro vốn/dòng tiền; rủi ro tiến độ; rủi ro thị trường; rủi ro nhân sự chủ chốt.

**06** Nâng cao công tác quản trị công ty niêm yết, đảm bảo quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp, hiệu quả.

**07** Nâng cao chất lượng công bố thông tin, quan hệ cổ đông và quan hệ nhà đầu tư.

**08** Phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp theo chiến lược mới; xây dựng cơ chế phù hợp nhằm phát huy đổi mới sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả dài hạn.

**09** Dẫn dắt chuyển đổi số và dữ liệu quản trị, hoàn thành xây lộ trình số hóa quản trị giai đoạn 2026 -2030 cho các trục: đầu tư dự án, tài chính, nhân sự, dashboard điều hành và dữ liệu rủi ro.

# 6

## QUẢN TRỊ CÔNG TY


[126] Hội đồng quản trị

[132] Ban Kiểm soát

[133] Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành | 26/4/2015 | 21,382% |
| 2 | Ông Phan Ngọc Hiếu | Phó chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành | 26/04/2024 | 2,237% |
| 3 | Ông Vũ Ánh Dương | Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm TGĐ | 03/06/2020 | 0,289% |
| 4 | Ông Võ Hồng Quang | Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó TGĐ | 26/4/2015 | 1,884% |
| 5 | Ông Nguyễn Minh Đệ | Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó TGĐ | 26/4/2015 | 0,923% |

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 8 phiên họp và 19 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT cũng như lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự/ lấy ý kiến | Tỷ lệ tham dự họp/ lấy ý kiến | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Trịnh Văn Tuấn | 27/27 | 100% | |
| 2 | Ông Phan Ngọc Hiếu | 27/27 | 100% | |
| 3 | Ông Vũ Ánh Dương | 27/27 | 100% | |
| 4 | Ông Võ Hồng Quang | 27/27 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Minh Đệ | 27/27 | 100% | |

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên duy trì giám sát Ban TGĐ thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát, cũng như tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính, trong việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động chủ yếu sau:

- Tổ chức Đại hội đồng thường niên 2025 vào ngày 25/04/2025
- Thành lập Công ty con, góp vốn, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần tại các công ty theo định hướng chiến lược đầu tư và kinh doanh của Tập đoàn
- Cử người đại diện vốn và thay đổi Người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên
- Chủ trương đầu tư các dự án, đầu tư tài sản theo chiến lược đầu tư và kinh doanh của Tập đoàn
- Thông qua các nội dung liên quan đến phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên trong Công ty (năm 2025)

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/NQ-PC1-HĐQT | 03/01/2025 | Đầu tư hệ thống thiết bị công nghệ thi công cáp ngầm biển giai đoạn 3 | 100% |
| 2 | 02/NQ-PC1-HĐQT | 09/01/2025 | Thực hiện giao dịch, hợp đồng với doanh nghiệp liên quan | 100% |
| 3 | 03/ NQ-PC1-HĐQT | 20/02/2025 | Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 | 100% |
| 4 | 04/NQ-PC1-HĐQT | 07/03/2025 | Thành lập Công ty cổ phần khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng và các nội dung liên quan | 100% |
| 5 | 05/NQ-PC1-HĐQT | 07/03/2025 | Góp vốn thành lập Công ty cổ phần khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng | 100% |
| 6 | 06/QĐ-PC1-HĐQT | 07/03/2025 | Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng | 100% |
| 7 | 07/QĐ-PC1-HĐQT | 07/03/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng | 100% |
| 8 | 08/QĐ-PC1-HĐQT | 12/03/2025 | Góp vốn điều lệ tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm | 100% |
| 9 | 09/QĐ-PC1-HĐQT | 03/04/2025 | Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 | 100% |
| 10 | 10/QĐ-PC1-HĐQT | 03/04/2025 | Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Tân Thanh và các nội dung liên quan | 100% |
| 11 | 11/QĐ-PC1-HĐQT | 03/04/2025 | Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Tân Thanh | 100% |
| 12 | 12/QĐ-PC1-HĐQT | 03/04/2025 | Cử người đại diện vốn và các chức danh quản lý tại Công ty Cổ phần Tân Thanh | 100% |
| 13 | 13/NQ-PC1-HĐQT | 25/04/2025 | Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị Công ty năm 2024 | 100% |
| 14 | 14/NQ-PC1-HĐQT | 25/04/2025 | Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 | 100% |
| 15 | 15/NQ-PC1-HĐQT | 25/04/2025 | Bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty | 100% |
| 16 | 16/NQ-PC1-HĐQT | 07/07/2025 | Góp vốn điều lệ tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm (đợt 2 năm 2025) | 100% |
| 17 | 17/NQ-PC1-HĐQT | 18/07/2025 | Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030 | 100% |
| 18 | 18/QĐ-PC1-HĐQT | 18/07/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần khoáng sản Tấn Phát | 100% |
| 19 | 19/QĐ-PC1-HĐQT | 18/07/2025 | Tạm ứng thù lao Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 | 100% |
| 20 | 20/QĐ-PC1-HĐQT | 01/08/2025 | Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty | 100% |
| 21 | 21/NQ-PC1-HĐQT | 25/07/2025 | Chủ trương đầu tư xây dựng dự án điện mặt trời trên hồ thủy điện Trung Thu | 100% |
| 22 | 22/NQ-PC1-HĐQT | 30/09/2025 | Chủ trương hợp tác đầu tư điện gió ngoài khơi | 100% |
| 23 | 23/NQ-PC1-HĐQT | 14/10/2025 | Chủ trương bán thanh lý cẩu 800 tấn tại Công ty cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | 100% |
| 24 | 24/NQ-PC1-HĐQT | 13/10/2025 | Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 100% |
| 25 | 25/NQ-PC1-HĐQT | 27/10/2025 | Thông qua tạm dừng triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Cán bộ nhân viên trong Công ty (Chương trình ESOP-2025) | 100% |
| 26 | 26/QD-PC1-HĐQT | 31/10/2025 | Ban hành Quy chế tài chính sửa đổi lần 2 | 100% |
| 27 | 27/NQ-PC1-HĐQT | 21/11/2025 | Tái cơ cấu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê | 100% |
| 28 | 28/NQ-PC1-HĐQT | 21/11/2025 | Góp vốn điều lệ tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm | 100% |
| 29 | 29/NQ-PC1-HĐQT | 21/11/2025 | Thành lập Công ty cổ phần PC1 Năng lượng xanh và các nội dung liên quan | 100% |
| 30 | 30/NQ-PC1-HĐQT | 21/11/2025 | Thành lập Công ty cổ phần PC1 Năng lượng xanh | 100% |
| 31 | 31/NQ-PC1-HĐQT | 15/12/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu | 100% |
| 32 | 32/NQ-PC1-HĐQT | 15/12/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần đầu tư năng lượng Miền Bắc | 100% |
| 33 | 33/NQ-PC1-HĐQT | 15/12/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Thủy điện Sông Gâm | 100% |
| 34 | 34/NQ-PC1-HĐQT | 15/12/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng | 100% |
| 35 | 35/NQ-PC1-HĐQT | 15/12/2025 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng | 100% |
| 36 | 36/NQ-PC1-HĐQT | 26/12/2025 | Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ | 100% |
| 37 | 37/NQ-PC1-HĐQT | 29/12/2025 | Thành lập Công ty cổ phần Điện mặt trời Điện Biên và các nội dung liên quan | 100% |
| 38 | 38/NQ-PC1-HĐQT | 29/12/2025 | Thành lập Công ty cổ phần Điện mặt trời Điện Biên | 100% |

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ THAM GIA ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị Công ty do Sở giao dịch CK TP. Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức. Tham gia Hội nghị phổ biến nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành tại Khu vực miền Bắc (Tháng 10/2025)

Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức chương trình đào tạo:

- Chuyển hóa Doanh nghiệp trong kỷ nguyên AI dành cho Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý Tập đoàn và các đơn vị thành viên
- Gen AI -tư duy và ứng dụng vào các mảng chức năng, Lean AI dành cho các Ban/ Phòng chức năng của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Hiện nay, các thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành vẫn liên tục cập nhật và tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty. Trong thời gian tới, các thành viên này sẽ sắp xếp thời gian để tham gia khóa học đào tạo về quản trị công ty.

# BAN
# KIỂM SOÁT

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Ban kiểm soát | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng Ban kiểm soát | 26/04/2015 | 0,045% |
| 2 | Ông Hoàng Văn Sáng | Thành viên | 03/6/2020 | 0,003% |
| 3 | Ông Hoàng Văn Cường | Thành viên | 03/6/2020 | 0% |

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hải Hà | 02/02 | 100% | 100% |
| 2 | Ông Hoàng Văn Sáng | 02/02 | 100% | 100% |
| 3 | Ông Hoàng Văn Cường | 02/02 | 100% | 100% |

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

- Tham gia các kỳ họp của Hội đồng quản trị Công ty .
- Tham gia họp kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý do Tổng giám đốc chủ trì.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và kinh doanh của Công ty trong tất cả các lĩnh vực: xây lắp, sản xuất công nghiệp, sản xuất vật liệu mới, đầu tư bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp, năng lượng...
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu. Thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước
- Giám sát việc chấp hành điều lệ Công ty; Chấp hành Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, quản lý.
- Giám sát việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc cung cấp thông tin và thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định (trong phạm vi chức năng của BKS)



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

| Chức vụ | | Giá trị năm 2025 (VND) |
|---|---|---|
| **Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị** | | |
| Ông Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 6.600.000.000 |
| Ông Phan Ngọc Hiếu | Thành viên HĐQT | 1.440.000.000 |
| Ông Vũ Ánh Dương | Thành viên HĐQT | 1.440.000.000 |
| Ông Võ Hồng Quang | Thành viên HĐQT | 780.000.000 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | Thành viên HĐQT | 780.000.000 |
| **Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc** | | |
| Ông Vũ Ánh Dương | Tổng Giám đốc | 3.097.821.128 |
| Ông Đặng Quốc Tường | Phó Tổng Giám đốc | 3.427.719.654 |
| Ông Võ Hồng Quang | Phó Tổng Giám đốc | 1.924.897.428 |
| Ông Nguyễn Nhật Tân | Phó Tổng Giám đốc | 1.220.243.347 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | Phó Tổng Giám đốc | 440.600.000 |
| Ông Trịnh Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc | 1.734.341.198 |
| Ông Trịnh Quang Thành | Phó Tổng Giám đốc | 1.370.126.406 |
| Ông Nguyễn Thế Vũ | Phó Tổng Giám đốc | 1.193.686.484 |
| **Thù lao của Ban Kiểm soát** | | |
| Bà Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng Ban Kiểm soát | 72.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Cường | Thành viên Ban Kiểm soát | 24.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Sáng | Thành viên Ban Kiểm soát | 24.000.000 |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2025) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch HĐQT, bố ông Trịnh Ngọc Anh - Phó TGĐ | 76.471.860 | 21,38% | 87.942.639 | 21,38% | Nhận 11.470.779 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 2 | Lê Thị Thoi | Vợ Chủ tịch HĐQT, mẹ ông Trịnh Ngọc Anh - Phó TGĐ | 6.728.425 | 1,88% | 7.737.688 | 1,88% | Nhận 1.009.263 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 3 | Trịnh Ngọc Anh | Phó TGĐ - Con trai Chủ tịch HĐQT | 18.250 | 0,005% | 20.987 | 0,005% | Nhận 2.737 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 4 | Trịnh Khánh Linh | Con gái ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT; Em gái ông Trịnh Ngọc Anh - Phó TGĐ | - | 0,00% | 4.000.000 | 0,97% | Mua 4.000.000 cổ phiếu |
| 5 | Nguyễn Thị Hồng Liên | Em dâu chủ tịch HĐQT | 23 | 0,00% | 26 | 0,000% | Nhận 3 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 6 | Phan Ngọc Hiếu | Phó CT HĐQT | - | 0,00% | 9.200.000 | 2,24% | Mua 8.000.000 cổ phiếu; Nhận 1.200.000 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 7 | Phan Trọng Duy | Con trai Phó CT HĐQT | 400 | 0,00% | 460 | 0,00% | Mua 400 cổ phiếu; Nhận 60 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 8 | Vũ Ánh Dương | Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ | 1.032.366 | 0,29% | 1.187.220 | 0,289% | Nhận 154.854 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 9 | Lê Thị Thanh | Mẹ vợ TGĐ | 65.702 | 0,02% | 75.557 | 0,02% | Nhận 9.855 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 10 | Võ Hồng Quang | Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | 6.737.055 | 1,88% | 7.747.613 | 1,88% | Nhận 1.010.558 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 11 | Nguyễn Thị Dung | Vợ ông Võ Hồng Quang - Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | 302.826 | 0,08% | 348.249 | 0,08% | Nhận 45.423 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 12 | Võ Thị Anh | Em gái ông Võ Hồng Quang - Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | 18.553 | 0,01% | 21.335 | 0,01% | Nhận 2.782 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 13 | Nguyễn Minh Đệ | Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ | 3.300.468 | 0,92% | 3.795.538 | 0,92% | Nhận 495.070 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 14 | Nguyễn Nhật Tân | Phó TGĐ | 1.614.875 | 0,45% | 1.857.106 | 0,45% | Nhận 242.231 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 15 | Đặng Quốc Tưởng | Phó TGĐ | 711.921 | 0,20% | 818.709 | 0,20% | Nhận 106.788 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 16 | Nguyễn Thị Hợi | Vợ ông Đặng Quốc Tưởng - Phó TGĐ | 30.117 | 0,01% | 34.634 | 0,01% | Nhận 4.517 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2025) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 17 | Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng BKS | 161.888 | 0,05% | 186.171 | 0,05% | Nhận 24.283 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 18 | Nguyễn Văn Trung | Chồng bà Nguyễn Thị Hải Hà - Trưởng BKS | 67.823 | 0,02% | 77.996 | 0,02% | Nhận 10.173 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 19 | Hoàng Văn Sáng | Thành viên ban kiểm soát kiêm Người được UQ CBTT | 10.781 | 0,00% | 12.398 | 0,00% | Nhận 1.617 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 20 | Trần Thị Minh Việt | Kế toán trưởng | 450.082 | 0,13% | 517.594 | 0,126% | Nhận 67.512 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 21 | Nguyễn Hồng Thái | Anh rể bà Trần Thị Minh Việt - Kế toán trưởng | 198.283 | 0,06% | 228.025 | 0,06% | Nhận 29.742 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 22 | Vũ Thị Lan Mỹ | Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty | 6.219 | 0,00% | 7.151 | 0,00% | Nhận 932 cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

- Trong năm 2025, không có phát sinh giao dịch liên quan đến Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan. Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, thi công các công trình với công ty con, công ty liên kết.
- Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết phát sinh thường xuyên, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty về mối quan hệ Công ty mẹ- công ty con, công ty liên kết và quy định của Luật doanh nghiệp. Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết trong năm 2025, thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 v/v thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Tập đoàn PC1 với doanh nghiệp có liên quan; Nghị quyết số 08/NQ-PC1-HĐQT ngày 12/03/2025 và Nghị quyết số 28/NQ-PC1-HĐQT ngày 9/11/2025; Nghị quyết số 05/NQ-PC1-HĐQT ngày 07/03/2025; Nghị quyết số 42/NQ-PC1-HĐQT ngày 02/12/2024; Nghị quyết số 50/NQ-PC1-HĐQT ngày 31/12/2024 và Nghị quyết số 36/NQ-PC1-HĐQT ngày 26/12/2025.

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua | Nội dung giao dịch năm 2025 | Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty cổ phần PC1 Mỹ Đình | Công ty con | 0103985486 | Số 138 Trần Bình, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội | 06/2009 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 227.997.385.127 |
| | | | | | | | Doanh thu cho thuê, bán hàng hóa, phí bảo lãnh | 1.668.248.208 |
| 2 | Công ty cổ phần PC1 Miền Nam | Công ty con | 0305599821 | Cao ốc An Khang, số 28, đường 19, khu phố 5, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh City | 03/2008 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 305.871.582.207 |
| | | | | | | | Doanh thu bán hàng hóa, phí bảo lãnh | 6.432.514.827 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 2.400.000.000 |
| 3 | Công ty cổ phần PC1 Hà Nội | Công ty con | 0105514387 | Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội | 03/2008 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 208.408.346.612 |
| | | | | | | | Doanh thu bán hàng hóa, thuê đất, khác | 13.202.954.302 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 1.782.000.000 |
| 4 | Công ty cổ phần PC1 Thăng Long | Công ty con | 0104770469 | Số 471, đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội | 06/2010 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 92.392.270.424 |
| | | | | | | | Doanh thu dịch vụ xây lắp, hàng hóa, phí bảo lãnh | 13.311.183.972 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 1.485.000.000 |
| | | | | | | | Lãi cho vay | 33.435.616 |
| | | | | | | | Cho vay | 1.800.000.000 |
| 5 | Công ty cổ phần PC1 Ninh Bình | Công ty con | 2700845969 | Ngõ 2, đường Xuân Thành, phố Khánh Thành, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình | 09/2017 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 158.633.889.224 |
| | | | | | | | Doanh thu bán hàng hóa, thuê đất | 326.382.948 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 296.669.834 |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua | Nội dung giao dịch năm 2025 | Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Công ty CP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | Công ty con | 0106885962 | Số 138 Trần Bình, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội | 06/2015 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 330.444.308 |
| | | | | | | | Doanh thu cho thuê, phí bảo lãnh | 275.269.829 |
| 7 | Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | Công ty con | 010706742368 | Tầng 2, Tòa nhà PCC1 Thanh Xuân, số 44 phố Triều Khúc , Phường Thịnh Liệt, TP. Hà Nội | 07/2020 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ xây lắp | 70.406.037.136 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 1.147.500.000 |
| | | | | | | | Lãi cho vay | 187.094.349 |
| | | | | | | | Cho vay | 19.822.768.553 |
| 8 | PC1 Australia Pty Ltd | Công ty con | 669418160 | Level 20&21, 201 Sussex Street, Sydney, New South Wales 2000, Australia | 07/2023 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu dịch vụ xây lắp | 2.266.664.981 |
| 9 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông | Công ty con | 0106053499 | Phố Văn La, Phường Kiến Hưng, TP. Hà Nội | 12/2012 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Chi phí lãi vay | 228.998.005 |
| 10 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm | Công ty con | 0106052368 | Số 32 Đường Phương Canh, Tổ 2, Phường Xuân Phương, TP. Hà Nội | 12/2012 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua hàng hóa | 10.000.000 |
| 11 | Công ty cổ phần thủy điện Trung Thu | Công ty con | 5600185792 | Số nhà 157, tổ dân phố 10, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên | 11/2013 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, khác | 187.896.948 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 33.000.000.000 |
| 12 | Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc | Công ty con | 4800876234 | Thôn Nà Pồng, xã Lý Bôn, tỉnh Cao Bằng | 09/2014 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, khác | 186.370.368 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 12.749.973.535 |
| 13 | Công ty CP năng lượng Bảo Lâm | Công ty con | 4800876241 | Thôn Nà Pồng, Xã Lý Bôn, tỉnh Cao Bằng | 09/2014 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Mua dịch vụ quản lý vận hành | 63.331.252.551 |
| | | | | | | | Mua công cụ, dụng cụ | 779.256.340 |
| | | | | | | | Lãi cho vay | 191.671.233 |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua | Nội dung giao dịch năm 2025 | Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Công ty CP điện gió Liên Lập | Công ty con | 3200688847 | Km5, Thôn Của, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị | 09/2019 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, khác | 146.800.000 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 21.490.681.925 |
| 15 | Công ty CP điện gió Phong Huy | Công ty con | 0401994334 | Km5, Thôn Của, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị | 02/2020 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, khác | 146.800.000 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 58.735.704.484 |
| 16 | Công ty CP điện gió Phong Nguyên | Công ty con | 0401994327 | Km5, Thôn Của, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị | 02/2020 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, khác | 146.800.000 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 46.875.472.926 |
| 17 | Công ty CP thủy điện Sông Gâm | Công ty con | 4800920691 | Thôn Nà Ròa, xã Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng | 10/29/2020 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu dịch vụ xây lắp, cho thuê, dịch vụ tư vấn, quản lý dự án | 652.121.311.535 |
| | | | | | | Nghị quyết số 08/NQ-PC1-HĐQT ngày 12/03/2025 và Nghị quyết số 28/NQ-PC1-HĐQT ngày 9/11/2025 | Góp vốn | 91.200.000.000 |
| 18 | Công ty CP Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | Công ty con | 0105045664 | Tầng 1, Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, phường Từ Liêm, Hà Nội | 07/2015 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê | 95.301.816 |
| | | | | | | | Lãi cho vay | 1.089.367.071 |
| | | | | | | | Chi phí thuê văn phòng | 36.363.636 |
| 19 | Công ty CP Cơ khí ô tô Hòa Bình | Công ty con | 0100104034 | 44 phố Triều Khúc, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội | 10/2016 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Chi phí lãi vay | 841.228.676 |
| 20 | Công ty CP thương mại đầu tư Tiến Bộ | Công ty con | 0100509545 | Số 1, ngõ 321, phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội | 08/2018 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Lãi cho vay | 938.958.903 |
| 21 | Công ty CP thiết bị Thương mại | Công ty con | 0100106641 | Số 1 ngõ 120 phố Định Công, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội | 09/2021 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Chi phí lãi vay | 3.520.000.000 |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua | Nội dung giao dịch năm 2025 | Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương | Công ty con | 0104236835 | Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội | 11/2009 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, khác | 1.597.947.081 |
| | | | | | | | Mua hàng dịch vụ tòa nhà | 2.172.981.085 |
| 23 | Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh | Công ty con | 0100113906 | Tổ 14, xã Tư Lâm, TP. Hà Nội | 04/2009 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu bán hàng hóa | 17.477.194.050 |
| | | | | | | | Mua giá công cột thép | 161.870.739.486 |
| 24 | Công ty cổ phần cột thép mạ kẽm Thái Nguyên | Công ty con của Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh | 4601567295 | Lô CN2-1 và CN2-2 Khu công nghiệp Điềm Thụy B, Xã Điềm Thụy, Thái Nguyên | 12/2020 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu bán hàng hóa | 9.947.127.540 |
| | | | | | | | Lãi cho vay | 1.730.010.489 |
| | | | | | | | Mua giá công cột thép | 13.612.446.271 |
| 25 | Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát | Công ty con | 0105246258 | Thôn Hát Thín, Xã Nguyễn Huệ, Tỉnh Cao Bằng | 04/2015 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu cho thuê, dịch vụ vận chuyển | 28.038.461.686 |
| | | | | | | | Cổ tức được chia | 82.125.180.000 |
| 26 | Asia Dragon Trading Pte.Ltd | Công ty con | 200810187W | 10 Collyer Quay, #10-01 Ocean Financial Centre, Singapore 049315 | 11/10/2022 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Cổ tức được chia | 25.027.277.280 |
| 27 | Công ty phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | Công ty con | 0200107945 | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường Hồng An, TP. Hải Phòng | 11/10/2022 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Cổ tức được chia | 83.253.462.711 |
| | | | | | | | Doanh thu dịch vụ xây lắp | 111.220.714 |
| 20 | Công ty CP thương mại đầu tư Tiến Bộ | Công ty con | 0100509545 | Số 1, ngõ 321, phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội | 08/2018 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Lãi cho vay | 938.958.903 |
| 21 | Công ty CP thiết bị Thương mại | Công ty con | 0100106641 | Số 1 ngõ 120 phố Định Công, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội | 09/2021 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Chi phí lãi vay | 3.520.000.000 |
| 28 | Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng | Công ty con | 0202193587 | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường An Dương, TP. Hải Phòng | 3/21/2023 | Nghị quyết số 02/NQ-PC1-HĐQT ngày 09/01/2025 | Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý dự án | 11.409.000.000 |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua | Nội dung giao dịch năm 2025 | Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | Công ty cổ phần Khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng | Công ty con | 0202277660 | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường An Dương, TP. Hải Phòng | 3/17/2025 | Nghị quyết số 05/NQ-PC1-HĐQT ngày 07/03/2025 | Góp vốn | 5.000.000.000 |
| 30 | PC1 Philipines Inc. | Công ty con | 2025040196438-11 | Highway 54 Plaza, 986 EDSA, Wack-Wack, Greenhills, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines | 03/04/2025 | Nghị quyết số 42/NQ-PC1-HĐQT ngày 02/12/2024 | Góp vốn | 48.932.003.976 |
| 31 | Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Miền Bắc | Công ty con | 0105802071 | Tổ dân phố Chợ, phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội | 02/2012 | Nghị quyết số 50/NQ-PC1-HĐQT ngày 31/12/2024 | Thoái vốn | 10.236.009.597 |
| 32 | Công ty CP thương mại đầu tư Tiến Bộ | Công ty con | 0100509545 | Số 1, ngõ 321, phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội | 08/2018 | Nghị quyết số 36/NQ-PC1-HĐQT ngày 26/12/2025 | Thoái vốn | 154.145.058.545 |

# ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
# CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*PC1 đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo tiêu chuẩn Việt Nam CG Code.A*

## NHỮNG ĐIỂM ĐÃ LÀM ĐƯỢC

### 01 Tuân thủ tốt quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Đội ngũ cán bộ phụ trách Công bố thông tin của PC1 am hiểu và luôn thực hiện tốt các quy định pháp luật về công bố thông tin tại Luật chứng khoán 2019, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quyết định 340/QĐ-SGDHCM, ...
PC1 luôn công bố đầy đủ và đúng thời hạn các công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm kiểm toán, Báo cáo thường niên, CBTT về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ, ... và các công bố bất thường khác.

### 02 Hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR)

Một trong những điều kiện tiên quyết để một doanh nghiệp ngày càng được các nhà đầu tư tin tưởng đồng hành chính là tính minh bạch và kịp thời về thông tin của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì các hoạt động công bố thông tin thường xuyên - đẩy mạnh công tác quan hệ nhà đầu tư nên PC1 luôn chủ động cập nhật thông tin rộng rãi, chính xác tới các cổ đông, nhà đầu tư quan tâm thông qua các ấn phẩm Báo cáo thường niên, Bản tin nhà đầu tư, Thông cáo báo chí..., thông qua ĐHĐCĐ thường niên, các buổi tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp qua website, mạng xã hội cũng như các hình thức khác.

### 03 Phát huy vai trò, trách nhiệm của HĐQT và BKS

Hệ thống quản trị của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc. Thể hiện tinh thần dân chủ và tôn trọng các ý kiến phản biện. Thông qua các kỳ họp đã kịp thời ra những quyết định, nghị quyết kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.

## NHỮNG ĐIỂM HẠN CHẾ

Tính đến 31/12/2025, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, chưa có thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020. PC1 đã có văn bản giải trình Ủy ban chứng khoán nhà nước/HOSE về nội dung này, đồng thời đã và đang tích cực tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập bổ sung vào HĐQT nhằm nâng cao năng lực quản trị cũng như tuân thủ quy định của pháp luật.

## TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 01 Kế hoạch học tập, đào tạo quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Tập đoàn thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị công ty do Sở giao dịch CK TP Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty khi các cơ sở đào tạo được UBCKNN công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

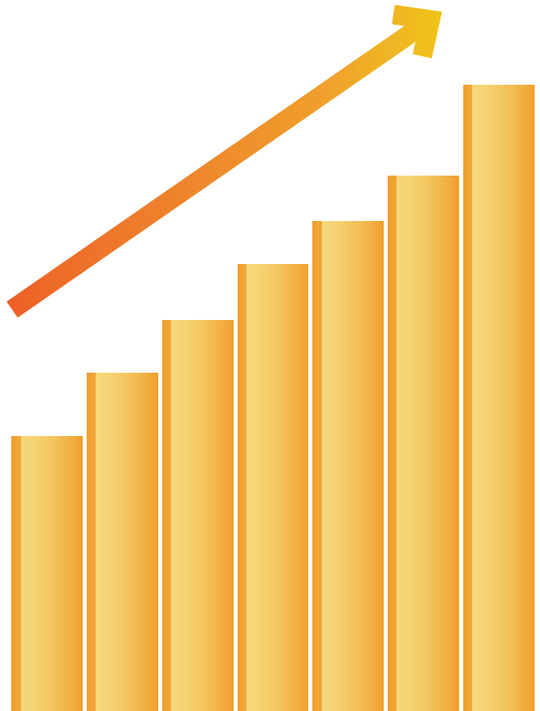

### 02 Quan hệ nhà đầu tư

Tập đoàn có bộ phận Quan hệ nhà đầu tư và Bộ phận Công bố thông tin chịu trách nhiệm cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và giám sát truyền thông ra bên ngoài cho các cổ đông và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật. Là một trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, PC1 luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư hướng tới minh bạch thông tin, tuân thủ các quy định pháp luật, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cho cổ đông.
Trong tất cả các cuộc trao đổi, gặp gỡ với nhà đầu tư và tại ĐHĐCĐ thường niên, nhà đầu tư được quyền chủ động đặt câu hỏi liên quan đến hoạt động của Tập đoàn và được lãnh đạo Tập đoàn giải đáp trực tiếp ngay tại sự kiện. Đồng thời, Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên được đăng tải công khai và đầy đủ trên website của Tập đoàn giúp các cổ đông, nhà đầu tư chủ động nắm bắt thông tin.
PC1 sẽ tiếp tục tuân thủ và cập nhật các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hay tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Tiếp tục cải tiến chất lượng báo cáo thường niên và báo cáo định kỳ, Bản tin nhà đầu tư ...

# ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
## CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(tiếp theo)

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Quản trị hệ thống thông tin**

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và ban hành Lộ trình chuyển đổi số Tập đoàn phù hợp với chiến lược kinh doanh và cấu trúc doanh nghiệp cấp Tập đoàn.
- Đồng bộ quản trị, phân tích chuyên sâu dữ liệu kinh doanh toàn Tập đoàn; Tiếp tục cải tiến vận hành hệ thống thông tin quản trị thông minh - Business Intelligence.
- Xây dựng các chính sách, quy định về bảo mật thông tin nội bộ; an ninh mạng; quy định phân cấp và quyền khai thác dữ liệu kinh doanh...

**Quản trị Tài chính – Kế toán**

- Tập đoàn và các công ty con sử dụng nhất quán một phần mềm kế toán để tiện lợi cho việc hạch toán, báo cáo và hợp nhất số liệu. Ứng dụng công nghệ số vào hệ thống kế toán Tập đoàn và toàn bộ các công ty thành viên để đưa ra các phân tích chính xác, kịp thời cho Ban lãnh đạo điều hành.
- Xây dựng hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, từ đó, xây dựng phương án tài chính phù hợp đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo trong chiến lược phát triển Tập đoàn.

**Quản trị nhân sự**

- Tập trung hoàn thành đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các mục tiêu chiến lược tầm nhìn đến 2030.
- Tiếp tục vận hành sơ đồ tổ chức mới hiệu quả theo mô hình tập đoàn, hướng tới chuyên nghiệp và chuyên môn hóa cao, trong đó vận hành phần mềm quản lý nhân sự hiện đại (HRM).
- Tiếp tục xây dựng và ban hành các chính sách phát triển nhân lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo, đảm bảo an toàn thông tin nội bộ, ...

**Quản trị quan hệ khách hàng**

- PC1 tạo được sự tin cậy cao với khách hàng, bao gồm các khách hàng truyền thống và khách hàng mới. PC1 có các quy trình quản trị khách hàng chặt chẽ, từ tìm kiếm đến bán hàng và sau bán hàng.
- Công tác chuyển đổi số được nghiên cứu áp dụng trong quản trị quan hệ khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn. Tiếp tục đẩy mạnh đưa vào sử dụng phần mềm CRM để nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và hiệu quả công tác thị trường.

**Quản trị chất lượng**

- Thực hiện tốt công tác đào tạo nhận thức và huấn luyện CBNV về chuyển đổi số thông qua chuỗi chương trình đào tạo.
- Ứng dụng thành công các phần mềm quản lý và số hóa để nâng cao năng lực quản trị hệ thống, đồng thời gia tăng hiệu quả kinh doanh.

# 7

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG


[154] Tổng quan về báo cáo

[156] Mô hình phát triển bền vững

[158] Định hướng phát triển bền vững

[160] Các chỉ tiêu phát triển bền vững

# TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

## GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2025 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Tập đoàn, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### MỤC TIÊU

Báo cáo phát triển bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo thường niên nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của PC1 ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Tập đoàn.

### PHẠM VI

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Tập đoàn, các đơn vị thành viên và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhất cho năm tài chính 2025, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

### CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC; dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI).

### ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

PC1 nỗ lực hết mình để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan bằng việc minh bạch hóa thông tin, tăng trưởng bền vững, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội. Do đó chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
- Địa chỉ: Tòa CT2, Số 583 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt , TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (+84) 024 3845 6329
- Fax: (+84) 024 3823 1997

# MÔ HÌNH
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2025 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Tập đoàn, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Định hướng, chiến lược chung của Công ty mẹ và các công ty con.
- Các chương trình hành động chung.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty mẹ và các công ty con.
- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động.

### CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG TRỰC THUỘC TẬP ĐOÀN

- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.
- Triển khai, hướng dẫn các công ty con thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt.

### BAN GIÁM ĐỐC CÁC CÔNG TY CON

- Triển khai, giám sát việc thực hiện các kế hoạch và hành động tại công ty con
- Đánh giá việc thực hiện và xuất báo cáo đánh giá trình lên Ban Tổng giám đốc.

# ĐỊNH HƯỚNG
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## KHÁCH HÀNG – ĐỐI TÁC

- Đối với khách hàng, PC1 đặt uy tín và chất lượng lên hàng đầu, nhằm mang đến những giá trị và sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.
- Đối với các đối tác: PC1 hướng tới sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi và đồng hành cùng mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội.

## CỔ ĐÔNG

- Gắn kết sự phát triển bền vững của PC1 với lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư thông qua;
- Công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời;
- Quản trị công ty minh bạch và hiệu quả;
- Xây dựng chính sách cổ tức ổn đinh, hướng tới phát triển bền vững;
- Xây dựng và củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào thương hiệu và mã cổ phiếu PC1.

## NHÀ NƯỚC

- PC1 đảm bảo tuân thủ nghiêm các chính sách của Nhà nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Chung tay góp sức vào quá trình xây dựng các hạ tầng cơ sở phục vụ cho sự phát triển của đất nước.
- Đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thuế và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

## NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh.
- Xây dựng môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực của mình.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động và tạo dựng văn hóa doanh nghiệp.

## CỘNG ĐỒNG

- Gắn kết sự phát triển của PC1 với sự phát triển của các địa phương nơi Tập đoàn có hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình thiện nguyện.

## MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.
- Sử dụng hiểu quả các nguồn tài nguyên.
- Nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, PC1 liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nguyên vật liệu, nguồn nước, năng lượng sử dụng, tác động của nước thải, chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp.

### Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

PC1 có phát thải trực tiếp khí nhà kính ở lĩnh vực sản xuất công nghiệp trong quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành bể mạ và chạy xe nâng và phát thải gián tiếp khí nhà kính trong quá trình sử dụng điện năng mua của các nhà máy phát điện quốc gia để phục vụ sản xuất kinh doanh.

| STT | Tiêu chí | Năm 2024 | Năm 2025 | Hệ thống xử lý khí thải và chất thải |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng lượng khí thải (m3) | 45.696 | 54.912 | Hệ thống xử lý khí thải công suất 45.000m3/h (DAST) 'Hệ thống xử lý khí thải công suất 22.000m3/h (TNST) |
| 2 | Chất thải rắn thông thường (tấn) | 898 | 929,5 | |
| 3 | Chất thải nguy hại (tấn) | 574.472 | 263,585 | xỉ kẽm và bùn kẽm, găng tay dính dầu, bùn thải công nghiệp |

### Các biện pháp/sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- Năm 2025, DAST đã bổ sung lắp đặt hệ thống xử lý khí thải và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo
- Sử dụng đèn thắp sáng tiết kiệm điện, tối ưu ca sản xuất, giờ máy chạy để giảm điện năng tiêu thụ
- Cải tiến công nghệ, sử dụng hiệu quả nhiên liệu đốt trong quá trình sản xuất
- Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải, giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu của các xe cơ giới
- Quản lý, giảm phát thải chất thải rắn, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải, bao gồm chất thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt...

### Gắn sản xuất với bảo vệ môi trường

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh nhận hai chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào ngày 28/02/2018 và ISO 14001:2015 vào ngày 09/04/2018 do tổ chức AFNOR - thành viên của một trong các tổ chức chứng nhận lớn nhất được công nhận cấp quốc tế.

Năm 2021, Nhà máy Cột thép mạ kẽm Thái Nguyên cũng đã hoàn thành cấp Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, được cấp bởi tổ chức chứng nhận Universal GmbH - DAkkS của Cộng Hòa Liên Bang Đức, là 01 trong 03 dấu chứng nhận có uy tín nhất trên toàn cầu. Tập đoàn đã ban hành nhiều quy định liên quan đến quản trị chất lượng, môi trường và các biện pháp thực hiện cụ thể đối với nhà máy sản xuất công nghiệp của PC1. Từ đó đến nay, các nhà máy vẫn luôn duy trì thực hiện tốt công tác quản trị chất lượng và môi trường.

| Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh và Nhà máy cột thép mạ kẽm Thái Nguyên | | Mục tiêu chất lượng, môi trường và biện pháp thực hiện | | |
|---|---|---|---|---|
| Mục tiêu | Biện pháp thực hiện | Thực hiện | | |
| | | Thời gian | Trách nhiệm | Tài liệu |
| Duy trì tỷ lệ sản phẩm sai hỏng không phù hợp dưới 0,2% | Kiểm soát các quá trình | Liên tục | Các phòng ban | Báo cáo thực hiện mục tiêu chiến lược, báo cáo khắc phục & cải tiến |
| | Thực hiện hành động khắc phục kịp thời, không để xảy ra sai hỏng hàng loạt | Hàng ngày | Ban QA và các Phòng Ban liên quan | Báo cáo khắc phục và cải tiến |
| | Kiểm soát sản phẩm từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào cho đến khi giao cho khách hàng | Hàng ngày | Ban QA và các Phòng Ban liên quan | Phiếu kiểm tra đầu vào và biên bản làm việc |
| | Đào tạo | Theo kế hoạch đào tạo của các phòng ban | Các phòng ban | Hồ sơ đào tạo |
| Đảm bảo đạt 100% sự hài lòng của khách hàng | Kiểm soát chất lượng sản phẩm của Nhà máy và nhà thầu phụ | Hàng ngày | Ban QA, Sản xuất, Kinh doanh | Báo cáo kiểm tra sản phẩm biên bản làm việc |
| | Đảm bảo 100% tiến độ giao hàng các dự án | Hàng ngày | Ban sản xuất, Ban kinh doanh | Báo cáo tiến độ sản xuất |
| | Chăm sóc khách hàng | Thường xuyên | Ban Kinh doanh và các phòng ban liên quan | Báo cáo xử lý ý kiến thắc mắc, khiếu nại nếu có của khách hàng |
| 100% các loại rác thải được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định | Kiểm soát quá trình phân loại rác thải | Hàng ngày | Các phòng ban | Biên bản kiểm tra |
| | Hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để xử lý rác thải | Liên tục | Ban sản xuất, Phòng Hành chính | Các hợp đồng, bảng kê khối lượng rác xử lý |
| | Đào tạo cho nhân viên mới, người thực hiện chưa tốt | Khi có nhân viên mới | Phòng Hành chính | Hồ sơ đào tạo |

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

### Gắn sản xuất với bảo vệ môi trường

| Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh và Nhà máy cột thép mạ kẽm Thái Nguyên | | Mục tiêu chất lượng, môi trường và biện pháp thực hiện | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện | | |
| Mục tiêu | Biện pháp thực hiện | Thời gian | Trách nhiệm | Tài liệu |
| Tạo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng | Bảo trì các trang thiết bị an toàn tại các máy, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động | Kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định | Xưởng cơ điện, Ban TK&KT | Hồ sơ thiết bị |
| | Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động | Liên tục | Phòng Hành chính, Sản xuất, Vật tư, Mua hàng | Hồ sơ theo dõi cấp phát thiết bị bảo hộ lao động |
| | Huấn luyện về ATLĐ | Theo kế hoạch năm | Cán bộ an toàn, Phòng Hành chính | Hồ sơ đào tạo |
| | Định kỳ tập huấn ứng phó với các tình trạng khẩn cấp (Cháy nổ, ...) | Theo kế hoạch năm | Ban sản xuất, Phòng Hành chính, đội ngũ an toàn viên | Kế hoạch tập huấn và kết quả đào tạo |

### Đầu tư phát triển năng lượng tái tạo

PC1 đang sở hữu và vận hành an toàn, tin cậy 10 nhà máy điện năng lượng tái tạo điện gió và thủy điện trên cả nước, không phát thải khí nhà kính ra môi trường. Đến hết năm 2025, PC1 đã cung cấp hơn 6 tỷ kWh điện sạch, cắt giảm gần 5 triệu tấn CO2, tương đương với 200 triệu cây xanh.

Trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy và Phong Nguyên tại địa bàn huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, PC1 Group đã thực hiện các hoạt động môi trường tại địa phương, cụ thể:

- Hỗ trợ giếng khoan tại các địa phương: Trao tặng giếng khoan cho người dân xã Hướng Tân, Tân Lập, Tân Liên, Hướng Phùng với số lượng 15 giếng, tổng giá trị khoảng 450 triệu đồng.
- Chương trình Trồng cây tạo cảnh quan môi trường sinh thái: PC1 Group thực hiện trồng Cây Bơ, Trầu (20 tr/ha) (10 ha) (mật độ khoảng 300 cây/ha), trồng xen cafe giai đoạn đầu và trồng Cây Keo (25tr/ha) và chăm sóc 5 năm đầu (20 ha) (mật độ 2500 - 3000 cây/ha) sinh trưởng nhanh, sớm khép kín tạo tán rừng vào giai đoạn sau, trong khoảng thời gian kéo dài từ 2020 đến 2025 tại diện tích đất sử dụng tạm thời của các nhà máy điện gió.

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

**Bảng thống kê khối lượng nguyên vật liệu sử dụng năm 2025 như sau**

| STT | Tên vật tư | Đơn vị | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Thép các loại | Kg | 35.667.940 | 39.972.796,83 |
| 2 | Kẽm | Kg | 1.075.616 | 1.573.768 |
| 3 | Dầu diezel | Lít | 839.160 | 1.638.400 |
| 4 | Hóa chất | Kg | 361.008 | 407.527 |
| | Hợp kim nhôm kẽm | Kg | 7.153 | 9.497 |
| | H2S04 | Kg | 299.656 | 331.222 |
| | NaOH | Kg | 30.050 | 51.750 |
| | NH4Cl | Kg | 13.004 | 15.223 |
| | ZnCl2 | Kg | 8.725 | 10.073 |
| | Cr2O3 | Kg | 200 | 200 |
| | Bacl2 | Kg | 525 | 800 |
| | H2O2 | Kg | 570 | 720 |
| | Na2CrO7 | Kg | - | 25 |
| | Chất chống nổ Aikoh | Kg | - | 288 |
| | Na2S03 | Kg | 1.125 | 1.175 |
| | HCL | Kg | 226.455 | 290.861 |

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

**Chi tiết các loại phế liệu, phế phẩm được thu gom xử lý tái chế làm nguyên liệu cho các sản phẩm khác**

| STT | Tên vật tư | Đơn vị | Tổng khối lượng được sử dụng | Tổng khối lượng được tái chế |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phế liệu thép tái sử dụng | Kg | 15.226 | 1.621.999,25 |
| 2 | Phế liệu kẽm tái sử dụng | Kg | 1.010 | 215.827,28 |

Các sản phẩm cột thép của hai nhà máy DAST và TNST chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm (thép góc, thép hình ... nguyên cây) và sử dụng một tỷ lệ nhỏ nguyên vật liệu thu hồi từ sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài; điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại các nhà máy.

Trong năm 2025, lượng phế liệu thép và kẽm được tái sử dụng đã tăng lên đáng kể, giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng chi phí nguyên vật liệu; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

PC1 đang sở hữu và vận hành an toàn, tin cậy 10 nhà máy điện năng lượng tái tạo điện gió và thủy điện trên cả nước, không phát thải khí nhà kính ra môi trường. Đến hết năm 2025, PC1 đã cung cấp hơn 6 tỷ kWh điện sạch, cắt giảm gần 5 triệu tấn CO2, đương đương với 200 triệu cây xanh.

Trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy và Phong Nguyên tại địa bàn huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, PC1 Group đã thực hiện các hoạt động môi trường tại địa phương, cụ thể:

- Hỗ trợ giếng khoan tại các địa phương: Trao tặng giếng khoan cho người dân xã Hướng Tân, Tân Lập, Tân Liên, Hướng Phùng với số lượng 15 giếng, tổng giá trị khoảng 450 triệu đồng.
- Chương trình Trồng cây tạo cảnh quan môi trường sinh thái: PC1 Group thực hiện trồng Cây Bơ, Trầu (20 tr/ha) (10 ha) (mật độ khoảng 300 cây/ha), trồng xen cafe giai đoạn đầu và trồng Cây Keo (25tr/ha) và chăm sóc 5 năm đầu (20 ha) (mật độ 2500 - 3000 cây/ha) sinh trưởng nhanh, sớm khép kín tạo tán rừng vào giai đoạn sau, trong khoảng thời gian kéo dài từ 2020 đến 2025 tại diện tích đất sử dụng tạm thời của các nhà máy điện gió.

**Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

| STT | Tiêu chí | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Điện (kW) | 5.032.911 | 5.217.975 |
| 2 | Dầu (lít) | 839 | 984.703 |

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## TIÊU THỤ NƯỚC

| STT | Tiêu chí | Năm 2024 | Năm 2025 | Các biện tiết kiệm/ xử lý nước năm 2025 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhà cung cấp nước | Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội - Xí nghiệp nước sạch Đông Anh<br>Công ty CP nước sạch Thái Nguyên | Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội - Xí nghiệp nước sạch Đông Anh<br>Công ty CP nước sạch Thái Nguyên | |
| 2 | Lượng nước tiêu thụ năm (m3) | 38.710 | 34.546 | |
| 3 | Chi phí tiền nước năm (VNĐ/ năm) | 721.138.021 | 643.458.795 | |
| 4 | Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng (m3) | - Sản lượng sản xuất năm 2024: 29.683,3 tấn;<br>- Hệ thống xử lý nước thải được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2024. Từ khi đưa vào vận hành, tình hình sử dụng và tái sử dụng nước của Công ty như sau: | - Sản lượng sản xuất năm 2025: 34.822,85 tấn<br>- Nước SH: Sử dụng nguồn cấp nước sạch, tái sử dụng 100% và lượng nước tái sử dụng được phục vụ cấp nước cho hệ thống nồi hơi (Lượng nước tại hệ thống nồi hơi không tái sử dụng - bay hơi hết).<br>- Nước SX gồm:<br>+ Bể nước rửa (2 bể) sử dụng nước thu hồi và tái sử dụng hết, tuy nhiên trong quá trình vận hành vẫn có thất thoát do bay hơi, cặn bùn thải... nên sẽ không đạt tỷ lệ tái sử dụng 100%.<br>+ Toàn bộ các bể axit (4 bể), bể trợ dung (1 bể), bể làm mát (1 bể), bể cromic (1 bể) dùng nguồn nước sạch và không tái sử dụng.<br>- Do không có thiết bị đo nên không tính được khối lượng tái sử dụng và tỷ lệ/tổng lượng nước sử dụng. | - Tuyên truyền ý thức về tiết kiệm nước đến toàn thể CBCNV<br>- Lắp đặt mới các thiết bị tiết kiệm nước.<br>- Hệ thống tuần hoàn nước, giảm nước thải |
| 5 | Tỷ lệ % lượng nước tái chế và tái sử dụng/ tổng lượng nước sử dụng (%) | - Nước SH: Sử dụng nguồn cấp nước sạch, tái sử dụng 100% và lượng nước tái sử dụng được phục vụ cấp nước cho hệ thống nồi hơi (Lượng nước tại hệ thống nồi hơi không tái sử dụng - bay hơi hết).<br>- Nước SX gồm:<br>+ Bể nước rửa (2 bể) sử dụng nước thu hồi và tái sử dụng hết, tuy nhiên trong quá trình vận hành vẫn có thất thoát do bay hơi, cặn bùn thải... nên sẽ không đạt tỷ lệ tái sử dụng 100%.<br>+ Toàn bộ các bể axit (4 bể), bể trợ dung (1 bể), bể làm mát (1 bể), bể cromic (1 bể) dùng nguồn nước sạch và không tái sử dụng.<br>- Do không có thiết bị đo nên không tính được khối lượng tái sử dụng và tỷ lệ/tổng lượng nước sử dụng. | | |
| 6 | Thông tin về hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước/ môi trường | Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công nghiệp 150m3/ngày đêm<br>Cuối năm 2024 Công ty lắp đặt thêm và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt - công suất 30m3/ngày đêm | Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công nghiệp 150m3/ngày đêm<br>Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt - công suất 30m3/ngày đêm | |



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: 0

## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Cơ cấu nhân sự năm 2025**

| STT | Tiêu chí | Diễn giải | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Theo trình độ lao động | Trình độ Đại học và trên Đại học | 781 | 47% |
| 2 | | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 300 | 18% |
| 3 | | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 415 | 25% |
| 4 | | Lao động phổ thông | 173 | 10% |
| 1 | Theo đối tượng lao động | Lao động trực tiếp | 839 | 50% |
| 2 | | Lao động gián tiếp | 830 | 50% |
| 1 | Theo giới tính | Nam | 1373 | 82% |
| 2 | | Nữ | 296 | 18% |
| 1 | Theo thời hạn HĐLĐ | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm | 22 | 1% |
| 2 | | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm | 582 | 35% |
| 3 | | Hợp đồng không xác định thời hạn | 1065 | 64% |
| 1 | Theo cấp quản lý | Quản lý cấp cao | 73 | 4% |
| 2 | | Quản lý cấp trung | 182 | 11% |
| 3 | | Quản lý cấp chi nhánh | 511 | 31% |
| 4 | | Chuyên viên, nhân viên, công nhân | 903 | 54% |
| 5 | | Lao động khác | 0 | 0% |
| 1 | Theo độ tuổi | Từ 18 đến 25 tuổi | 83 | 5% |
| 2 | | Từ 26 đến 35 tuổi | 480 | 29% |
| 3 | | Từ 36 đến 45 tuổi | 733 | 44% |
| 4 | | Trên 45 | 373 | 22% |
| | | **Tổng cộng** | **1.669** | **100%** |

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

### 01 Chế độ làm việc

**Thời gian làm việc:** Tập đoàn tổ chức làm việc 7,5 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Thực hiện nghỉ vào thứ 7 và ngày Chủ nhật. Khi có y êu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Tập đoàn có trách nhiệm làm thêm giờ và Tập đoàn có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

### 02 Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Tập đoàn là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những vị trí quản lý được Tập đoàn đưa ra các tiêu chí tuyển dụng cao nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.
Năm 2025 , Tập đoàn đã tuyển dụng bổ sung 86 nhân sự có trình độ và chuyên môn tốt, đáp ứng với nhu cầu phát triển của các Phòng, Ban, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn.

### 03 Chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ

Thu nhập người lao động bình quân toàn Tập đoàn năm 2025 đạt 21,970 triệu đồng/người/tháng.

Tiền lương đều được chi trả kịp thời Ngoài ra nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Tập đoàn đều tổ chức bình bầu, đánh giá, biểu dương, vinh danh các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Tập đoàn cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.

### 04 Chính sách bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tập đoàn thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Tập đoàn luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Tập đoàn luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Tập đoàn thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Tập đoàn luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBNV trong Tập đoàn.

Tập đoàn mua thêm gói khám sức khỏe bổ sung cho NLĐ để giảm bớt gánh nặng chi phí y tế nếu không may bị ốm đau, bệnh tật; Tổ chức tiêm cúm mùa định kỳ hàng năm cho NLĐ Ngoài ra, Tập đoàn cũng quan tâm, thăm hỏi và tặng quà ngày Quốc tế Thiếu nhi, Trung thu cho con em CBNV Tập đoàn và đồng thời thường xuyên tổ chức sinh nhật cho CBNV.

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

**05** Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn

- PC1 luôn duy trì khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CBCNV. Năm 2025, PC1 triển khai khám sức khỏe định kỳ cho 265 lao động vào tháng 1.
- Đảm bảo đầy đủ chế độ ăn ca, bồi dưỡng tại chỗ cho người lao động.
- Hàng năm đều được đào tạo học an toàn, tập huấn phòng cháy chữa cháy, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động .
- Trang bị đầy đủ vật tư y tế, thuốc và vật tư chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động. Kiểm định các thiết bị y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe người lao động.
- Quan trắc môi trường, xét nghiệm nước uống và nước sinh hoạt.

### Hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên

Tập đoàn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Tập đoàn được thực hiện theo hướng sau:

- **Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ và sự hiểu biết của người lao động. Tập đoàn tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- **Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Tập đoàn luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Trong năm 2025, Tập đoàn đã tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn về:

- Chuyển hóa Doanh nghiệp trong kỷ nguyên AI dành cho Quản lý, lãnh đạo Tập đoàn/Ban/Đơn vị
- Nhóm các chương trình kỹ năng dành cho CBNV Khối quản trị vận hành bao gồm:
  - Kỹ năng làm việc nhóm
  - Kỹ năng nắm bắt tâm lý khách hàng nội bộ
  - Kỹ năng quản lý cảm xúc
- Chương trình đào tạo Gen AI – tư duy và ứng dụng vào các mảng chức năng: Marketing & Sales, Nhân sự & Đào tạo, Vận hành, Tài chính Kế toán.
- Chương trình đào tạo Hướng dẫn sử dụng phần mềm Workspaces - dành cho khối quản trị vận hành
- Chương trình đào tạo Quản trị tinh gọn dành cho các nhóm thực hiện dự án Lean AI Tập đoàn
- Chương trình đào tạo Cẩm nang văn hóa dành cho tất cả CBNV Tập đoàn/đơn vị
- Một số chương trình khác: Cập nhật kiến thức thuế kế toán 2025, sơ cứu cấp cứu ngoại viện,...

Bảng thống kê khối lượng nguyên vật liệu sử dụng năm 2025 như sau

| Đối tượng | Số giờ đào tạo trung bình năm 2025 |
|---|---|
| Nhân viên, chuyên viên, trưởng bộ phận, trưởng nhóm | 36 giờ/ năm |
| Trưởng phòng/phó phòng | 48 giờ/ năm |
| Giám đốc/ Phó Giám đốc các ban, Trưởng ban/Phó ban | 60 giờ/ năm |

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý và lãnh đạo cấp cao tham gia các lớp đào tạo phát triển kỹ năng, học tập tại tập đoàn PC1 (Công ty mẹ).

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

#### 06 Đảm bảo bình đẳng giới

Tập đoàn luôn chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới - bảo vệ quyền lợi của CBNV nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Trên 18% CBNV PC1 là nữ giới.
- Tỷ lệ lao động nữ tăng dần qua các năm, nhiều lãnh đạo là nữ giới giữ những vị trí chủ chốt trong Tập đoàn, cho thấy sự quan tâm, chú trọng của Ban lãnh đạo Tập đoàn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới.
- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp
- Định kỳ hàng năm, Tập đoàn có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10

#### 07 Các hoạt động công đoàn đối với người lao động

Công đoàn Tập đoàn gồm 12 công đoàn cơ sở, bộ phận trực thuộc với gần 1.600 đoàn viên. Trong những năm qua, Lãnh đạo, Đảng ủy và Công đoàn luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, người lao động, đặc biệt là với những đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn. Đây là những người lao động gặp phải những không may trong cuộc sống, bản thân bị bệnh nặng, ốm đau thường xuyên, phải chữa trị bệnh trong thời gian dài, chi phí tốn kém trong khi điều kiện gia đình cũng hết sức khó khăn; hoặc có trường hợp bản thân khỏe mạnh là trụ cột chính trong gia đình đông người, có người thân bệnh nặng, hiểm nghèo, chi phí hàng tháng tốn kém.

## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2025, PC1 lồng ghép các mục tiêu trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững vào hoạt động quản trị, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Định hướng này được triển khai theo hướng hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, hiệu quả sử dụng vốn với trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng, địa phương nơi Tập đoàn hoạt động và yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường ngày càng quan tâm đến các tiêu chí ESG. Việc triển khai các hoạt động CSR và ESG trong năm không chỉ mang tính hỗ trợ cộng đồng mà còn từng bước thể hiện định hướng phát triển dài hạn, bền vững và có trách nhiệm của PC1. Trung tâm phát triển bền vững - PC1 là đơn vị chủ trì các hoạt động CSR và ESG trong năm 2025 gồm:

**Hỗ trợ bệnh viện tuyến TW và địa phương để nâng cao năng lực điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng và hiệu quả làm việc của đội ngũ y bác sỹ**

- Dự án đào tạo nâng cao năng lực quản lý bệnh viện và áp dung lean six sigma để cải tiến chất lượng tại bệnh viện Bà Rịa thuộc TP Hồ Chí Minh.
- Huấn luyện và thực hành tinh gọn dự án tại Bệnh viện Bạch Mai giai đoạn 2.
- Đề án Đào tạo và hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị tinh gọn (Lean) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng.

**Hỗ trợ các địa phương, vùng cao, vùng đồng bào khó khăn**

- Ủng hộ chương trình xóa nhà tạm, dột nát trên địa bàn huyện Bảo Lạc
- Hỗ trợ xây nhà văn hóa xóm Xà Phìn, xã Xuân Trường huyện Bảo Lạc
- Trao quà Quỹ Bảo trợ trẻ em và duy tu di tích Đặc khu Côn Đảo
- Thông qua Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng ủng hộ số tiền 2 tỷ đồng nhằm hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả sau thiên tai cơn bão số 10 và 11.
- Tài trợ chương trình "Tết vì người nghèo" huyện Thọ Xuân -Tỉnh Thanh Hóa

# CÁC CHỈ TIÊU
# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

**Đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường**

- PC1 tiếp tục khai thác hiệu quả 10 nhà máy Năng lượng tái tạo và tiếp tục đầu tư các nhà máy năng lượng tái tạo mới góp phần giảm phát thải
- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp xanh và sinh thái cho các Dự án PC1 làm Chủ đầu tư, thi công
- Năm 2025 PC1 tiếp tục nhận được Chứng nhận là Nhà đầu tư KCN xanh; tại các nhà máy SXCN của PC1 luôn tuân thủ các giải pháp tiên tiến về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường
- Tổng thầu EPC - Dự án cấp điện từ lưới điện quốc gia cho đặc khu Côn Đảo. Dự án đã góp phần tích cực giảm phát thải, bảo vệ môi trường

**Nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên**

- Tập đoàn tiếp tục quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động; chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn lao động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho cán bộ công nhân viên; đồng thời duy trì các hoạt động đào tạo, văn hóa, thể thao và gắn kết nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và củng cố nền tảng phát triển bền vững của Tập đoàn: tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; các chương trình đào tạo định kỳ nghiệp vụ, kỹ năng; du lịch, ngày hội thể thao, thăm hỏi động viên các gia đình có hoàn cảnh khó khăn v.v..

Lãnh đạo Tập đoàn nhận thức cần làm tốt CSR và phát triển bền vững không chỉ là xu thế, là trách nhiệm mà còn vai trò nâng cao Năng lực cạnh tranh của PC1, tạo sự tin tưởng của cộng đồng, nhà đầu tư, sự trung thành của khách hàng và sự gắn bó của người lao động, thúc đẩy PC1 phát triển bền vững.

Trong năm 2025, PC1 đã thực hiện nhiều đóng góp tài chính cho cộng đồng:

| STT | Thời gian | Hoạt động hướng đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương | Giá trị PC1 hỗ trợ |
|---|---|---|---|
| 1 | Tháng 04 đến 11 năm 2025 | Cung cấp dịch vụ Đào tạo và Tư vấn áp dụng phương pháp Quản trị tinh gọn theo Lean SixSigma nhằm giảm lãng phí và nâng cao an toàn, chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Bà Rịa và Phòng khám đa khoa 27/4 Công An tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. | 806.400.000 |
| 2 | Tháng 5 đến 12 năm 2025 | Tư vấn áp dụng 5S nhằm giảm lãng phí, đảm bảo an toàn và cải tiến chát lượng dịch vụ khám chữa bệnh; Trang bị 10 máy tính bảng để hỗ trợ hội chẩn từ xa. | 448.425.000 |
| 3 | Tháng 8 năm 2025 đến tháng 4 năm 2026 | Đào tạo tư duy, kiến thức và phương pháp chuẩn hóa, giảm thiếu lãng phí và quản trị tinh gọn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân viên y tế của bệnh viện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng; Tư vấn triển khai cải tiến tinh gọn (Lean) tại khoa Cấp cứu + trang bị máy móc thiết bị/phương tiện làm điển hình để bệnh viện tỉnh Cao Bằng nhân rộng. | 829.736.000 |
| | | **TỔNG CỘNG** | **2.084.561.000** |

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Tháng 10/2021, PC1 đã phát điện thành công 36 tua bin gió tại Quảng Trị lên lưới điện quốc gia do Tập đoàn làm chủ đầu tư với sự hợp tác của RENOVA Nhật Bản. Dự án được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB, Tổ chức Tín dụng xuất khẩu Úc (EFA), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) trị giá 173 triệu USD. Đây là khoản tài trợ đầu tiên của ADB cho một dự án điện gió ở Việt Nam, và đã được chứng nhận là khoản vay "xanh" bởi Sáng kiến Trái phiếu khí hậu, đơn vị quản lý Chương trình tiêu chuẩn và chứng nhận Trái phiếu khí hậu quốc tế.
Dự án Nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy và Phong Nguyên do PC1 và Công ty Renova, Inc. cùng đầu tư xây dựng và vận hành với tổng công suất phát điện 422 GWH một năm. Cụm 03 nhà máy sẽ góp phần cắt giảm phát thải 162.430 tấn CO2 mỗi năm. Cùng với 07 nhà máy năng lượng tái tạo đang vận hành, trung bình mỗi năm, PC1 Group sẽ góp phần cắt giảm hơn 500.000 tấn CO2.

# 8

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---|---|---|
| **Hội đồng quản trị** | Ông Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch |
| | Ông Phan Ngọc Hiếu | Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025) |
| | | Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025) |
| | Ông Vũ Ánh Dương | Thành viên |
| | Ông Võ Hồng Quang | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Minh Đệ | Thành viên |
| **Ban Tổng Giám đốc** | Ông Vũ Ánh Dương | Tổng Giám đốc |
| | Ông Đặng Quốc Tường | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Võ Hồng Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Nhật Tân | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Minh Đệ | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Trịnh Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Trịnh Quang Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Thế Vũ | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025) |
| **Ban Kiểm soát** | Bà Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng Ban |
| | Ông Hoàng Văn Cường | Thành viên |
| | Ông Hoàng Văn Sáng | Thành viên |





**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100100745-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PC1
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Vũ Ánh Dương**
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 28 tháng 3 năm 2026*

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Các cổ đông**
**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**
**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
M.S.D.N: 0100112500-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| **Trần Xuân Ánh** | **Đỗ Trung Kiên** |
| **Phó Tổng Giám đốc** | **Kiểm toán viên** |
| Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0723-2023-001-1 | Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1924-2023-001-1 |

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 26 tháng 3 năm 2026*
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **11.299.127.185.804** | **8.085.980.091.224** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **6** | **3.811.436.397.959** | **2.277.327.707.879** |
| 1. Tiền | 111 | | 624.039.397.959 | 734.582.707.879 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.187.397.000.000 | 1.542.745.000.000 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **7** | 1.459.344.220.559 | **1.016.759.191.654** |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 1.459.344.220.559 | 1.016.759.191.654 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | 4.414.386.288.023 | **3.112.002.764.045** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 3.028.369.332.503 | 2.015.189.876.899 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 9 | 537.785.041.856 | 456.269.424.703 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | 10 | 7.467.863.467 | 9.187.149.775 |
| 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 11 | 187.580.567.330 | 309.543.410.051 |
| 5. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 12 | 825.309.695.323 | 416.873.034.466 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 13 | (172.126.212.456) | (95.060.131.849) |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | **14** | 1.483.497.993.111 | **1.587.602.430.478** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.520.833.020.606 | 1.587.734.464.304 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (37.335.027.495) | (132.033.826) |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | 130.462.286.152 | **92.287.997.168** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 15 | 22.142.767.403 | 17.708.787.217 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 107.231.116.588 | 70.925.701.528 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 16 | 1.088.402.161 | 1.173.507.815 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | 2.480.000.608 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**
Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **13.263.743.647.409** | **12.901.664.649.904** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **16.922.827.065** | **32.830.193.500** |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 12 | 16.922.827.065 | 32.830.193.500 |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | 9.489.296.627.445 | **10.146.675.462.841** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 17 | 8.366.329.251.858 | 8.970.795.915.918 |
| *- Nguyên giá* | *222* | | *12.760.050.714.276* | *12.617.358.387.910* |
| *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(4.393.721.462.418)* | *(3.646.562.471.992)* |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 18 | 1.122.967.375.587 | 1.175.879.546.923 |
| *- Nguyên giá* | *228* | | *1.393.705.127.852* | *1.383.299.121.252* |
| *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(270.737.752.265)* | *(207.419.574.329)* |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | **19** | **93.837.530.376** | **112.102.582.263** |
| *- Nguyên giá* | *231* | | *536.802.861.074* | *536.746.846.681* |
| *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *232* | | *(442.965.330.698)* | *(424.644.264.418)* |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **1.352.295.777.373** | **372.571.762.744** |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | 20 | 202.549.187.157 | 202.549.187.157 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 21 | 1.149.746.590.216 | 170.022.575.587 |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | **1.781.595.101.433** | **1.709.056.198.340** |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 22 | 1.780.773.331.433 | 1.708.234.428.340 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 23 | 4.821.770.000 | 4.821.770.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 23 | (4.000.000.000) | (4.000.000.000) |
| **VI. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **529.795.783.717** | **528.428.450.216** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 331.463.086.266 | 290.930.501.865 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 24 | 35.149.950.316 | 30.280.921.273 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 25.933.570.317 | 25.969.362.920 |
| 4. Lợi thế thương mại | 269 | 25 | 137.249.176.818 | 181.247.664.158 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)** | **270** | | **24.562.870.833.213** | **20.987.644.741.128** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **C. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **15.685.397.894.656** | **13.271.625.448.232** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **7.787.578.744.336** | **5.078.147.101.360** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 26 | 1.804.448.090.987 | 1.120.664.359.789 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 27 | 788.024.675.926 | 299.209.751.506 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 296.121.145.568 | 230.165.562.350 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 133.846.477.418 | 98.754.378.100 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 28 | 160.648.252.816 | 83.045.126.902 |
| 6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | 10 | - | 850.614.873 |
| 7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 6.578.609.750 | 6.780.962.417 |
| 8. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 29 | 129.042.633.320 | 109.774.770.645 |
| 9. Vay ngắn hạn | 320 | 31 | 4.262.747.629.586 | 2.950.283.971.656 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 32 | 39.138.206.618 | 11.957.159.622 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 30 | 166.983.022.347 | 166.660.443.500 |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | 7.897.819.150.320 | **8.193.478.346.872** |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 175.404.656 | 480.757.160 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 29 | 11.861.948.044 | 12.033.085.858 |
| 3. Vay và trái phiếu phát hành dài hạn | 338 | 31 | 7.442.927.598.263 | 7.830.630.395.563 |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 24 | 307.768.215.520 | 305.205.522.136 |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 32 | 135.085.983.837 | 45.128.586.155 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**
Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **8.877.472.938.557** | **7.716.019.292.896** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | **33** | **8.877.472.938.557** | **7.716.019.292.896** |
| 1. Vốn cổ phần | 411 | | 4.112.853.430.000 | 3.576.421.210.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *4.112.853.430.000* | *3.576.421.210.000* |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 174.704.336.786 | 711.136.556.786 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 81.215.380.142 | 50.847.073.442 |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 708.285.511 | 708.285.511 |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | (1.949.860.280) | (3.183.517.143) |
| 6. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 299.822.959.034 | 298.573.907.310 |
| 7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 65.403.533.120 | 65.403.533.120 |
| 8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 1.777.265.588.035 | 826.354.445.227 |
| *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | *421a* | | *746.929.466.429* | *364.771.554.741* |
| *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay* | *421b* | | *1.030.336.121.606* | *461.582.890.486* |
| 9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 2.367.449.286.209 | 2.189.757.798.643 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)** | **440** | | **24.562.870.833.213** | **20.987.644.741.128** |

| Bùi Công Thành | Trần Thị Minh Việt | Vũ Anh Dương |
|---|---|---|
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| | | *Ngày 28 tháng 3 năm 2026* |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Đơn vị: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | **36** | **13.084.794.921.097** | **10.088.901.620.619** |
| **2.** | **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)** | **10** | | **13.084.794.921.097** | **10.088.901.620.619** |
| 3. | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 37 | 10.366.022.846.651 | 7.996.507.019.628 |
| **4.** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)** | **20** | | **2.718.772.074.446** | **2.092.394.600.991** |
| 5. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 39 | 248.031.826.236 | 138.085.670.369 |
| 6. | Chi phí tài chính | 22 | 40 | 815.859.953.611 | 881.568.197.542 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu | 23 | | 682.154.126.468 | 701.206.757.837 |
| 7. | Phần lãi trong công ty liên kết | 24 | 22 | 55.552.467.394 | 45.794.608.983 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | 41 | 103.834.604.422 | 78.532.757.514 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 41 | 557.381.692.290 | 487.725.540.156 |
| **10.** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))** | **30** | | **1.545.280.117.753** | **828.448.385.131** |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | | 30.773.313.095 | 19.285.546.398 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | | 17.098.513.929 | 8.723.300.716 |
| **13.** | **Lợi nhuận khác (40=31-32)** | **40** | | 13.674.799.166 | **10.562.245.682** |
| **14.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)** | **50** | | **1.558.954.916.919** | **839.010.630.813** |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 42 | 205.174.981.324 | 124.870.818.560 |
| 16. | (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (2.306.335.661) | 4.164.418.523 |
| **17.** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)** | **60** | | **1.356.086.271.256** | **709.975.393.730** |
| | Trong đó: | | | | |
| | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 1.041.376.121.606 | 467.582.890.486 |
| | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 314.710.149.650 | 242.392.503.244 |
| **18.** | **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **70** | **43** | **2.235** | **1.001** |

| Bùi Công Thành | Trần Thị Minh Việt | Vũ Ánh Dương |
|---|---|---|
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| | | *Ngày 28 tháng 3 năm 2026* |





# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Đơn vị: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **I.** | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | ***1.558.954.916.919*** | ***839.010.630.813*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | |
| | Khấu hao và phân bổ | 02 | 881.767.230.099 | 877.613.082.201 |
| | Các khoản dự phòng | 03 | 231.933.819.617 | 72.564.007.143 |
| | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 80.547.063.341 | 135.493.717.598 |
| | Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (266.786.604.811) | (151.743.983.202) |
| | Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu | 06 | 682.154.126.468 | 701.206.757.837 |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***3.168.570.551.633*** | ***2.474.144.212.390*** |
| | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (1.233.423.027.936) | (266.543.535.144) |
| | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 52.210.881.394 | (628.938.061.378) |
| | Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 1.119.240.062.222 | 322.176.376.246 |
| | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (20.849.806.114) | 4.901.864.912 |
| | Tiền lãi vay đã trả | 14 | (646.339.270.155) | (698.053.796.352) |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (115.745.586.813) | (76.541.785.887) |
| | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (50.945.597.337) | (41.196.926.352) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***2.272.718.206.894*** | ***1.089.948.348.435*** |
| **II.** | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 1. | Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.351.813.105.984) | (446.492.057.301) |
| 2. | Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 22.544.696.969 | 31.808.133.068 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (580.794.764.695) | (1.594.612.558.972) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 145.591.180.912 | 1.337.867.672.755 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (16.545.600.000) | (90.243.900.000) |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác | 26 | 158.424.641.827 | 17.285.093.051 |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 148.592.249.631 | 98.284.542.872 |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***(1.474.000.701.340)*** | ***(646.103.074.527)*** |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 105.109.788.358 | 44.200.000.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 9.384.577.790.435 | 7.718.291.063.222 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (8.557.012.009.147) | (7.826.829.309.098) |
| 4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | (1.454.373.074) |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (203.771.573.820) | (202.587.071.346) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | **728.903.995.826** | **(268.379.690.296)** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)** | **50** | **1.527.621.501.380** | **175.465.583.612** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **2.277.327.707.879** | **2.082.217.682.721** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 5.253.531.837 | 21.550.094.963 |
| Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo | 62 | 1.233.656.863 | (1.905.653.417) |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)** | **70** | **3.811.436.397.959** | **2.277.327.707.879** |

| Bùi Công Thành | Trần Thị Minh Việt | Vũ Ánh Dương |
|---|---|---|
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| | | *Ngày 28 tháng 3 năm 2026* |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là "Sở Tài chính Thành phố Hà Nội") cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất, lần thứ 27 ngày 11 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 4.112.853.430.000 VND, tương ứng với 411.285.343 cổ phần. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PC1.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") tại ngày cuối năm là 1.708 người (tại ngày đầu năm: 1.625 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Khai thác, chế biến và bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Tập đoàn căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Tập đoàn được thực hiện trong phạm vi 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày cuối năm, Công ty có 28 công ty con cấp 1 và 3 công ty con cấp 2 như sau:

| STT | Tên công ty con | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | |
| | **Công ty con cấp 1** | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội | Hà Nội | 66,00% | 66,00% | 66,00% | 66,00% | Xây lắp điện |
| 2 | Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam | Thành phố Hồ Chí Minh | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% | Xây lắp điện |
| 3 | Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình | Hà Nội | 80,00% | 80,00% | 80,00% | 80,00% | Xây lắp điện |
| 4 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông | Hà Nội | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% | Xây lắp điện |
| 5 | Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương | Hà Nội | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% | Cung cấp dịch vụ |
| 6 | Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long | Hà Nội | 66,00% | 66,00% | 66,00% | 66,00% | Xây lắp điện |
| 7 | Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình | Ninh Bình | 66,00% | 66,00% | 66,00% | 66,00% | Xây lắp điện |
| 8 | Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | Hà Nội | 90,00% | 90,00% | 90,00% | 90,00% | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện. |
| 9 | Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu | Điện Biên | 60,00% | 60,00% | 60,00% | 60,00% | Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất và kinh doanh điện năng. |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | Hà Nội | 99,39% | 99,39% | 99,39% | 99,39% | Đầu tư, kinh doanh bất động sản |
| 11 | Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp |
| 12 | Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình | Hà Nội | 99,83% | 99,83% | 99,83% | 99,83% | Đầu tư, kinh doanh bất động sản |
| 13 | Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | Cao Bằng | 99,90% | 99,90% | 99,90% | 99,90% | Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện và điện gió |
| 14 | Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc | Cao Bằng | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% | Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện |
| 15 | Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | Quảng Trị | 55,54% | 55,54% | 55,54% | 55,54% | Sản xuất điện từ năng lượng gió |





| STT | Tên công ty con | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | |
| 16 | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy | Quảng Trị | 54,70% | 54,70% | 54,70% | 54,70% | Sản xuất điện từ năng lượng gió |
| 17 | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | Quảng Trị | 54,73% | 54,73% | 54,73% | 54,73% | Sản xuất điện từ năng lượng gió |
| 18 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% | Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện |
| 19 | Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | Cao Bằng | 57,27% | 57,27% | 57,27% | 57,27% | Khai khoáng |
| 20 | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm | Cao Bằng | 60,00% | 60,00% | 60,00% | 60,00% | Sản xuất và kinh doanh điện năng |
| 21 | Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại | Hà Nội | 99,75% | 99,75% | 99,75% | 99,75% | Đầu tư kinh doanh bất động sản |
| 22 | Asia Dragon Trading Pte. Ltd. | Singapore | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% | Bán buôn kim loại và quặng kim loại |
| 23 | Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | Hải Phòng | 70,00% | 70,00% | 70,00% | 70,00% | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp |
| 24 | Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng | Hải Phòng | 99,96% | 99,96% | 99,96% | 99,96% | Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp |
| 25 | PC1 Australia Pty Ltd | Australia | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% | Kinh doanh sản phẩm thép |
| 26 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp PC1 - Hải Phòng (i) | Hải Phòng | 98,00% | 98,00% | - | - | Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp |
| 27 | PC1 Philippines Inc. (ii) | Philippines | 99,98% | 99,98% | - | - | Cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng nhà máy điện năng lương tái tạo |
| 28 | Công ty Cổ phần PC1 Năng lượng xanh (iii) | Hà Nội | 60,00% | 60,00% | - | - | Xây dựng công trình điện |
| 29 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc (iv) | Hà Nội | - | - | 100,00% | 100,00% | Xây lắp điện |
| 30 | Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ (iv) | Hà Nội | - | - | 99,95% | 99,95% | Đầu tư, kinh doanh bất động sản |
| | **Công ty con cấp 2** | | | | | | |
| | **Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh** | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên | Thái Nguyên | 81,00% | 90,00% | 81,00% | 90,00% | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghệ Kết cấu thép Quốc tế (v) | Thái Nguyên | 49,50% | 55,00% | - | - | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại |
| | **Công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam** | | | | | | |
| 3 | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm | Hà Nội | 80,00% | 100,00% | 80,00% | 100,00% | Xây lắp điện |

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/NQ-PC1-HĐQT ngày 07 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp PC1 - Hải Phòng với số tiền là 19.600.000.000 VND, tương ứng với 98% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã thực góp số tiền là 5.000.000.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 42/NQ-PC1-HĐQT ngày 02 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc góp vốn thành lập PC1 Philippines Inc. với số tiền là 109.980.000 PHP, tương ứng với 99,98% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã thực góp số tiền quy đổi là 48.932.003.976 VND.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/NQ-PC1-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần PC1 Năng lượng xanh với số tiền là 6.000.000.000 VND, tương ứng với 60% vốn điều lệ. Trong tháng 01 năm 2026, Công ty đã thực góp số tiền là 6.000.000.000 VND.

(iv) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc và cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ (chi tiết tại Thuyết minh 5).

(v) Theo Biên bản phiên họp Hội đồng Thành viên lần thứ 64 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh, công ty con cấp 1 của Công ty, Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Kết cấu thép Quốc tế với số tiền là 82.500.000.000 VND, tương ứng 55% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh đã thực góp số tiền là 82.500.000.000 VND.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 38/NQ-PC1-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Điện mặt trời Điện Biên với số tiền là 3.000.000.000 VND, tương ứng với 60% vốn điều lệ. Sau đó, Công ty con này đã được Sở Tài chính Tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2026, với vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND. Trong tháng 02 năm 2026, Công ty đã thực góp số tiền là 3.000.000.000 VND vào công ty con này.

Tại ngày cuối năm, Công ty có 5 công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (chi tiết tại Thuyết minh 22) bao gồm:



| STT | Tên công ty liên kết | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | |
| 1 | Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | Cao Bằng | 25,09% | 25,09% | 25,09% | 25,09% | Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 (i) | Hà Nội | 49,00% | 49,00% | 49,00% | 49,00% | Đầu tư kinh doanh bất động sản |
| 3 | Công ty Cổ phần Western Pacific | Thành phố Hồ Chí Minh | 30,08% | 30,08% | 30,08% | 30,08% | Đầu tư Bất động sản khu công nghiệp |
| 4 | Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Vũng Tàu (trước đây là "Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình") | Thành phố Hồ Chí Minh | 36,00% | 36,00% | 36,00% | 36,00% | Cho thuê kho, nhà xưởng, lưu giữ hàng hóa |
| 5 | Công ty Cổ phần Tân Thanh (ii) | Ninh Bình | 40,00% | 40,00% | - | - | Khai thác đá, cát, sỏi, đất; chế biến đá các loại |

(i) Ngày 05 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 07/NQ-PC1-HĐQT về việc chấm dứt khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 ("CT2"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giao dịch thanh lý khoản đầu tư tại CT2 đã được hoàn tất.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-PC1-HĐQT ngày 03 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng 1.200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tân Thanh tương ứng với 40% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng số cổ phần kể trên với giá trị chuyển nhượng là 16.545.600.000 VND.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước);
- Thông tư số 75/2015/TT -BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Tập đoàn cho các năm tài chính trong tương lai, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.





## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh và sự kiểm soát này là lâu dài. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất (nếu có) được ghi nhận vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm. Hàng năm, Tập đoàn thực hiện đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, công ty liên kết nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.





### Chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Theo các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam, báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang báo cáo tài chính lập bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn góp chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 2%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng hoặc các đối tượng khác khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng phản ánh phần chênh lệch giữa lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm tài chính và các hóa đơn phát hành theo tiến độ.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Đối với hoạt động xây lắp và xây dựng: chi phí thi công xây dựng, các chi phí trực tiếp và chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng.

- Đối với hoạt động sản xuất công nghiệp và khai khoáng: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Đối với hoạt động thương mại: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: tiền thuê đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chi phí xây dựng nhà và công trình trên đất, chi phí thiết kế, chi phí tư vấn, chi phí lãi vay được vốn hóa và các chi phí trực tiếp khác phát sinh liên quan đến việc đầu tư, xây dựng bất động sản đến khi sẵn sàng để bán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.





Đối với hoạt động xây lắp và xây dựng, trong trường hợp hợp đồng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng được ghi nhận đối với các chi phí đã phát sinh nhưng chưa được khách hàng xác nhận tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | **Số năm** |
|---|---|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 03 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 20 |
| Phương tiện vận tải | 04 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 02 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 03 - 07 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

*Tập đoàn là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

*Tập đoàn là bên đi thuê*

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác và vận hành khu công nghiệp, quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

*Quyền khai thác khoáng sản*

Quyền khai thác khoáng sản phản ánh giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản tại mỏ Niken - đồng phát sinh từ hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát, công ty con của Tập đoàn. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp phân bổ dựa trên sản lượng khai thác.

*Quyền khai thác và vận hành khu công nghiệp*

Quyền khai thác và vận hành khu công nghiệp phát sinh từ hợp nhất kinh doanh Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng, công ty con của Tập đoàn. Quyền khai thác và vận hành khu công nghiệp Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 22 năm.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 44 đến 49 năm. Tập đoàn không trích khấu hao quyền sử dụng đất vô thời hạn.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

## Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, chung cư cho thuê và nhà xưởng do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa bất động sản đầu tư đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | **Số năm** |
|---|---|
| Quyền sử dụng đất | 48 |
| Chung cư cho thuê | 05 - 30 |
| Nhà xưởng | 30 |

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang





Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí mua sắm tài sản cố định chưa hoàn thành, lắp đặt và đưa vào sử dụng và các tài sản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản trong trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thuê hạ tầng, tiền thuê đất trả trước, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí giải phòng mặt bằng thể hiện chi phí bồi thường giải phòng mặt bằng của các nhà máy thủy điện và nhà máy điện gió. Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn. Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Tập đoàn phải nộp hàng năm theo các thông báo của Thuế tỉnh Cao Bằng, Thuế tỉnh Tuyên Quang (trước đây là Cục thuế tỉnh Hà Giang) và Thuế tỉnh Điện Biên trong khoảng thời gian từ 11 đến 67 năm. Chi phí giải phòng mặt bằng của các nhà máy điện gió được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí thuê hạ tầng, tiền thuê đất trả trước, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Dự phòng về chi phí bảo hành*

Dự phòng về chi phí bảo hành liên quan tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng còn trong thời hạn bảo hành và Công ty vẫn có nghĩa vụ phải sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng bảo hành được thực hiện cho từng dự án hoàn thành và bàn giao trong năm. Khoản dự phòng bảo hành được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung. Trường hợp số dự phòng phải trả về bảo hành đã lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên việc ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và công trình xây dựng tương tự.

*Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mỏ*

Tập đoàn có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường tại mỏ niken - đồng thuộc khu vực xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng, bao gồm cải tạo, phục hồi môi trường khu khai thác, khu bãi thải đất đá,

mặt bằng sân công nghiệp, một số khu vực ngoài biên giới mỏ và một số nghĩa vụ duy tu, bảo trì, cải tạo khác.

Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại. Trong đó, giá trị dự kiến của dòng tiền được dựa trên dự toán kinh phí cài tạo môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác.

*Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn*

Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận cho các hợp đồng trong đó các khoản chi phí không thể tránh được và việc phải thi hành các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế thu được từ hợp đồng đó. Chi phí bắt buộc phải trả để thực hiện nghĩa vụ hợp đồng phản ánh chi phí thấp nhất nếu tiếp tục hợp đồng. Mức chi phí đó sẽ thấp hơn mức chi phí để thực hiện hợp đồng kể cả các khoản đền bù phát sinh do việc không thực hiện được hợp đồng.

*Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc năm tài chính. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

## Trái phiếu phát hành

Tập đoàn phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chi phí phát hành trái phiếu. Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

## Vốn chủ sở hữu

*Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

*Các quỹ tại doanh nghiệp*

Một phần lợi nhuận được sử dụng để trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.





## Ghi nhận doanh thu

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Đối với hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với hợp đồng xây dựng được thanh toán theo theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng bao gồm doanh thu bán tinh quặng khoáng sản, doanh thu bán điện và doanh thu bán hàng hóa vật tư, thành phẩm khác.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Bất động sản đã hoàn thành và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu khai thác, vận hành khu công nghiệp, doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê và các doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## Thuế





Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện hành và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty liên kết và công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

## 5. THOÁI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TY CON

***Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc***

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 50/NQ-PC1-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp kể trên cho một cá nhân. Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát và lãi từ hoạt động chuyển nhượng như sau:

| | Giá trị ghi sổ tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát |
|---|---|
| | VND |
| Tiền | 839.192.223 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 30.592.886.660 |
| Hàng tồn kho | 326.667.207 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 225.218 |
| Tài sản cố định hữu hình | 609.024.788 |
| Tài sản dài hạn khác | 1.280.326 |
| **Tổng tài sản** | **32.369.276.422** |
| Nợ ngắn hạn | 23.572.411.130 |
| **Tổng nợ phải trả** | **23.572.411.130** |
| **Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ** | **8.796.865.292** |
| Lãi từ hoạt động thoái vốn đầu tư công ty con | 203.134.708 |
| **Giá trị chuyển nhượng** | **9.000.000.000** |
| Tiền giảm do mất quyền kiểm soát công ty con | (839.192.223) |
| Phải thu cá nhân nhận chuyển nhượng công ty con | (2.000.000.000) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ thoái vốn đầu tư công ty con** | **6.160.807.777** |





***Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ***

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ-PC1-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 11.940.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ. Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng số cổ phần kể trên cho một số cá nhân. Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát và lãi từ hoạt động chuyển nhượng như sau:

| | Giá trị ghi sổ tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát |
|---|---|
| | VND |
| Tiền | 836.128.450 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 123.071.189.496 |
| Hàng tồn kho | 14.399.687.700 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.435.111.846 |
| **Tổng tài sản** | **139.742.117.492** |
| Nợ ngắn hạn | 1.562.830.385 |
| **Tổng nợ phải trả** | **1.562.830.385** |
| **Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ** | **138.179.287.107** |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát | (69.089.644) |
| Lợi thế thương mại chưa phân bổ | 8.904.113.508 |
| Lãi từ hoạt động thoái vốn đầu tư công ty con | 52.985.639.029 |
| **Giá trị chuyển nhượng** | **199.999.950.000** |
| Tiền giảm do mất quyền kiểm soát công ty con | (836.128.450) |
| Phải thu cá nhân nhận chuyển nhượng công ty con | (49.999.987.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ thoái vốn đầu tư công ty con | 149.163.834.050 |

## 6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 13.822.647.138 | 32.254.830.129 |
| Tiền gửi ngân hàng | 607.594.050.821 | 702.327.877.750 |
| Tiền đang chuyển | 2.622.700.000 | - |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 3.187.397.000.000 | 1.542.745.000.000 |
| | 3.811.436.397.959 | 2.277.327.707.879 |

(i) Tại ngày cuối năm, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0%/năm đến 4,8%/năm (tại ngày đầu năm: 1,6%/năm đến 4,75%/năm). Tập đoàn đã thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày cuối năm để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 31).

## 7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| | Giá gốc/Giá trị ghi sổ | Giá gốc/Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 1.459.344.220.559 | 1.016.759.191.654 |
| | **1.459.344.220.559** | **1.016.759.191.654** |

Tại ngày cuối năm, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,7%/năm đến 7,9%/năm (tại ngày đầu năm: từ 1,0%/năm đến 9,5%/năm). Tập đoàn đã thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày cuối năm để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 31).

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung | 280.114.418.285 | 139.310.796.227 |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 260.630.293.850 | 263.669.955.793 |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc | 237.892.711.552 | 95.618.342.792 |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam | 227.785.489.857 | 79.023.533.034 |
| Ban Quản lý Dự án điện 3 | 213.715.482.704 | 118.049.317.475 |
| Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội | 147.219.971.026 | 234.656.351.299 |
| Các đối tượng khác | 1.661.010.965.229 | 1.084.861.580.279 |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 3.028.369.332.503 | 2.015.189.876.899 |
| **Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan** (Chi tiết tại Thuyết minh số 44) | 29.339.047.112 | 28.457.138.160 |

Tập đoàn đã thế chấp một số khoản phải thu của khách hàng tại ngày cuối năm để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 31).

## 9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát | 105.988.840.482 | 105.988.840.482 |
| Công ty TNHH Hệ thống Truyền tải và Phân phối Toshiba Việt Nam | 60.765.677.600 | - |
| Các đối tượng khác | 371.030.523.774 | 350.280.584.221 |
| Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát | 537.785.041.856 | 456.269.424.703 |
| Trong đó: Trả trước ngắn hạn cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 44) | 978.132.269 | 2.686.454.802 |





## 10. PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc năm tài chính:** | | |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 7.467.863.467 | 9.187.149.775 |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | (850.614.873) |
| | **7.467.863.467** | **8.336.534.902** |
| Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận | 200.008.935.788 | 194.118.334.474 |
| Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ | (192.541.072.321) | (185.781.799.572) |
| | **7.467.863.467** | **8.336.534.902** |

## 11. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Tất Cường (i) | 185.000.000.000 | 305.725.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng xanh Toàn Cầu | 1.580.567.330 | 2.588.410.051 |
| Đối tượng khác | 1.000.000.000 | 1.230.000.000 |
| | **187.580.567.330** | **309.543.410.051** |

(i) Phản ánh số tiền các công ty con của Tập đoàn cho ông Nguyễn Tất Cường vay theo các thỏa thuận vay và các phụ lục gia hạn đến Quý 2/2026 và Quý 3/2026. Khoản cho vay hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 6,0%/năm và được bảo đảm bằng cổ phiếu niêm yết của một cá nhân khác và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của 2 bất động sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Tất Cường.

## 12. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (i) | 575.883.018.338 | 170.802.845.302 |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 74.013.089.464 | 53.533.562.158 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 63.862.805.258 | 118.427.028.832 |
| Phải thu về chuyển nhượng công ty con | 51.999.987.500 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 30.609.529.007 | 18.823.501.517 |
| Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy Công trình | 16.437.272.984 | 18.596.869.461 |
| Phải thu về cổ tức từ công ty liên kết | 1.428.000 | 33.029.268.000 |
| Phải thu khác | 12.502.564.772 | 3.659.959.196 |
| | 825.309.695.323 | 416.873.034.466 |
| **Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan** (Chi tiết tại Thuyết minh số 44) | 1.428.000 | 33.029.268.000 |
| **b. Dài hạn** | | |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 16.922.827.065 | 32.830.193.500 |
| | 16.922.827.065 | 32.830.193.500 |

(i) Phản ánh các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng của dự án bất động sản, dự án năng lượng của Tập đoàn.

## 13. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| | Số cuối năm VND | | Số đầu năm VND | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| **Khách hàng theo lĩnh vực:** | | | | |
| Xây lắp và xây dựng | 160.670.761.585 | 5.955.773.118 | 80.432.799.977 | - |
| Khác | 17.411.223.989 | - | 14.627.331.872 | - |
| | 178.081.985.574 | 5.955.773.118 | 95.060.131.849 | - |
| | | | | - |
| Dự phòng | 172.126.212.456 | | 95.060.131.849 | - |

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu.

## 14. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm VND | | Số đầu năm VND | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Hàng mua đang đi đường | 12.181.640.239 | - | 21.640.946.639 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 192.410.041.984 | (124.541.639) | 162.915.930.790 | (132.033.826) |
| Công cụ, dụng cụ | 84.864.068.671 | - | 69.274.218.598 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i) | 987.852.092.278 | (37.210.485.856) | 1.189.241.573.075 | - |
| Thành phẩm | 234.385.821.084 | - | 141.134.751.701 | - |
| Hàng hoá | 9.139.356.350 | - | 3.527.043.501 | - |
| | **1.520.833.020.606** | **(37.335.027.495)** | **1.587.734.464.304** | **(132.033.826)** |

Tập đoàn đã thế chấp một phần hàng tồn kho tại ngày cuối năm để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 31).





(i) Chi tiết các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **Hoạt động kinh doanh bất động sản** | 464.351.815.726 | 637.750.974.807 |
| *Dự án xây nhà ở Tháp Vàng* | 448.058.483.591 | 607.095.061.671 |
| *Các dự án khác* | 16.293.332.135 | 30.655.913.136 |
| **Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp** | 437.234.408.840 | 446.703.858.416 |
| *Tổng thầu Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ Mở rộng 110kV tại Trạm biến áp 220kV Năm Căn* | 54.087.372.336 | 42.014.157.613 |
| *Các dự án khác* | 383.147.036.504 | 404.689.700.803 |
| **Hoạt động sản xuất công nghiệp** | **81.293.092.511** | **92.561.598.050** |
| **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác** | **4.972.775.201** | **12.225.141.802** |
| | **987.852.092.278** | **1.189.241.573.075** |

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án xây nhà ở Tháp Vàng với giá trị là 26 tỷ VND.

## 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 3.187.372.535 | 3.105.334.421 |
| Các khoản khác | 18.955.394.868 | 14.603.452.796 |
| | **22.142.767.403** | **17.708.787.217** |
| **b. Dài hạn** | | - |
| Chi phí giải phóng mặt bằng các Nhà máy Thủy điện (i) | 103.668.974.832 | 106.521.178.163 |
| Chi phí thuê hạ tầng | 58.775.469.010 | 60.435.592.483 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 36.181.996.820 | 21.079.855.280 |
| Tiền thuê đất trả trước | 19.177.009.123 | 20.684.125.197 |
| Chi phí giải phóng mặt bằng các Nhà máy Điện gió | 12.277.520.109 | 12.557.715.349 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 11.927.999.813 | 7.215.000.586 |
| Các khoản khác | 89.454.116.559 | 62.437.034.807 |
| | **331.463.086.266** | **290.930.501.865** |

(i) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Thuế tỉnh Cao Bằng, Thuế tỉnh Tuyên Quang (trước đây là "Cục thuế tỉnh Hà Giang") và Thuế tỉnh Điện Biên.

## 26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm VND | Số phải nộp đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số phải thu cuối năm VND | Số phải nộp cuối năm VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 24.351.505.334 | 381.159.986.009 | 344.719.476.546 | - | 60.792.014.797 |
| Thuế xuất khẩu, nhập khẩu | - | 23.895.402.792 | 284.984.747.470 | 308.880.629.894 | 479.632 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 760.222.543 | 101.631.575.528 | 205.174.981.324 | 115.745.586.813 | 800.420.253 | 191.101.167.749 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 93.958.862 | 1.848.056.380 | 28.952.923.557 | 25.762.231.657 | 2.668.000 | 4.947.457.418 |
| Thuế tài nguyên | - | 70.771.411.853 | 213.582.837.181 | 258.130.661.962 | - | 26.223.587.072 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 276.055.170 | - | 6.898.613.225 | 6.864.121.091 | 241.563.036 | - |
| Các loại thuế, phí và lệ phí khác | 43.271.240 | 7.667.610.463 | 93.776.032.525 | 88.386.724.456 | 43.271.240 | 13.056.918.532 |
| | **1.173.507.815** | **230.165.562.350** | **1.214.530.121.291** | **1.148.489.432.419** | **1.088.402.161** | **296.121.145.568** |



## 17. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Khác VND | Tổng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **4.714.382.444.094** | **7.344.413.826.175** | **465.545.080.308** | **35.689.385.459** | **57.327.651.874** | **12.617.358.387.910** |
| Mua trong năm | 1.466.364.719 | 100.681.721.835 | 44.120.033.819 | 2.296.565.236 | 1.458.500.000 | 150.023.185.609 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 6.217.550.786 | 2.809.773.519 | 556.636.479 | - | - | 9.583.960.784 |
| Thanh lý, nhượng bán | (7.803.114.369) | (1.477.951.348) | (1.730.068.812) | (59.660.000) | - | (11.070.794.529) |
| Xóa sổ | (364.120.367) | - | - | - | - | (364.120.367) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (524.426.951) | (2.198.669.190) | (2.712.858.990) | (43.950.000) | - | (5.479.905.131) |
| **Số dư cuối năm** | **4.713.374.697.912** | **7.444.228.700.991** | **505.778.822.804** | **37.882.340.695** | **58.786.151.874** | **12.760.050.714.276** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **1.234.219.041.781** | **1.984.420.861.039** | **355.456.788.591** | **22.557.451.279** | **49.908.329.302** | **3.646.562.471.992** |
| Khấu hao trong năm | 279.506.904.521 | 446.726.887.691 | 28.699.652.845 | 3.882.155.605 | 3.487.343.385 | 762.302.944.047 |
| Phân loại lại | (24.035.141.334) | 24.035.141.334 | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | (7.514.397.861) | (604.826.238) | (1.730.068.812) | (59.660.000) | - | (9.908.952.911) |
| Xóa sổ | (364.120.367) | - | - | - | - | (364.120.367) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (523.314.718) | (2.112.270.148) | (2.199.563.550) | (35.731.927) | - | (4.870.880.343) |
| **Số dư cuối năm** | **1.481.288.972.022** | **2.452.465.793.678** | **380.226.809.074** | **26.344.214.957** | **53.395.672.687** | **4.393.721.462.418** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **3.480.163.402.313** | **5.359.992.965.136** | **110.088.291.717** | **13.131.934.180** | **7.419.322.572** | **8.970.795.915.918** |
| **Tại ngày cuối năm** | **3.232.085.725.890** | **4.991.762.907.313** | **125.552.013.730** | **11.538.125.738** | **5.390.479.187** | **8.366.329.251.858** |

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm với giá trị là 714 tỷ VND (tại ngày đầu năm: 670 tỷ VND).

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày cuối năm là 8.134 tỷ VND (tại ngày đầu năm: 8.750 tỷ VND) để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 31).

## 18. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền khai thác khoáng sản VND | Quyền khai thác, vận hành khu công nghiệp VND | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **977.536.296.866** | **385.284.021.525** | **14.249.528.442** | **6.123.942.600** | **105.331.819** | **1.383.299.121.252** |
| Mua trong năm | - | - | - | 2.711.006.600 | - | 2.711.006.600 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | 7.695.000.000 | - | - | 7.695.000.000 |
| **Số dư cuối năm** | **977.536.296.866** | **385.284.021.525** | **21.944.528.442** | **8.834.949.200** | **105.331.819** | **1.393.705.127.852** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **158.320.169.371** | **37.317.087.120** | **6.562.206.690** | **5.114.779.329** | **105.331.819** | **207.419.574.329** |
| Khấu hao trong năm | 45.120.514.712 | 17.418.614.787 | 269.749.116 | 509.299.321 | - | 63.318.177.936 |
| **Số dư cuối năm** | **203.440.684.083** | **54.735.701.907** | **6.831.955.806** | **5.624.078.650** | **105.331.819** | **270.737.752.265** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **819.216.127.495** | **347.966.934.405** | **7.687.321.752** | **1.009.163.271** | **-** | **1.175.879.546.923** |
| **Tại ngày cuối năm** | **774.095.612.783** | **330.548.319.618** | **15.112.572.636** | **3.210.870.550** | **-** | **1.122.967.375.587** |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết tại ngày cuối năm nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4,3 tỷ VND (tại ngày đầu năm: 2,6 tỷ VND).







## 19. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

| | Quyền sử dụng đất VND | Chung cư cho thuê VND | Nhà xưởng tiêu chuẩn cho thuê VND | Tổng VND |
|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **4.974.479.862** | **136.414.749.819** | **395.357.617.000** | **536.746.846.681** |
| Mua trong năm | - | 56.014.393 | - | 56.014.393 |
| **Số dư cuối năm** | **4.974.479.862** | **136.470.764.212** | **395.357.617.000** | **536.802.861.074** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **2.789.145.861** | **54.942.728.312** | **366.912.390.245** | **424.644.264.418** |
| Khấu hao trong năm | 104.177.436 | 5.038.301.368 | 13.178.587.476 | 18.321.066.280 |
| **Số dư cuối năm** | **2.893.323.297** | **59.981.029.680** | **380.090.977.721** | **442.965.330.698** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **2.185.334.001** | **81.472.021.507** | **28.445.226.755** | **112.102.582.263** |
| **Tại ngày cuối năm** | **2.081.156.565** | **76.489.734.532** | **15.266.639.279** | **93.837.530.376** |

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm cần được trình bày. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa đánh giá và trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết tại ngày cuối năm nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7 tỷ VND (tại ngày đầu năm: 7 tỷ VND).

## 20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

Chi phi sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của dự án đang được triển khai bởi Tập đoàn.

## 21. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Dự án thủy điện Bảo Lạc A | 500.756.452.813 | 76.972.368.337 |
| Dự án thủy điện Thượng Hà | 317.409.836.700 | 22.230.259.134 |
| Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép Quốc Tế | 255.213.076.020 | - |
| Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken - Đồng | 29.106.481.467 | 24.467.389.358 |
| Các dự án khác | 47.260.743.216 | 46.352.558.758 |
| | **1.149.746.590.216** | **170.022.575.587** |

Tập đoàn đã thế chấp toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án thủy điện Bảo Lạc A, Dự án thủy điện Thượng Hà và Dự án nhà máy sản xuất kết cấu thép Quốc tế tại ngày cuối năm để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 31).

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 19 tỷ VND.

## 22. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | Số cuối năm VND | | | Số đầu năm VND | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Western Pacific | 1.200.243.900.000 | 1.361.974.154.251 | (i) | 1.200.243.900.000 | 1.253.444.218.798 | (i) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | (i) | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | (i) |
| Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | 124.748.756.168 | 34.924.178.009 | (i) | 124.748.756.168 | 86.390.209.542 | (i) |
| Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Vũng Tàu | 68.400.000.000 | 67.657.359.921 | (i) | 68.400.000.000 | 68.400.000.000 | (i) |
| Công ty Cổ phần Tân Thanh | 16.545.600.000 | 16.217.639.252 | (i) | - | - | (i) |
| | 1.709.938.256.168 | 1.780.773.331.433 | | 1.693.392.656.168 | 1.708.234.428.340 | |

(i) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty này.

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

| | Công ty Cổ phần Western Pacific VND | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 VND | Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng VND | Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Vũng Tàu VND | Công ty Cổ phần Tân Thanh VND | Tổng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **1.253.444.218.798** | **300.000.000.000** | **86.390.209.542** | **68.400.000.000** | **-** | **1.708.234.428.340** |
| Đầu tư trong năm | - | - | - | - | 16.545.600.000 | 16.545.600.000 |
| Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết | 108.089.099.754 | - | (51.466.031.533) | (742.640.079) | (327.960.748) | 55.552.467.394 |
| Biến động do thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết | 440.835.699 | - | - | - | - | 440.835.699 |
| **Số cuối năm** | **1.361.974.154.251** | **300.000.000.000** | **34.924.178.009** | **67.657.359.921** | **16.217.639.252** | **1.780.773.331.433** |





## 24. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

| | Thuế suất | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|---|
| ***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*** | | | |
| **Chênh lệch tạm thời phát sinh từ:** | | | |
| Hàng tồn kho | 20% | 933.321.513 | 1.120.138.530 |
| Tài sản cố định | 20% | 25.809.058.418 | 27.517.011.859 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 20% | 5.134.498.059 | 1.169.977.722 |
| Các khoản khác | 20% | 3.273.072.326 | 473.793.162 |
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | | **35.149.950.316** | **30.280.921.273** |
| ***Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*** | | | |
| **Chênh lệch tạm thời phát sinh từ:** | | | |
| Tài sản cố định | 20% | 159.091.416.215 | 164.298.912.250 |
| Tài sản cố định | 10% | 33.281.057.976 | 35.100.407.888 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 20% | 19.225.329.373 | 7.465.603.887 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 20% | 40.509.837.431 | 40.509.837.431 |
| Lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư tài chính từ công ty liên kết thành công ty con | 20% | 52.402.000.000 | 52.402.000.000 |
| Các khoản khác | 20% | 3.258.574.525 | 5.428.760.680 |
| **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả** | | **307.768.215.520** | **305.205.522.136** |

## 25. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | Lợi thế thương mại VND |
|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | |
| **Số dư đầu năm** | **440.096.768.989** |
| Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con | (35.616.454.034) |
| **Số dư cuối năm** | **404.480.314.955** |
| **PHÂN BỔ LŨY KẾ** | |
| **Số dư đầu năm** | **258.849.104.831** |
| Phân bổ trong năm | 35.094.373.832 |
| Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con | (26.712.340.526) |
| **Số dư cuối năm** | **267.231.138.137** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | |
| **Tại ngày đầu năm** | **181.247.664.158** |
| **Tại ngày cuối năm** | **137.249.176.818** |

## 26. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| | Giá trị/Số có khả năng trả nợ | Giá trị/Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH Hệ thống Truyền tải và Phân phối Toshiba Việt Nam | 173.585.852.880 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu điện Nam Hà Nội | 115.346.753.721 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hòa Thịnh | 95.215.353.923 | 50.562.242.897 |
| Các đối tượng khác | 1.420.300.130.463 | 1.070.102.116.892 |
| | **1.804.448.090.987** | **1.120.664.359.789** |
| **Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan** (chi tiết tại Thuyết minh số 44) | 13.892.775.297 | 32.306.117.963 |

## 27. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Người mua trả tiền trước nhận chuyển nhượng bất động sản | 269.587.629.949 | - |
| Công ty Cổ phần Năng lượng VPL | 116.000.000.000 | - |
| Cornerstone Energy Development, Inc | 78.344.378.132 | - |
| Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam | 51.790.053.977 | 21.360.763.271 |
| Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam | 8.294.381.430 | 66.904.600.092 |
| Các đối tượng khác | 264.008.232.438 | 210.944.388.143 |
| | **788.024.675.926** | **299.209.751.506** |

## 28. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Chi phí trích trước giá vốn dự án bất động sản | 65.239.570.508 | - |
| Chi phí trích trước lãi vay | 61.413.775.796 | 55.406.703.006 |
| Chi phí trích trước các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp | 20.148.182.523 | 9.664.512.412 |
| Chi phí trích trước hoạt động khai thác quặng | 9.296.547.291 | 8.613.272.911 |
| Chi phí phải trả khác | 4.550.176.698 | 9.360.638.573 |
| | **160.648.252.816** | **83.045.126.902** |





## 29. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 51.737.851.398 | 15.884.868.933 |
| Phải trả lãi vay | 12.246.575.342 | 6.246.575.342 |
| Phải trả các tổ đội xây lắp, ban chỉ huy công trình | 8.918.846.736 | 19.415.879.856 |
| Thù lao của Hội đồng Quản trị | 7.212.000.000 | 3.826.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.242.866.800 | 56.337.343.594 |
| Kinh phí công đoàn | 2.007.168.479 | 2.152.993.283 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 164.382.594 | 66.665.566 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 44.512.941.971 | 5.844.444.071 |
| | 129.042.633.320 | 109.774.770.645 |
| **b. Dài hạn** | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 11.861.948.044 | 12.033.085.858 |
| | 11.861.948.044 | 12.033.085.858 |

## 30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| **Số dư đầu năm** | **166.660.443.500** | **184.692.725.750** |
| Trích lập trong năm | 51.404.364.355 | 18.380.644.102 |
| Sử dụng trong năm | (51.081.785.508) | (36.412.926.352) |
| **Số dư cuối năm** | **166.983.022.347** | **166.660.443.500** |

## 31. VAY

### 31.1. VAY NGẮN HẠN

| | Số đầu năm VND | Trong năm VND | | | Số cuối năm VND |
|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND | Tăng | Giảm | Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn (i) | 2.103.518.847.508 | 8.243.913.047.033 | (7.246.814.076.393) | - | 3.100.617.818.148 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 846.765.124.148 | 1.126.247.782.764 | (813.037.932.752) | 2.154.837.278 | 1.162.129.811.438 |
| | **2.950.283.971.656** | **9.370.160.829.797** | **(8.059.852.009.145)** | **2.154.837.278** | **4.262.747.629.586** |

(i) Vay ngắn hạn phản ánh các khoản vay có thời gian vay dưới 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Một số khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định như trình bày tại Thuyết minh 7, 8, 14 và 17 và bảo lãnh bởi cá nhân có liên quan. Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

| | Loại tiền | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | 1.312.542.964.120 | 757.606.557.645 |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC | VND | 493.689.156.824 | 98.415.102.212 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 376.229.887.961 | 252.648.011.672 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | VND | 292.951.716.586 | 341.644.138.655 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | 195.847.085.389 | 191.093.418.913 |
| Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | VND | 185.857.604.189 | - |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | VND | 141.290.586.339 | 196.861.263.264 |
| Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) | VND | 64.550.769.895 | 2.797.252.789 |



| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Quân đội | VND | 23.491.299.466 | 90.023.511.038 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | VND | 6.617.597.379 | 820.230.564 |
| Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội | VND | - | 171.609.360.756 |
| Các đối tượng khác | VND | 7.549.150.000 | - |
| | | **3.100.617.818.148** | **2.103.518.847.508** |

### 31.2. VAY VÀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH DÀI HẠN

| | Số đầu năm VND | Trong năm VND | | | | Số cuối năm VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND | Tăng | Giảm | Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu | Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn (i) | 7.488.722.401.619 | 1.140.664.743.402 | (1.310.197.932.754) | 92.408.611.156 | - | 7.411.597.823.423 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 1.188.673.118.092 | - | - | - | 4.786.468.186 | 1.193.459.586.278 |
| | **8.677.395.519.711** | **1.140.664.743.402** | **(1.310.197.932.754)** | **92.408.611.156** | **4.786.468.186** | **8.605.057.409.701** |
| **Trong đó:** | | | | | | |
| - Số phải trả trong vòng 12 tháng | *846.765.124.148* | | | | | *1.162.129.811.438* |
| - Số phải trả sau 12 tháng | *7.830.630.395.563* | | | | | *7.442.927.598.263* |

(i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất | Năm đáo hạn | Tài sản đảm bảo | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Asian Development Bank - B Loan | USD | Lãi suất thả nổi: SOFR kỳ hạn 3 tháng và biên độ | 2035 | Tài sản hình thành từ dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 1.378.106.063.962 | 1.660.238.919.837 |
| Asian Development Bank - A Loan | USD | Lãi suất cố định 5,5103%-5,517%/năm | 2035 | Tài sản hình thành từ dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 595.477.957.511 | 717.387.217.208 |

| | Loại tiền | Lãi suất | Năm đáo hạn | Tài sản đảm bảo | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Export Finance Australia | USD | Lãi suất cố định 4,65%-5,02%/năm | 2035 | Tài sản hình thành từ dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 544.436.973.438 | 655.896.867.534 |
| Japan International Cooperation Agency | USD | Lãi suất thả nổi: SOFR kỳ hạn 6 tháng và biên độ | 2035 | Tài sản hình thành từ dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 425.352.317.040 | 512.423.628.257 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (**) | 2029 | Toàn bộ cổ phần của PC1 tại Asia Dragon Trading Pte. Ltd. và Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | 516.000.000.000 | 541.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Mông Ân | 319.305.979.418 | 372.585.979.418 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (***) | 2030 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 | 292.968.395.700 | 338.968.395.700 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2030 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A | 114.112.523.972 | 145.862.523.972 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Nhà máy tuyển quặng Niken-Đồng | 628.905.248.588 | 818.905.248.588 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (**) | 2028 | Tài sản hình thành từ Dự án Tháp Vàng, Phú Thị | 368.054.116.104 | 350.054.116.104 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (**) | 2032 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và tài sản hình thành từ dự án NHIZ giai đoạn 2 | 290.194.954.720 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lạc B | 237.426.568.179 | 274.986.568.179 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lạc B và dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 | 220.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 | 50.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lạc B | 50.000.000.000 | - |

| | Loại tiền | Lãi suất | Năm đáo hạn | Tài sản đảm bảo | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | (*) | 2028 | Tài sản hình thành từ Dự án nhà máy mạ kẽm Thái Nguyên | 44.525.207.755 | 48.965.207.755 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | (**) | 2039 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lạc A | 377.331.123.369 | 128.513.687.186 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | (**) | 2039 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Thượng Hà | 227.124.170.060 | 62.355.142.561 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | (***) | 2029 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Trung Thu | 179.552.000.000 | 224.440.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | (*) | 2033 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4 | 120.000.000.000 | 132.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | Lãi suất 8%/năm; điều chỉnh 6 tháng/lần | 2028 | Cầu 800 tấn ZCC9800W | 31.200.000.000 | 40.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | VND | Lãi suất cố định 9%/năm | 2025 | Không có tài sản bảo đảm | - | 100.929.000.713 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | (*) | 2030 | Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 | 202.709.898.607 | 262.709.898.607 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | (*) | 2032 | Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ Dự án nhà máy sản xuất kết cấu thép Quốc tế | 98.423.325.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | VND | Lãi suất cố định 7,5%/năm | 2028 | Tài sản hình thành vốn vay | 391.000.000 | - |
| Cá nhân | VND | 6%/năm | 2027 | Không có tài sản bảo đảm | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| | | | | | **7.411.597.823.423** | **7.488.722.401.619** |

(*) Khoản vay áp dụng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(**) Khoản vay áp dụng lãi suất cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong các năm tiếp theo, lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(***) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.

(i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

| | Loại tiền | Năm đáo hạn | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|---|---|
| Lô 1 | VND | 2027 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| Lô 2 | VND | 2027 | 900.000.000.000 | 900.000.000.000 |
| **Tổng cộng mệnh giá** | | | **1.200.000.000.000** | **1.200.000.000.000** |
| Chi phí phát hành trái phiếu | | | (11.326.881.908) | (16.100.236.482) |
| | | | **1.188.673.118.092** | **1.183.899.763.518** |

Các khoản trái phiếu áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày cuối năm, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn do một số cá nhân có liên quan nắm giữ (tại ngày đầu năm: các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và toàn bộ số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Tập đoàn sở hữu).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc mua các cổ phần hiện có và cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Western Pacific, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

## 32. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

| | Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND | Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND | Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mỏ VND | Dự phòng các hợp đồng có rủi ro lớn VND | Dự phòng trợ cấp thôi việc VND | Tổng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số dư đầu năm** | **50.966.239.019** | **1.926.455.537** | **2.936.432.120** | **-** | **1.256.619.101** | **57.085.745.777** |
| Trích lập/(hoàn nhập) trong năm | 50.279.682.696 | 59.866.221.656 | 2.496.897.133 | 5.648.602.513 | (65.683.675) | 118.225.720.323 |
| Sử dụng trong năm | (281.817.033) | (709.193.720) | - | - | (96.264.892) | (1.087.275.645) |
| **Số dư cuối năm** | **100.964.104.682** | **61.083.483.473** | **5.433.329.253** | **5.648.602.513** | **1.094.670.534** | **174.224.190.455** |
| **Trong đó:** | | | | | | |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 37.920.944.801 | 1.217.261.817 | - | - | - | 39.138.206.618 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 63.043.159.881 | 59.866.221.656 | 5.433.329.253 | 5.648.602.513 | 1.094.670.534 | 135.085.983.837 |

## 33. VỐN CHỦ SỞ HỮU

***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.109.955.580.000 | 711.136.556.786 | 46.847.073.442 | 708.285.511 | (1.277.863.726) | 292.725.159.814 | 65.403.533.120 | 852.993.584.938 | 2.069.119.300.469 | 7.147.611.210.354 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 467.582.890.486 | 242.392.503.244 | 709.975.393.730 |
| Tăng vốn tại công ty con bằng các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | 5.000.000.000 | - | - | (5.000.000.000) | - | - | - | - |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con | - | - | - | - | - | - | - | - | 44.200.000.000 | 44.200.000.000 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 466.465.630.000 | - | - | - | - | - | - | (466.465.630.000) | - | - |
| Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | - | - | - | (180.531.509.787) | (180.531.509.787) |
| Thoái vốn đầu tư tại công ty con nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát | - | - | (1.000.000.000) | - | - | - | - | 848.269.093 | 15.551.730.907 | 15.400.000.000 |
| Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con cấp 2 | - | - | - | - | - | - | - | - | (4.351.338.386) | (4.351.338.386) |
| Biến động do thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | - | (128.561.315) | - | (128.561.315) |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo | - | - | - | - | (1.905.653.417) | - | - | - | - | (1.905.653.417) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | - | 11.124.148.057 | - | (11.124.148.057) | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (17.125.651.021) | (1.254.993.081) | (18.380.644.102) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | - | - | - | (6.000.000.000) | - | (6.000.000.000) |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (Giảm)/tăng khác | - | - | - | - | - | (275.400.561) | - | | | |
| Số dư cuối năm | 3.576.421.210.000 | 711.136.556.786 | 50.847.073.442 | 708.285.511 | (3.183.517.143) | 298.573.907.310 | 65.403.533.120 | 826.354.445.227 | 2.189.757.798.643 | 7.716.019.292.896 |

***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)***

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025** | | | | | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **3.576.421.210.000** | **711.136.556.786** | **50.847.073.442** | **708.285.511** | **(3.183.517.143)** | **298.573.907.310** | **65.403.533.120** | **826.354.445.227** | **2.189.757.798.643** | **7.716.019.292.896** |
| Lợi nhuận trong năm | | | | | | | | 1.041.376.121.606 | 314.710.149.650 | 1.356.086.271.256 |
| Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 536.432.220.000 | (536.432.220.000) | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Tăng vốn tại công ty con bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | - | 30.368.306.700 | - | - | - | - | (30.368.306.700) | - | - |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con | - | - | - | - | - | - | - | - | 105.109.788.358 | 105.109.788.358 |
| Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát | 466.465.630.000 | - | - | - | - | - | - | - | (239.624.556.285) | (239.624.556.285) |
| Thoái vốn đầu tư vào công ty con | - | - | - | - | - | (1.684.335.744) | - | 1.684.335.744 | (69.089.644) | (69.089.644) |
| Biến động do thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | - | 440.835.699 | - | 440.835.699 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo | - | - | - | - | 1.233.656.863 | - | - | - | - | 1.233.656.863 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | - | 2.933.387.468 | - | (2.933.387.468) | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (34.239.627.517) | (1.426.931.347) | (35.666.558.864) |
| Trích quỹ ban điều hành | - | - | - | - | - | - | - | (15.737.805.491) | - | (15.737.805.491) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | - | - | - | (11.040.000.000) | - | (11.040.000.000) |
| Tăng/(giảm) khác | - | - | - | - | - | - | - | 1.728.976.935 | (1.007.873.166) | 721.103.769 |
| **Số dư cuối năm** | **4.112.853.430.000** | **174.704.336.786** | **81.215.380.142** | **708.285.511** | **(1.949.860.280)** | **299.822.959.034** | **65.403.533.120** | **1.777.265.588.035** | **2.367.449.286.209** | **8.877.472.938.557** |

***Cổ phiếu***

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 411.285.343 | 357.642.121 |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *411.285.343* | *357.642.121* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 411.285.343 | 357.642.121 |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *411.285.343* | *357.642.121* |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## 34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện các hợp đồng thuê đất, thuê tài sản của Tập đoàn. Tập đoàn phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê đất, thuê tài sản trong tương lai như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Từ 1 năm trở xuống | 10.341.222.012 | 10.185.240.588 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 22.578.509.191 | 18.716.445.636 |
| Trên 5 năm | 20.756.564.741 | 20.823.489.920 |
| | **53.676.295.944** | **49.725.176.144** |

| **Ngoại tệ các loại** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|---|---|---|
| Đô la Mỹ (USD) | 24.035.754 | 29.175.465 |
| Kíp Lào (LAK) | 614.194 | 608.001 |
| Đô la Úc (AUD) | 73.758 | 207.918 |
| Peso Philippines (PHP) | 16.587.819 | - |

## 35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam và hoạt động xuất khẩu của Tập đoàn không chiếm tỉ trọng trọng yếu. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Tập đoàn có các bộ phận chia theo các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1.

Tập đoàn theo dõi kết quả hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận kinh doanh cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi, lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi, lỗ của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán các bộ phận cụ thể như sau:





| | Xây lắp và xây dựng VND | Sản xuất công nghiệp VND | Bất động sản VND | Năng lượng VND | Thương mại VND | Khai thác, vận hành khu công nghiệp VND | Khai khoáng VND | Các hoạt động khác VND | Tổng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025** | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6.698.236.176.461 | 1.469.096.530.774 | 791.398.991.696 | 1.802.405.071.098 | 482.266.054.750 | 642.254.691.101 | **1.139.710.871.345** | 59.426.533.872 | 13.084.794.921.097 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | (5.956.608.552.596) | (1.287.846.641.824) | (643.444.981.746) | (757.084.735.690) | (447.020.391.144) | (525.270.851.899) | (698.595.785.914) | (50.150.905.838) | (10.366.022.846.651) |
| Lợi nhuận gộp theo bộ phận | 741.627.623.865 | 181.249.888.950 | 147.954.009.950 | 1.045.320.335.408 | 35.245.663.606 | 116.983.839.202 | 441.115.085.431 | 9.275.628.034 | 2.718.772.074.446 |
| Chi tiêu vốn bộ phận | 165.817.913.321 | 271.537.206.762 | 56.014.393 | 788.418.162.104 | 63.200.000 | 23.612.331.954 | 54.354.619.471 | 84.915.223 | 1.303.944.363.228 |
| **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024** | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.686.739.333.726 | 1.457.375.933.958 | 39.225.284.097 | 1.706.289.302.547 | 837.422.249.307 | 599.334.946.399 | 1.710.873.778.599 | 51.640.791.986 | 10.088.901.620.619 |
| **Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp** | (3.428.358.689.800) | (1.313.129.291.649) | (18.362.518.743) | (760.402.029.935) | (831.146.744.500) | (450.520.308.384) | (1.146.153.010.488) | (48.434.426.129) | (7.996.507.019.628) |
| Lợi nhuận gộp theo bộ phận | 258.380.643.926 | 144.246.642.309 | 20.862.765.354 | 945.887.272.612 | 6.275.504.807 | 148.814.638.015 | 564.720.768.111 | 3.206.365.857 | 2.092.394.600.991 |
| Chi tiêu vốn bộ phận | 12.087.381.208 | 28.751.027.771 | 658.125.908 | 20.168.478.436 | - | 42.264.954.186 | 130.204.202.650 | 361.446.824 | 234.495.616.983 |
| **Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025** | | | | | | | | | |
| Tài sản | 2.530.583.847.458 | 1.132.670.643.844 | 1.211.766.188.527 | 9.021.528.485.602 | 594.839.967.483 | 1.642.257.146.839 | 1.915.894.990.590 | 43.727.039.134 | 18.093.268.309.477 |
| Tài sản bộ phận | | | | | | | | | 6.469.602.523.736 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | 24.562.870.833.213 |
| Tổng Tài sản | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả | 3.950.155.563.471 | **809.819.528.031** | 804.889.977.155 | 5.814.855.871.410 | **223.975.935.727** | 276.132.814.644 | 1.128.826.783.034 | 22.368.855.728 | 13.031.025.329.200 |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.902.631.794.913 | **723.731.548.075** | 1.309.608.304.859 | 9.008.063.060.286 | **241.386.683.338** | 1.399.100.103.337 | 2.170.526.667.505 | 27.819.880.071 | 16.782.868.042.384 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | 4.204.776.698.744 |
| Tổng Nợ phải trả | | | | | | | | | 20.987.644.741.128 |
| **Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024** | | | | | | | | | |
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 1.902.631.794.913 | **723.731.548.075** | 1.309.608.304.859 | 9.008.063.060.286 | **241.386.683.338** | 1.399.100.103.337 | 2.170.526.667.505 | 27.819.880.071 | **16.782.868.042.384** |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | **4.204.776.698.744** |
| Tổng Tài sản | | | | | | | | | 20.987.644.741.128 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.600.967.413.927 | **511.673.313.711** | 405.093.392.252 | 5.406.095.610.792 | **4.396.392.430** | 36.453.218.308 | 1.439.154.983.426 | 10.079.376.073 | **9.413.913.700.919** |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | **3.857.711.747.313** |
| Tổng Nợ phải trả | | | | | | | | | **13.271.625.448.232** |

## 36. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp | 6.698.236.176.461 | 3.686.739.333.726 |
| Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp | 1.469.096.530.774 | 1.457.375.933.958 |
| Doanh thu bán điện | 1.802.405.071.098 | 1.706.289.302.547 |
| Doanh thu bán tinh quặng khoáng sản | 1.139.710.871.345 | 1.710.873.778.599 |
| Doanh thu chuyển nhượng bất động sản | 774.336.614.886 | 23.597.687.931 |
| Doanh thu khai thác, vận hành khu công nghiệp | 642.254.691.101 | 599.334.946.399 |
| Doanh thu bán hàng hóa vật tư | 482.266.054.750 | 837.422.249.307 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 17.062.376.810 | 15.627.596.166 |
| Doanh thu khác | 59.426.533.872 | 51.640.791.986 |
| | 13.084.794.921.097 | 10.088.901.620.619 |
| Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 44) | 88.836.566.778 | 39.402.848.900 |

## 37. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp | 5.919.405.558.927 | 3.428.358.689.800 |
| Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp | 1.287.846.641.824 | 1.313.703.277.941 |
| Giá vốn bán điện | 757.084.735.690 | 760.402.029.935 |
| Giá vốn bán tinh quặng khoáng sản | 698.595.785.914 | 1.146.153.010.488 |
| Giá vốn chuyển nhượng bất động sản | 634.666.580.734 | 14.940.529.320 |
| Giá vốn khai thác, vận hành khu công nghiệp | 525.270.851.899 | 450.520.308.384 |
| Giá vốn bán hàng hóa, vật tư | 447.020.391.144 | 831.146.744.500 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư | 8.778.401.012 | 3.421.989.423 |
| Giá vốn khác | 50.150.905.838 | 48.434.426.129 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 37.202.993.669 | (573.986.292) |
| | 10.366.022.846.651 | 7.996.507.019.628 |

## 38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.662.709.987.267 | 2.435.290.264.669 |
| Chi phí nhân công | 591.020.271.133 | 477.242.770.235 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 881.767.230.099 | 877.613.082.201 |
| Trích lập dự phòng | 233.716.276.319 | 69.445.943.446 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.694.194.475.195 | 4.153.808.230.900 |
| Chi phí khác | 331.929.109.086 | 377.292.336.953 |
| | 10.395.337.349.100 | 8.390.692.628.404 |





## 39. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 136.042.508.937 | 93.283.321.155 |
| Lãi do thoái vốn đầu tư công ty con | 53.188.773.737 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 52.584.994.726 | 35.186.780.749 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 5.322.106.442 | 8.367.973.858 |
| Lãi do thanh lý khoản đầu tư ngắn hạn khác | 619.999.392 | - |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 171.806.621 | 1.247.594.132 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 101.636.381 | 475 |
| | 248.031.826.236 | 138.085.670.369 |

## 40. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 677.367.658.282 | 696.433.403.263 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 85.869.169.783 | 143.861.691.456 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 31.490.038.618 | 15.551.283.929 |
| Chi phí khác liên quan đến khoản vay | 15.403.441.794 | 19.987.042.151 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 4.786.468.186 | 4.773.354.574 |
| Chi phí tài chính khác | 943.176.948 | 961.422.169 |
| | 815.859.953.611 | 881.568.197.542 |

## 41. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên | 6.196.224.471 | 6.044.346.563 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 44.543.371 | 64.864.256 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.000.000 | 8.027.398 |
| Chi phí dự phòng | 50.279.682.696 | 17.504.492.596 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 45.550.874.341 | 53.014.224.228 |
| Chi phí khác | 1.753.279.543 | 1.896.802.473 |
| | 103.834.604.422 | 78.532.757.514 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên | 282.959.360.359 | 233.436.878.491 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 6.492.356.161 | 6.308.412.475 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 57.456.072.965 | 56.677.326.669 |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.438.140.624 | 7.478.769.712 |
| Chi phí dự phòng | 78.221.878.652 | 82.471.887.079 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 105.026.504.050 | 75.765.541.236 |
| Chi phí khác | 23.787.379.479 | 25.586.724.494 |
| | 557.381.692.290 | 487.725.540.156 |

## 42. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 205.031.201.557 | 123.455.036.456 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 143.779.767 | 1.415.782.104 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 205.174.981.324 | 124.870.818.560 |

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Tập đoàn được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ năm 2017 đến năm 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Tập đoàn được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Tập đoàn được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ năm 2017 đến năm 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Tập đoàn được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến năm 2030).

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Tập đoàn được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ năm 2020 đến năm 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Tập đoàn được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Đối với Dự án Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu - công ty con của Tập đoàn được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ năm 2017 đến năm 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Trung Thu có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Đối với Dự án Thủy điện Mông Ân, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc - công ty con của Tập đoàn được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ năm 2020 đến năm 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Mông Ân có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2024 đến năm 2032).

Đối với Dự án Phong điện Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy - các công ty con của Tập đoàn được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên các dự án điện gió có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2022 đến năm 2025) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034).





Đối với Dự án Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng - công ty con của Tập đoàn được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích và cung cấp dịch vụ cần thiết cho hoạt động của khu công nghiệp.

Đối với dự án của Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con cấp 2 của Tập đoàn được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong thời hạn 10 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu dự án đầu tư. Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập tính thuế (năm 2021 và năm 2022) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm năm 2023 đến năm 2026).

Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh còn lại, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

## 43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND) | 1.041.376.121.606 | 467.582.890.486 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính | (76.256.704.927) | (34.239.627.517) |
| Trích quỹ ban điều hành ước tính | (35.050.416.040) | (15.737.805.491) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | (11.040.000.000) | (6.000.000.000) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 919.029.000.639 | 411.605.457.478 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 411.285.343 | 411.285.343 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 2.235 | 1.001 |

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho năm 2024 và điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị năm 2024 đã được Đại hội đồng Cổ đông Tập đoàn phê duyệt trong năm 2025, cụ thể như sau:

| | Số trình bày lại | Số đã báo cáo |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND) | 467.582.890.486 | 467.582.890.486 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính | (15.737.805.491) | - |
| Trích quỹ ban điều hành ước tính | (34.239.627.517) | (46.758.289.049) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | (6.000.000.000) | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 411.605.457.478 | 420.824.601.437 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 411.285.343 | 357.642.121 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 1.001 | 1.177 |

## 44. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:***

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng | Công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Western Pacific | Công ty liên kết |
| Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | |





***Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:***

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng | 88.836.566.778 | 39.402.848.900 |
| | 88.836.566.778 | 39.402.848.900 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng | 55.581.303.939 | 79.166.213.680 |
| | 55.581.303.939 | 79.166.213.680 |

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:***

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng | 29.339.047.112 | 28.457.138.160 |
| | 29.339.047.112 | 28.457.138.160 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng | 978.132.269 | 2.686.454.802 |
| | 978.132.269 | 2.686.454.802 |
| Phải thu ngắn hạn khác | | |
| Công ty Cổ phần Western Pacific | 1.428.000 | 33.029.268.000 |
| | 1.428.000 | 33.029.268.000 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng | 13.892.775.297 | 32.306.117.963 |
| | 13.892.775.297 | 32.306.117.963 |

***Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:***

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| **Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị** | **11.040.000.000** | **6.000.000.000** |
| Ông Trịnh Văn Tuấn | 6.600.000.000 | 3.975.000.000 |
| Ông Phan Ngọc Hiếu | 1.440.000.000 | 360.000.000 |
| Ông Vũ Ánh Dương | 1.440.000.000 | 540.000.000 |
| Ông Võ Hồng Quang | 780.000.000 | 540.000.000 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | 780.000.000 | 540.000.000 |
| Ông Mai Lương Việt | - | 45.000.000 |
| | | |
| **Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc** | **14.409.435.645** | **5.168.660.425** |
| Ông Vũ Ánh Dương | 3.097.821.128 | 1.306.734.106 |
| Ông Đặng Quốc Tường | 3.427.719.654 | 918.759.840 |
| Ông Võ Hồng Quang | 1.924.897.428 | 1.244.577.696 |
| Ông Nguyễn Nhật Tân | 1.220.243.347 | 851.733.190 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | 440.600.000 | 206.000.000 |
| Ông Trịnh Ngọc Anh | 1.734.341.198 | 315.074.696 |
| Ông Trịnh Quang Thành | 1.370.126.406 | 325.780.897 |
| Ông Nguyễn Thế Vũ | 1.193.686.484 | - |
| | | |
| **Thù lao của Ban Kiểm soát** | **120.000.000** | **120.000.000** |
| Bà Nguyễn Thị Hải Hà | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Cường | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Sáng | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải Hà | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Cường | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Sáng | 24.000.000 | 24.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

| Bùi Công Thành | Trần Thị Minh Việt | Vũ Ánh Dương |
|---|---|---|
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| | | *Ngày 28 tháng 3 năm 2026* |